

# CỎ THƠM

## **CHỦ NHIỆM**

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

## **PHÓ CHỦ NHIỆM**

PHAN KHÂM

## **NHÓM CHỦ BÚT**

NGÔ TĂNG GIAO.  
TRẦN BÍCH SAN. BÌNH HUYỀN.  
PHẠM VĂN TUẤN.  
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

## **TỔNG THƯ KÝ**

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

## **WEBSITE**

PHAN ANH DŨNG  
NGUYỄN VĂN BÁ  
THỦY SENSER  
[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)

## **TRÌNH BÀY**

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

## **TÒA SOẠN**

11623 CHAPEL CROSS WAY  
RESTON, VA 20194, USA  
TEL. (703) 471-1271  
FAX (703) 471-1196  
Email: [dsenser@yahoo.com](mailto:dsenser@yahoo.com)

## **BAN BIÊN TẬP**

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH. Ý ANH.  
VIỆT BẰNG. HẢI BẰNG H.D.B.  
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.  
HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.  
VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.  
VI KHUÊ. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.  
NGUYỄN PHÚ LONG. LÊ LUYẾN. VŨ NAM.  
CAO MỸ NHÂN. ĐẶNG NGUYỄN.  
DIỆU TÂN - NGUYỄN VĂN THÀNH.  
TIỂU THU. HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG.  
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.  
THANH TRANG. HÀ BÌNH TRUNG.  
TẠ QUANG TRUNG. NGUYỄN ĐĂNG TUẤN.  
NGUYỄN TƯỜNG VÂN. KIM VŨ.

## **ĐẠI DIỆN**

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA  
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA  
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ  
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN  
HỒNG PHÚC: Dallas, TX  
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: Riverview, FL  
TIỂU THU: Québec, Canada  
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY  
BÌNH HUYỀN: France  
VŨ NAM: Germany



**THÁNG 12 NĂM 2008**

# MỤC LỤC

	Trang	DIỆU TẤN: Trùng Tu Bảo Tồn Di tích.	140
ĐINH CUỒNG: tranh sơn dầu	Bìa	PHẠM TRỌNG LỆ: Et Tu Brutè?	146
Xóm Nhà Annandale Mùa Đông		KIM VŨ: Chén Quỳnh Tháng Sáu.	155
		VI KHUÊ: Biển Cố Đầu Tiên	159
<b>VĂN</b>		HOÀNG DUNG: Đôi Bàn Tay	161
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	4	NGUYỄN PHÚ THỨ:	166
Tâm Tình Mùa Đông.		Năm Sửu Nói Chuyện Trâu	
HỒ TRƯỜNG AN:	6	NGUYỄN VĂN THÀNH: Một Vài Cảm	173
Ấn Dụ Trong Văn Chương		Nghi Về Án Tử Hình (tiếp theo)	
TIỂU THU: Hạt Sầu	16	<b>THƠ</b>	
NGUYỄN PHÚ LONG:	23	PHAN KHÂM: Thực	21
Tản Mạn... Thông Ngôn		HỒ CÔNG TÂM: Những Chiều Đông	22
PHẠM VĂN TUẤN:	30	CAO MỸ NHÂN: Thoáng Lập Đông	22
Ernest M. Hemingway với tác phẩm Ngư		NGUYỄN KINH BẮC: Thôi Đành	22
Ông và Biển Cả.		MINH ĐỔ: Đêm Cuối	22
LÊ LUYẾN: Tác Lòng Người Dũng Tướng	40	BÙI THANH TIÊN: Bài Tango	28
NGUYỄN CAO QUYÊN: Luận về hồi ký	52	Đêm Giáng Sinh	
“Đứng Dậy thêm Lần Nữa” (Get Up One		VIỆT BẰNG: Dường Như Đã Quên	35
More Time) của Nguyễn Đăng Hải		NGUYỄN PHÚ LONG: Hội Ngộ Cảm Tác	62
NGUYỄN LÂN: Trông Vời cố Quốc	56	PHAN KHÂM: Tâm Tư Tửu	62
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO:	66	GIA TRẠNG LNQ:	71
Đổi Trắng Thay Đen.		Năm Trâu Vững Mạnh.	
NGUYỄN T. SONG HÀ: Thần Tượng Xi-Nê	72	DƯƠNG HUỆ ANH: Thử Ngó Minh	71
HẢI BẰNG, HDB: Vũ Hối,	76	YÊN VI: Mùa Đông Tuyết Đổ	71
Nghệ Thuật Thư Họa.		TẢN ĐÀ NKH: Vịnh Bức Dư Đồ Rách	84
LÊ THƯƠNG: Dòng Lệ Sử	87	HỒ CÔNG TÂM:	84
Duyên Việt – Tình Chiêm.		Việt Nam Bên Bờ Vực Thẳm.	
PHẠM THỊ NHUNG:	92	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Cảnh Quê	84
Cô Kiều Với Phạm Quỳnh.		TÂM MINH: Áo Gấm Về Làng	84
BÌNH HUYỀN: Tình Đầu Duyên Muộn	103	HUYỀN TỊNH CỬA: ,	85
NGUYỄN THỊ THANH:	113	Tục Ngữ, Cổ Ngữ Gia Ngôn.	
Văn Hóa Tiền Sử Việt Nam.		HỒNG THÚY: Lời Ước đầu Năm	100
ĐỖ PHÚ: Người Việt Tại Praha	122	UYÊN PHƯƠNG Minh Nguyệt:	109
Cộng Hòa Séc		Cô Láng Giềng Của Tôi.	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	128	THÙY HUYỀN & TRỌNG BÌNH:	112
Tôi Lên xứ Hoa Đào			

Lời Nguyện Mùa Xuân.	
QUỖNH ANH: Gió Bay.	137
VÂN NƯƠNG LNC:	137
Khí Thiêng Sông Núi	
KIỀU ANH: Mãi Còn Xuân.	137
LÝ HIẾU: Lên Đường	145
ĐẶNG NGUYỄN: Nửa Vầng Trăng Thu.	145
HOÀNG SONG LIÊM: Mùa Đông.	145
VI KHUÊ: Kính Tiễn Hương Linh	157
Hà Thúc Tiên Sinh.	
HOÀNG Bạch Mai: Đông Về	162
TẠ QUANG TRUNG:	163
Bài Thơ Tình Đầu Năm	
HÀ THƯỢNG NHÂN: Khóc Phương Triều	163
HỒNG Thủy: Lời Ước Đầu Năm	181
HỒ CÔNG TÂM: Gửi theo Hương Hồn	188
Tác Giả "Giọt Sữa Đất"	
PHƯƠNG TRIỀU: Giọt Sữa Đất	188
<b>NHẠC:</b>	
ĐÌNH HÙNG: Bài Tango Đêm	29
Giáng Sinh, thơ BÙI THANH TIÊN.	
HUY LÂM: Tình Người Cô Đơn	74
PHẠM TUÂN: Lá Chết	138
phổ thơ NGUYỄN TƯỜNG VÂN.	
<b>GIAO ĐIỂM</b>	
ARMAND SULLY BRUDHOMME:	39
Le Vase Brisé.	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	39
Bình Hoa Vỡ	
CHU VĂN AN: Thôn Nam Sơn Tiểu Khê	91
TÂM MINH: Tạm Nghỉ Núi Thôn Nam	91
JAQUES PREVERT: Les Feuilles Mortes	101
VĂN BÁ: Lá Rụng.	101
NGUYỄN NGỌC BÍCH: Con Voi,	164
Nu Na Nu Nống,, Ông Ninh Ông Nang	
Thìa La Thìa Lầy.	

<b>HỌA</b>	
VŨ THÁI HÒA:	91
Đóng mừng Lễ Giáng Sinh.	

<b>HÌNH ẢNH</b>	
TRANH THANH TRÚC: Thu Paris	102

<b>GIỚI THIỆU SÁCH</b>	
ĐỨNG DẬY THÊM LẦN NỮA	53
của Nguyễn Đăng Hải	
QUA ĐỔI TRÌNH NỮ	162
của Thảo Nguyên	
MÙA XUÂN KHÔNG TRỞ LẠI,	186
ĐẤT THỐN: của Lê Luyến.	

<b>SINH HOẠT</b>	
Cỏ Thơm Hợp Mặt Mùa Thu:	182
Văn Nghệ Chào Mừng:	183
Nhạc Sĩ Thanh Trang và Ngô Thụy Miên	

<b>ĐÍNH CHÍNH</b>	186
-------------------	-----

<b>PHÂN ƯU</b>	
CỤ NGUYỄN THỊ BÉ	55
CỤ NGUYỄN THANH HÙNG	187
Văn Thi Sĩ PHƯƠNG TRIỀU	189
Giáo Sư VŨ KÝ	190

<b>QUẢNG CÁO</b>	
BUDDY PHOTO	172
Phòng mạch BS NGUYỄN KIM DUNG	191
SOVEREIGN REALTY, INC.	191
Phòng Mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	192
Phòng Mạch BS VÕ ĐẠM	192
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	193
PHIẾU MUA BÁO	194
TỦ SÁCH HỘI VIÊN CỎ THƠM	195

# Tâm Tình Mùa Đông

**B**ốn mùa vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn thường rất tuyệt vời. Mùa đông tuyết trắng, mùa xuân hoa đào, mùa hè nắng thắm, mùa thu lá vàng. Nhưng mùa thu vừa qua thật căng thẳng với cuộc bầu cử tổng thống. Lá rụng vàng cả không gian vàng cả lòng. Kết quả, đa số nước Mỹ đã chọn tổng thống mới. Ngày 20 tháng 1, 2009, ông sẽ tuyên thệ nhậm chức. Dù dân chúng Mỹ có hài lòng hay không, cũng phải chấp nhận ông 4 năm nữa. Chỉ cầu mong tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Hoa Kỳ và thế giới sẽ ổn định và khá hơn trong bình yên tốt đẹp.

Và bây giờ, mùa đông đã trở lại xứ tình nhân Virginia, nơi trụ trì tòa soạn Cỏ Thơm. Thời tiết không man mát lành lạnh như Đà Lạt, như Sapa. Mùa đông Virginia nhiều khi lạnh dưới không độ F. Cây cối trơ trụi. Nếu còn chiếc lá nào thì cũng bị cứng như đá. Cây cành lóng lánh như pha lê trong ánh mặt trời. Khi đá tan, lá cây, ngọn cỏ như nát như bị luộc. Có những buổi sáng bình con mắt dậy, một trời tuyết rơi trắng xóa, cây cối như trở bông gòn. Người đi đường phải mặc áo bông, áo len, áo dạ, đội mũ, quàng khăn cổ, mang bao tay, đi giày ủng mới đủ ấm. Trẻ con, người lớn có thể trượt tuyết, trượt băng ngay trong vườn nhà hay ngoài công viên. Nhà nào cũng có hệ thống máy sưởi điện. Nhưng nhiều nhà vẫn dùng lò sưởi đốt củi như họa phẩm sơn dầu, *Xóm Nhà Annandale Mùa Đông* của Họa Sĩ Đinh Cường trên bìa Cỏ Thơm số 45 này. Cuộn khói tỏa bay, lò sưởi lửa hồng, dồn bước chân lữ khách mau mau về xum họp bên người thân yêu dưới mái ấm gia đình, nồng nàn hạnh phúc. Tam Ca Nguyệt San Cỏ Thơm hân hạnh có tranh của anh Đinh Cường.

Mùa đông lạnh giá ngoài trời, nhưng tình người, tình văn học trong vườn hoa Cỏ Thơm luôn luôn ấm áp. Chúng tôi có vài chuyện tâm tình cùng quý vị:

Đầu mùa thu vừa qua, nhân dịp phát hành Cỏ Thơm số 44, Người Cỏ Thơm ở Thủ Đô Richmond, Miền Nam Virginia, đã có một buổi họp mặt tại tư gia Nghiêm Thái Phụng. Vì đường xá xa xôi, Ngọc Dung đã phải xâm mình làm người hùng xa lộ chở hai cặp uyên ương Hoàng Song Liêm và Thế Mai, cùng Nguyễn Huy Long và Trương Anh Thụy xuống họp mặt với quý anh chị Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Nguyễn Phú Long, Phạm Thị Nhân, Phạm Xuân Hải, Phạm Thị Đức, Lê Thương, Tạ Quang Trung, Lê Luyến, Hoàng Tiếp... Sau buổi họp ăn uống, ca hát ngắn ngủi, năm nhân mạng lại xông vào gió mưa tầm tã trở về Miền Bắc. May mắn bình an, vô sự. Tuy nhiên vẫn hẹn hò phải gặp nhau thường xuyên hơn.

Tuần sau đó, vào ngày 5 tháng 10, chương trình nhạc thính phòng “Tình Khúc Mùa Thu” của Ngô Thụy Miên và Thanh Trang với sự hiện diện của hai tác giả, được Nhạc Sĩ Văn Sơn Trường, chủ biên Website Cỏ Thơm Phan Anh Dũng, chủ biên Website *DC Có Gì Là Không Em* Phạm Xuân Thái và Nhà Văn Nguyễn Đức Nam, chủ nhiệm Kỷ Nguyên Mới, tổ chức. Chương trình thành công rực rỡ, khán thính giả đầy chật hội trường. Kết quả thu được hơn

\$20 ngàn Mỹ kim giúp Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa đang sống lây lất bên quê nhà. Trong chương trình nhạc thính phòng này, ngoài những nhạc phẩm đã nổi tiếng được các ca sĩ thành danh như Diễm Liên, Quang Tuấn, Thanh Tuyên, Hoàng Tiếp, Thiên Kim trình bày thật xuất sắc, bài hát *Tóc Em Vẫn Là Hương Của Mẹ*, nhạc của Thanh Trang, ý thơ của Hà Nguyên Dũng và bài hát *Trả Lại Cho Em*, nhạc Ngô Thụy Miên, thơ Vũ Quỳnh Anh đã nhập hồn thính giả và còn vang vọng đến giờ phút này. Cả hai bài đều do Diễm Liên ca. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm hân hạnh có Thanh Trang trong ban chủ biên.

Buổi chiều ngày 4 tháng 10, ban tổ chức *Tình Khúc Mùa Thu* đã mượn Tòa Soạn Cỏ Thơm để chào mừng anh chị Thanh Trang và anh chị Ngô Thụy Miên. Vì cơ sở nhỏ hẹp, ban tổ chức chỉ mời khoảng gần 40 thân hữu tham dự và ca những bản nhạc của hai tác giả mà thôi. Tuy nhiên, ban tổ chức rất hài lòng về buổi tiền *Tình Khúc Mùa Thu* này.

Tiết trời lạnh lẽo, nhưng vườn hoa Cỏ Thơm vẫn tươi thắm, ngát hương bốn mùa. Trong số báo này quý vị sẽ cảm thấy như được sưởi ấm qua những bài thơ tâm tình mùa đông của Hồ Công Tâm, Cao My Nhân, Nguyễn Kinh Bắc, Minh Đỗ, Hoàng Song Liêm, Bạch Mai, Yên Vi... Quý vị cũng tìm thấy tiếng thơ, điệu nhạc “Tango Đêm Giáng Sinh” của Bùi Thanh Tiên...

Mùa Đông Âu Mỹ cũng là mùa Tết và mùa Xuân bên quê nhà. Tết Kỷ Sửu năm nay vào ngày thứ hai 26 tháng 1, 2009. Cỏ Thơm xin mời quý vị thưởng thức bài thơ “Năm Trâu Vững Mạnh” của Gia Trọng LNQ và xin gửi đến quý vị “Lời Nguyện Mùa Xuân” của Thùy Nguyên và Trọng Bình, và Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ vừa trình làng Cỏ Thơm với “Năm Sửu Nói Chuyện Trâu”.

Ngoài ra như thường lệ, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm vẫn có những bài biên khảo, những truyện ngắn, những bài bút ký giá trị, vượt không gian và thời gian của các tác giả, xứng đáng với sự đợi chờ trong ba tháng qua của quý vị độc giả...

Đã tưởng mùa thu qua chỉ có màu lá vàng lộng lẫy, đấm đúi hồn người. Nhưng rồi trời thu đã chuyển màu tang ảm đạm cho làng văn học Việt Nam hải ngoại tiễn đưa Văn Thi Sĩ Phương Triều (Austin, TX) và Giáo Sư Vũ Kỳ (Belgium) về nơi tiên cảnh. Toàn ban trị sự và các tác giả Cỏ Thơm xin nghiêng mình thành kính vĩnh biệt người quá cố. Chúc hai vị thanh thản nhẹ bước về cõi bình yên, cực lạc.

Thực tại, chúng ta vẫn phải tiếp tục sống vui, sống lành. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm xin kính chúc quý vị và gia đình một mùa Giáng Sinh, một mùa Tết vui vẻ, một mùa đông ấm áp, khang an. Năm mới Kỷ Sửu, quý đồng bào hải ngoại, đồng bào bên quê nhà hay ở bất cứ phương trời nào nhà nông vẫn còn phải dùng trâu cày ruộng, sẽ gặt hái được mùa màng, thành công tốt đẹp.

Xin hẹn tái ngộ cùng quý vị vào mùa Hoa Anh Đào Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.

*Nguyễn Thị Ngọc Dung*

# ẨN DỤ TRONG VĂN CHƯƠNG

## HỒ TRƯỜNG AN

Hồi 7 tuổi, tôi được nghe người thím dẫu tôi kể chuyện *Giai Nhân và Ác Quỷ* (tên nguyên gốc bằng tiếng Pháp là *La Belle et La Bête*) của Nữ Bá tước Jeanne de Leprince de Beaumont. Chuyện kể một hoàng tử bị một mù phù thủy trừ ếm trở thành con ác quỷ (quái vật đáng hơn với mình người mặt thú). Bà ta dặn chàng rằng sau này nếu có cô gái nào yêu chàng với tấm lòng chân thành thì chàng sẽ xinh đẹp trở lại. Quả vậy về sau, có một cô gái đẹp người lẫn đẹp nét, sau một thời gian sống chung với chàng, tìm ở chàng một tâm hồn cao thượng nên yêu chàng tha thiết và bằng lòng kết hôn với chàng. Túc thì chàng hiện nguyên hình trở lại một hoàng tử xinh đẹp như các vị nam thần trên Thiên đình tận ngọn cao sơn Olympia.

Cốt truyện được thi sĩ kiêm điện ảnh gia Jean Cocteau thực hiện thành phim *La Belle et la Bête* đưa hai diễn viên điện ảnh Pháp là Jean Marais và Josette Day lên tuyệt đỉnh vinh quang.

Sau này, khi chung sống với người bạn lòng, tôi được đương sự giải thích cái ẩn dụ trong cốt truyện: Rằng khi ta yêu người nào thì đương sự dù xấu cũng hóa ra đẹp. Đó là một khía cạnh tâm lý của con người.

Rồi tới tuổi 13 tuổi, tôi tình cờ đọc truyện ngắn *La Légende de l'Homme à la Cerveille d'Or* (Truyện Kỳ Về Người Có Chiếc Sọ Vàng). Đây là một truyện ngắn trong quyển tập truyện *Lettres de Mon Moulin* (Những Lá Thư Viết Từ Nhà Cối Máy Xay Lúa) của văn hào

Alphonse Daudet. Đây là sự tích một người có chiếc sọ vàng. Vàng trong sọ tạo một kho tàng phong phú cho y ta. Y ta bôi vàng ra để ăn tiêu phung phí cho tới ngày vàng gần cạn. Anh ta gặp một cô gái mồm mím dễ thương, nhưng lòng dạ cạn cợt, thích tiêu xài theo hứng bốc đồng. Rồi cô ta chết đi. Anh ta lấy một số vàng còn lại trong sọ để làm lễ ma chay cho vợ thật linh đình. Sau đó, vào một buổi tối, khi phố xá lên đèn, anh ta đứng trước tủ kính một hiệu tiệm, chợt thấy đôi giày bằng xa-tanh xanh viền lông thiên nga rất đẹp. Vì quên rằng vợ mình đã chết, anh vào tiệm mua giày về tặng vợ. Người nữ thương gia đứng phía sau tiệm chợt nghe tiếng la, chạy ra thì thấy y ta tay cầm đôi giày, tay cầm nhúm vàng vấy máu, đứng nhìn bà ta với vẻ mặt đau đớn.

Trong một cuộc phỏng vấn các nhà văn nhà báo do tạp san Bách Khoa tổ chức (tôi quên mất vào năm nào, hình như năm 1979 thì phải), nhạc học giả Trần văn Khê cho biết mình thích truyện ngắn *La Légende de l'Homme à la Cerveille d'Or* nhất. Theo ông, người có sọ vàng là nhà nghệ sĩ. Chất vàng trong xương tủy óc não của đương sự là cảm hứng của nghệ thuật để y ta dâng hiến cho cuộc đời và tạo cái đẹp cho nghệ thuật.

Đây cũng là truyện quái dị mà các học sinh ban Thành Chung trong đó có tôi mê nhất. Nhưng có lẽ bọn nhóc chúng tôi chẳng có đứa nào biết cái ẩn dụ trong truyện mà chỉ thích thú những tình tiết quái dị và éo le của tác phẩm mà thôi.

\*

Vào năm 1951, tôi chưa học hết ban Thành Chung, thì trên các nhật báo ở Sài Gòn loang tin

cuốn phim của Nhật Bản tựa là *Rhashomon* (Lã Sinh Môn) của điện ảnh gia Akira Kurosawa đoạt giải thưởng Lion d'Or trong Đại Hội Điện Ảnh tại Venise. Đây là cốt truyện dựa theo truyện ngắn cùng tựa của văn hào Nhật Bản Ryunosuke Akutagawa (1892 - 1927). Đây là vinh dự chung cho nghệ sĩ các nước Á Châu, sau cái vinh dự của thi hào Ấn Độ Rabinranath Tagore đoạt giải Nobel văn chương qua cả nghìn bài thơ trong đó có thi tập *Les Offrandes Lyriques* (Hiển Lễ Thi Cầm).

Chính nhờ phim Lã Sinh Môn, điện ảnh Nhật Bản được giới khán giả Tây Phương chú ý và đôi tài tử hàng đầu là Toshiro Mifune và Kyo Machiko trở thành diễn viên tên tuổi quốc tế. Cốt truyện như sau: Chàng võ sĩ dắt vợ xuyên qua cánh rừng và bị ám sát. Nhà chức trách điều tra thì biết được người vợ bị tướng cướp cưỡng hiếp. Nhưng cái chết của chàng võ sĩ thì mờ ám. Người vợ khai rằng vì thấy vợ bị cưỡng hiếp mà mình bất lực không bảo vệ được nàng nên chàng võ sĩ tự tử. Còn tướng cướp thì khai rằng sau khi nàng bị cưỡng hiếp trở nên khinh chồng nên nàng bảo hán giết chồng nàng. Những nhân chứng khác trong ngôi cổ miếu, mỗi người khai khác nhau, dù mỗi lời khai của từng người (luôn cả lời khai của người vợ, của tướng cướp, của linh hồn người chồng về nhập xác con đồng), tất cả đều có nhiều điểm chung, ngoài những điểm dị biệt then chốt.

Vậy đâu là sự thật? Vậy cốt truyện phim muốn nói điều gì? Muốn thấp sáng cái ẩn dụ gì? Có phải người trần mắt thịt chúng ta với nhục thân bị giới hạn nên khi đứng tại một vị trí nhỏ hẹp trong không gian, chỉ thấy một phần nhỏ, một khía cạnh của sự thực. Chỉ có Phật là đáng Chánh Đẳng Chánh giác với Phật nhân màu nhiệm mới thấy được toàn vẹn sự thực trong vũ trụ, từ cái vĩ đại vô biên, đến cái cực vi, thấy thông suốt luôn từ trong ra ngoài, thấy đủ mọi góc cạnh phơi bày một lượt. Trong vũ trụ này,

con người giống như những người mù xem con voi. Người sờ được vòi voi cho rằng voi giống như con đĩa khổng lồ. Người sờ được tai voi đồ hồ là voi giống như cái quạt. Người sờ được một chân voi nói rằng voi giống như cây cột. Người sờ được đuôi voi quả quyết voi giống cái phất trần. Nhưng thật ra, con voi gồm cả đầu, thân thể, chân, vòi, tai đuôi. Thấy được tất cả những cái đó cùng một lúc thì mới là thấy con voi đích thực.

Cuốn phim *Rashomon* gợi ý cho điện ảnh gia George Cukor thực hiện phim *The Girls* với Gene Kelly, Mitzi Gaynor, Kay Kendall, Taina Egg (1957), giúp cho điện ảnh gia Martin Ritt thực hiện phim *L'Outrage* với Paul Newman, Laurence Harvey và Claire Bloom (1965).

Vào năm 1982, tôi rời bỏ Paris, định cư luôn ở Troyes, sống chung dưới một mái nhà với người bạn lòng. Trên giá sách của đường sự có bày quyển *A Picture of Dorian Gray* (Le Portrait de Dorian Gray/ Bức Chân Dung Của Chàng Dorian Gray) mà tác giả là Oscar Wilde, do Edmond Jaloux và Félix Frapereau dịch từ nguyên bản tiếng Anh (năm 1954). Oscar Wilde! Một tên tuổi lớn trong văn học sử nước Anh vào thập niên 90 của Thế Kỷ 20, tức là vào thời Đế nhị Đế Quốc bên Pháp. Chính quyển *A Picture Of Dorian Gray* cùng vở kịch *Lady Windermere's Fan* (L'Évetail de Lady Windermere/ Chiếc Quạt của Phu Nhân Widermere) và vở kịch *Salomé* (dành cho nữ hoàng kịch nghệ Pháp là Sarah Bernarhdt chủ diễn) đã đưa ông lên tột đỉnh vinh quang của văn giới khắp hoàn vũ.

Cốt truyện như sau: Tại xưởng vẽ của họa sĩ Basil Hallward, Huân tước Henry ngắm bức chân dung do họa sĩ vừa hoàn thành. Đây là một bức tranh toàn bích. Huân tước gặp luôn người mẫu của bức chân dung kia. Đó là chàng quý tộc đẹp trai tên Dorian Gray, một kẻ nhạy cảm, có nghệ sĩ tính, thích sự hoàn hảo, rất ngưỡng mộ nhân sinh quan của Huân tước Henry. Tình

nương của Dorian Gray là Sybil Vane là một nữ kịch sĩ lừng danh. Nhưng hôm nọ, vì chỉ nghĩ tới người tình lang tuấn mỹ của mình trong lúc đóng tuồng nên nàng diễn xuất dụng vẻ. Dorian Gray trách móc nàng và đoạn tuyệt với nàng. Sybil Vane đau khổ và tuyệt vọng nên tự tử. Lại lòng thay, những lát sơn trên bức chân dung của chàng co rúm lại, biến khuôn mặt trong tranh của chàng xấu xí gớm ghiếc! Dorian Gray đau đớn hạ sát họa sĩ Basil Hallward. Những lát sơn trên bức tranh càng co rúm thêm. Gương mặt trong tranh đã xấu xí lại càng dữ tợn hơn, như khuôn mặt yêu tinh.

Thời gian trôi qua. Dù tuổi tác đã cao, nhưng Dorian Gray vẫn giữ vẻ tươi trẻ. Hình ảnh chàng trong tranh mang hết những dấu vết già nua thay thế cho chàng.

Nhưng rồi khi cảnh sát tìm ra thủ phạm hạ sát họa sĩ Basil Hallward là Dorian Gray. Họ bao vây nhà chàng. Chàng tự tử. Khuôn mặt chàng bỗng đổi ra xấu xí già nua trong khi đó, khuôn mặt chàng trong tranh lấy lại cái mỹ mao trẻ trung như khi bức tranh vừa mới hoàn thành xong.

Vậy thì bức chân dung của chàng Dorian Gray tượng trưng cho cái gì? Tác phẩm *A Picture of Dorian Gray* có cái ẩn dụ gì? Xin thưa: Chân dung trong bức tranh là hình ảnh, là cái bóng phản chiếu của nhân vật Dorian Gray. Còn cái nhân diện và vóc dáng xinh đẹp trẻ trung ở trong cuộc sống của chàng dưới cặp mắt thế nhân là một con người khả ái. Nhưng cái nhân diện và vóc dáng ấy có phải là con người đích thực của chàng đâu. Nó chủ động, gây ra ác nhân ác nghiệp; tâm hồn phong ba và ngạo mạn của chàng đưa đẩy chàng nhúng tay vào những tội ác mà không ai biết. Cho nên chính cái hình ảnh trong tranh mới phản ánh nguyên vẹn con người thật của chàng. Chàng nhìn nó như con yêu tinh nhìn hình ảnh của mình trên cái kính chiếu yêu. Cho nên chàng đau khổ, kinh hãi, ghê tởm. Khi chàng tự sát, chàng đi vào cõi hư vô vĩnh cửu,

bức chân dung kia không còn ai hung ác để phản ảnh nữa nên nó trở về trạng thái ban đầu: những lát sơn lấy lại vị trí cũ, lấy lại luôn màu sắc nguyên sơ. Cho nên con người trong tranh trở lại vẻ tươi trẻ và tuấn mỹ thuở trước. Lúc ấy cái tử thi của chàng phải nhận lãnh tất cả dấu vết của tâm hồn tàn ác kiêu mạn, dấu vết của ác nghiệp ác quả.

Tóm lại, ở nhân vật Dorian Gray, cái nhân diện và vóc dáng là cái bề ngoài che đậy một tâm hồn tội lỗi. Chính bức chân dung kia mới hiển lộ và phản ảnh trọn vẹn con người đích thật của chàng. Chúng ta tìm cái ẩn dụ trong tác phẩm không khó bằng tác giả đã sáng tạo cái ẩn dụ thâm thúy phi thường. Ẩn dụ ấy như tiếng còi báo động, như hồi chuông báo tử bắt chúng ta nhìn sâu vào cái đáy thẳm của hiện hữu, nhìn các tụy đạo và cái vực sâu của nội giới con người.

\*

Văn chương của chúng ta, nhất là truyện ngắn, truyện dài hầu như không có ẩn dụ. Những gì hiện trên mặt chữ thì vẫn là chữ đầu nghĩa đó, không khơi dậy cho độc giả một ý tình nào khác tiềm ẩn dưới mặt chữ. Tuy nhiên, về thi ca, những nhà thơ ái quốc chống Thực Dân thường dùng đồ vật như trong bài *Cây Bắp* (của cụ Thủ Khoa Nguyễn Hữu Huân) *Hột Lúa* (của Phan Văn Trị) để nói lên cái tấm lòng yêu nước yêu dân của mình.

#### ***Cây Bắp***

*Luống chịu ba trăng trắn côi bờ  
Hiềm vì thương chút chúng dân thơ  
Nường oai thích lịch ôm con đở  
Vùng lịnh nam phong phát ngọn cờ  
Miễn dạng an nhà thêm lợi nước  
Chi nài dãi gió lại dầm mưa  
Biển hồ dầu lặng, tấm kính bật  
Giải giáp một phen chúng thủy nhò.*

#### ***Hột Lúa***

*Giã từ thành thị dạo xa chơi*



*Thiên hạ ai mà chẳng biết tôi  
Cối giáp vàng kia phơi chồn chồn  
Bày da ngọc nọ rạng nơi nơi  
Ông cha giúp nước từ bao thuở  
Dòng giống nuôi dân biết mấy đời  
Vì vậy liều mình cơn nước lửa  
Người đà có thấu hời người ôi!*

Đây là 2 bài thơ có ẩn dụ. Vậy ẩn dụ (*parabole/ métaphore*) là gì? Là những vận sự không được tác giả nói ngay như theo một đường thẳng, mà chỉ nói cong queo lòng vòng bằng cách mượn vận sự khác. *Parabole* theo nghĩa toán hình học là đường cong. Phép ẩn dụ chẳng những ngoài sự hiện diện tình ý xoàng xĩnh trên mặt chữ (nghĩa đen) của một tác phẩm văn chương mà còn có những ý nghĩa cao siêu hơn (*méta* theo nghĩa tiếng Hy Lạp là ở trên, là siêu, là vượt bậc) ở nghĩa bóng. Nếu cụ Thủ Khoa Huân và cụ Cử nhân Phan văn Trị chỉ tả cây bắp và hạt lúa suông trơn qua dáng dấp biểu kiến (*aspect apparent*) của chúng thì họ chỉ làm hai bài ngâm vịnh lục tục thường tài. Cụ Thủ Khoa Huân đưa vào thơ tấm lòng ưu thời mẫn thế đối với giang san tổ quốc thì bài thơ mới ngâm ngợi, mới có chiều sâu. Còn cụ Phan nếu không tạo nên thân thế và hình ảnh người chiến sĩ can trường cứu nước giúp dân thì bài thơ này làm sao lộng lẫy nét hào hùng và sôi bùng bùng khí phách?

Nhưng mà này, tại sao chúng ta không nghĩ rằng cụ Thủ Khoa Huân vịnh cây bắp để nói lên hoài cái bão của mình. Tại sao chúng ta không nghĩ rằng cụ Cử Nhân Phan văn Trị mượn hạt lúa để nói lên cái chí khí của mình? Điều này trước đó có vua Lê Thái Tôn đã từng mượn người bù nhìn, thàng mờ, người ăn mày, cây chổi để nói lên công trị nước chân dân cùng cái khí tượng đế vương của mình.

***Người Bù Nhìn***

*Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ  
Vốn lòng vì nước há vì dưng*

*Xét soi trước mặt đôi vùng ngọc  
Vùng vẫy trên tay một lá cờ  
Đẹp giống chim muông xa phải lánh  
Để quân cây cuốc gọi không thua  
Mặc ai nháy nhót đường danh lợi  
On nước đầm đìa hạt móc mưa.*

Lại có một ẩn dụ trong bài phú *Ngọc Tỉnh Liên* (Hoa Sen Trong Giếng Ngọc) của Thừa Tướng Mạc Đĩnh Chi. Số là khi ông đậu trạng nguyên được vào triều đình yết kiến vua. Vua chê ông nhỏ choắt và xấu xí, muốn sa thải ông. Cho nên ông làm bài này để tự biện bạch. Bài này nói lên cái khí phách của ông, ông tự ví mình là hoa sen trong giếng ngọc, hoa đã thanh cao (hoa sen tượng trưng cho bậc quân tử), chốn sinh trưởng lại càng tôn quý (giếng ngọc). Vua nhận thấy bài phú này tuyệt tác nên lưu dụng ông. Xin trích một đoạn bài phú *Ngọc Tỉnh Liên* trong Tập 3 của quyển *Văn Đàn Bảo Giám* do Trần Trung Viện biên soạn (trang 195) :

*Di nhi ca viết:*

*Giá thủy tinh hề vi cung  
Tạc lưu ly vi hộ  
Toái pha lê vi né  
Hương phúc úc hề trùng tiêu  
Đế văn phong hề nữ mộ  
Quế tử lãnh hề vô hương  
Tổ nga phần hề nữ đồ  
Thái đao thảo hề Phương châu  
Vọng mỹ nhân hề Tương phố  
Kiến hà vi hề trung lưu  
Hạp tương phản hề cố vũ  
Khởi hộ lạc hề vô dung  
Thân thuyền quyên hề đa ngộ  
Cầu dư bính chi bất a  
Quả hà thương hồ phong vũ  
Khủng phương hồng hề dao lạc  
Hoài mỹ nhân hề tuế mộ.*

Dịch:

*Ca rằng:*

*Thủy tinh làm mái cung đình*

*Lưu li tạc để nên hình cung môn  
 Pha lê nát nhỏ làm bùn  
 Minh châu làm mốc trên cành tưới cây  
 Hương thơm bay thấu từng mây  
 Bích thiên âu cũng mê say tác lòng  
 Quế thanh khóc vụng tử thầm  
 Tố nga luống những mười phần giận thân  
 Cỏ Dao hái chốn Phương tân  
 Bến Tương trông ngóng mỹ nhân dải dầu  
 Giữa dòng lơ lửng vì đâu  
 Non sông đất cũ có sao chẳng về?  
 Đành nơi lưu lạc quản gì  
 Thuyền quyền lỗ bước lấm bề gian truân  
 Một lòng trung chính nghĩa nhân  
 Lạ chi mưa gió phong trần tuyết sương!  
 Chín c lạt phẩn phai hương  
 Tháng ngày thắm thoát mỹ nhân ai hoài.*  
 (Khuyết Danh)

Sau đó, vào thời Đệ Nhất Cộng Hòa có Tô Thùy Yên trong nhóm Sáng Tạo đã sáng tác một bài thơ ẩn dụ nhan đề là *Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu*. Yên không phải là nhà thơ tư tưởng. Còn Phạm Thiên Thư, dù là tu sĩ Phật giáo, nhưng ông vẫn loạng choạng và



quờ quạng đối với cái tinh thần Bát-nhã tức là cái nền móng căn bản của tinh thần Phật giáo. Đối với Phạm Duy, triết học và tư tưởng tâm linh vẫn còn là một vấn đề mù mịt đối với ông, khi ông nhạc sĩ này đặt lời cho các bản nhạc của ông. Bên văn xuôi, Võ Phiến, qua các bài tùy bút của ông, ông chỉ nghĩ đến những cái bí ẩn trong cuộc sống ở phương diện hiện tượng mà thôi. Do đó, Võ Phiến đào sâu tác phẩm của mình bằng nhân sinh quan. Ông chưa nghĩ tới cái tối hậu, cái chân lý của hiện hữu, cái bản thể

của cuộc sống. Còn Phạm Duy và Tô Thùy Yên chỉ có thể tô điểm lời hát hoặc các câu thơ của mình bằng nhân sinh quan thấp thoáng bóng dáng triết học qua các ngôn ngữ thần bí (*langage mystique*). Thật ra, cả hai trang sức cho lời thơ câu hát của mình bằng những ý tình khoác áo minh triết và thánh triết, chứ không đưa thơ đưa lời hát của họ vào tinh thần minh triết và thánh triết được. Chúng ta vẫn thừa biết nhân sinh quan, ý tình chỉ nhắm vào hiện tượng của sự vật. Trong khi đó, tư tưởng triết học và tư tưởng tâm linh (tức là minh triết) thì nhắm vào bản thể sự vật. Riêng Phạm Thiên Thư thì trang điểm cho các câu thơ của mình bằng ngôn từ trong kinh kệ rất kịch cỡm. Cả bốn Võ Phiến, Phạm Duy, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư, chưa chịu vào trong sân chú nói gì vào tận trong ngôi nhà của bản thể. Nhưng dù sao đi nữa, họ vẫn làm cho thần trí sáng

tạo của mình bùng vỡ biết bao ánh sáng đẹp huy hoàng. Dù sao họ cũng vẫn đều là nghệ sĩ lớn. Thơ Tô Thùy Yên, thơ Phạm Thiên Thư, lời hát của Phạm Duy không thể đi vào cốt tủy đạo Phật hay đạo Lão như Võ Chân Cửu, Nguyễn Tôn Nhan thuở trước, như Thân thị Ngọc Quế, Như Chi, Đặng thị Quế Phương, Nhất Hạnh và Vĩnh Hảo sau này.

Cũng thế, văn của Võ Phiến chưa xông xáo vào tư tưởng triết học, tâm linh như Nghiêm Xuân Hồng thuở trước và Vĩnh Hảo sau này. Chúng ta chớ đòi hỏi nhiều hơn nữa ở họ. Họ làm văn chương bằng kiến thức chứ không làm văn chương bằng sự minh triết như Dostoievski, Georges Bernanos, Herman Hesse (bên văn), như các thiền sư Đông Nam Á qua những bài kệ, như thơ của các đạo sư giáo phái Soufisme trong đó có nhà thơ Rumi... Soufisme là một giáo phái của Hồi giáo đặt trên

tinh thần bất nhị (le non-deux/ le non-dualisme) như tinh thần của Phật giáo và Lão giáo.

Chúng ta thử đọc bài *Cánh Đồng Con Ngựa Chạy Tàu* của Tô Thùy Yên để tìm thử cái ẩn dụ trong bài thơ này:

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu  
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi  
Tàu chạy mau mà qua rất lâu  
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau  
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu  
Cỏ cây cỏ cây lụi dài chóng mặt  
Gò nổi cao rồi thung lũng sâu  
Ngựa thở hào hển thở hào hển  
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau  
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn  
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu  
Cánh đồng a! cánh đồng sắp hết  
Tàu chạy mau càng mau càng mau  
Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ  
Chấm giữa nền nhưng một vết nâu*

Ngoài cách dùng các điệp ngữ để gây âm điệu xôn xao, dồn dập, hối hả, bài thơ gây cho chúng ta cái cảm tưởng sự đuổi rượt (hay là sự so tài đo sức) khốc liệt giữa một động vật (con ngựa) và một động cơ (con tàu). Sức của một động vật làm sao lao nhanh bằng một vận tốc kinh khiếp của một động cơ? Cho nên con ngựa phải ngã quy, ngắt xiú hay có thể tắt thở khi chưa đến cuối cánh đồng, còn con tàu vẫn tiếp tục cuộc hành trình cho đến đích tức là cuối mức cánh đồng. Con ngựa mệt mỏi và ngã quy ẩn dụ cho thời đại làm công việc bằng tay chân, bằng sinh lực của con người hay của gia súc đã chấm dứt. Kỷ nguyên máy móc đã có mặt và sẽ giúp nhân loại đi xa hơn trên tiến trình sinh hoạt (được ẩn dụ bằng cuối mức cánh đồng).

Tôi tình cờ gặp bài *Ngụ Ngôn* Trong quyển *Tuyển Tập Thơ* cũng của Tô Thùy Yên. Tôi hơi ngỡ cái tựa của nó:

*Một lão mù hành khất  
Bị đánh cắp cây đàn*

*Mưa máu chết uất ức*

*Một con đẽ anh chị  
Khoác đôi cánh sét rí  
Tiếng gáy mãi không ra  
Một con đóm khoe mình  
Xài phá hết lân tinh  
Ban đêm không dám lượn  
Một đứa bé mồ côi  
Đi tìm hoài cha mẹ  
Đâu biết là những ai?*

Theo tôi, ngụ ngôn là bài thơ ẩn dụ, mượn chuyện tầm thường, chuyện khôi hài để móc xỏ, ngạo báng, đả kích thói hư tật xấu của người đời. Nhà thơ Jean de La Fontaine viết ra những bài ngụ ngôn, mượn những con vật dữ dằn và thâm độc, những con vật hợm hình kiêu căng để công kích những bọn nịnh thần (les courtisans) gây nhiều tệ đoan dưới triều đại vua Louis XIV. Bài ngụ ngôn có tính cách răn đời, dạy cho thế nhân những bài học luân lý. Bài *Ngụ Ngôn* của Tô Thùy Yên theo tôi là một bài thơ ẩn dụ ở 2 đoạn giữa. Con đẽ uy dũng kia mất tiếng làm chúng ta liên tưởng viên chỉ huy mất giọng thì khó điều khiển ba quân thuộc hạ của y. Chúng ta cũng có thể nghĩ tới một ca sĩ có giọng hát đầy sinh lực, nhưng giọng ấy trở nên rè rè thì cái thời vinh quang của y cũng phải chấm dứt. Con đóm đóm xài hết lân tinh làm chúng ta nghĩ đến cảnh ngộ một mỹ nhân trụ lạc nên với nhan sắc tàn phai, nàng không dám chường mặt chốn dạ hội, nơi mà các vương tôn công tử say mê nàng. Cái nghĩa thâm thúy của bài thơ rất ai hoài tha thiết, chẳng có chút nhạt nhẽo nào thì đây không phải là bài ngụ ngôn. Nó có một nồng độ truyền cảm rất đậm đà hơn, làm bàng hoàng người đọc rất lâu hơn.

Dù sao, bài thơ ẩn dụ hay bài thơ ngụ ngôn đều có cái nghĩa thú hai hay nghĩa thú ba ẩn dưới mặt chữ hay ở sau lưng mặt chữ, từ cái vận sự tầm thường, cả hai phóng đại ra một hoặc

nhiều vận sự mênh mông hơn, phóng chiếu vào cõi thường ngoạn chúng ta những hình ảnh và ý tình đập mạnh vào ấn tượng chúng ta. Khác nhau chẳng là bài thơ ẩn dụ thường có hình thức của bài bi ca (poème saturnien). Khác nhau chẳng là bài thơ ẩn dụ không cần dạy đời hay răn người, Khác nhau chẳng là bài ngụ ngôn mang lấy hình thức bài thơ phóng cuồng, ngoạn mạn, móc xỏ, đả kích (poème satirique).

Tôi còn nhớ vào 3 năm cuối của thập niên 40, thuở tôi học lớp 3 (cours élémentaire) và lớp nhì (cours moyen), Bộ Quốc Gia Giáo Dục Nam Kỳ gồm một nhóm giáo viên có uy tín chung soạn quyển *Trăm Bài Tập Đọc* dành cho hai lớp này. Trong quyển ấy có bài *Ếch Mới* phỏng theo bài thơ ngụ ngôn của Nam Hương đã đăng trên báo *Cậu Ấm* (thời tiền chiến). Cốt truyện như sau: Chị ếch nọ có tật ưa làm đom. Chị dùng chiếc nắm hương làm dù, lá tía tô là khăn choàng đầu, hai trái ớt khoét thành đôi giày đỏ. Chị diện dù, khăn, giày do chị chế tạo rồi đồng đánh đi dạo đó đây để khoe bộ đồ vía mới. Bất ngờ một anh nông phu trở tới. Vì vướng đôi giày đỏ, chị ếch chạy không kịp nên bị anh ta bắt đem về nhà. Anh chặt đầu lột da chị, thái nám, lá tía tô và ớt đã có sẵn rải vào món xào cho thêm thơm ngon. Cuối bài, nhóm biên soạn đề câu răn đời như sau: *Se sua thua gợn ghê.*

\*

Trước ngày 30/04/75, văn chương Miền Nam Việt Nam của chúng ta có một truyện ngắn *Tan Trong Sương Mù* của Nguyễn thị Hoàng. Xin đọc bài bút khảo *Nguyễn thị Hoàng & Nguyễn thị Thụy Vũ* trong tạp chí *Gió Vắn* số 3. Thiết tưởng cũng cần nhắc lại phớt qua.

Vợ ông họa sĩ Mishio chết. Nhưng tấm lòng tưởng nhớ của ông đối với vợ không nguôi. Cho nên bà cứ quanh quẩn theo ông như một người sống. Suốt 30 năm lúc nào bà cũng có mặt bên ông. Ông bỏ phếp hội họa. Bức chân dung vẽ bà

lúc sinh thời bỏ dở dang (chưa kịp vẽ đôi mắt của bà thì bà từ trần).

Rồi trong một đại hội văn nghệ nọ, một nàng nữ sĩ Việt Nam đẹp lộng lẫy gặp ông bà Mishio. Giữa nhà danh hoa và một người đẹp làm văn chương nẩy sinh một niềm tương đắc bất ngờ. Nàng không biết bà vợ ông đã chết từ lâu nên xin phép ông bà cho nàng được đến viếng nhà họ. Ông đâm ra tơ tưởng nàng. Bà vợ vì là hồn ma nên đọc rõ những biến chuyển tâm hồn của chồng. Cho nên khi nàng nữ sĩ tới thăm, bà cho nàng biết bà sẽ đi xa. Còn ông như bưng sống, bắt đầu vẽ trở lại. Nữ sĩ do tình cờ còn nghe hai vợ chồng cãi lầy với nhau. Bà quả quyết ông đã yêu nàng thì bà không còn lý do gì để ở với ông nữa. Ông thì chối bay cõi biển. Rồi bên đầm nước trong lúc cả hai dạo vườn, ông Mishio cho nữ sĩ biết rằng vợ ông đã chết từ lâu. Ông bấy lâu nay phí cả một cuộc đời để làm bạn với hồn ma của vợ, bây giờ dù có vẽ trở lại cũng không còn cảm hứng như thuở hai vợ chồng sống trong cảnh nghèo nàn thiếu thốn mà vẫn yêu nhau mặn nồng.

Khi nữ sĩ ra sân chùa thì thấy bà vợ đi về cuối góc sân, thân hình bà tan rã trong sương mù.

Như vậy, ẩn dụ của truyện ngắn này là: dù bà vợ có chết đi, nhưng nhà danh họa Mishio vẫn yêu thương tưởng nhớ vợ luôn luôn. Như thế bà dù không sống trong cõi dương trần, nhưng vẫn sống trong tâm tưởng, trong hoài vọng của ông. Giờ thì trong trái tim ông có một hình bóng khác. Bây giờ mới đích thực là tới giai đoạn bà chết vĩnh viễn, chết ở ngoài đời từ lâu lần chết trong nội giới của chồng từ khi có sự xuất hiện của nữ sĩ. Vận sự này làm tôi nhớ lời ai oán được ghi khắc trên tấm mộ bia trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi (Sài Gòn) thuở nào: *C'est l'oubli des vivants qui fait mourir les morts* (Chính sự lãng quên của người sống mới giết chết những người đã chết).

Còn về thơ có ẩn dụ thường là những bài phảng phất Thiền Phong Thiền vị. Chẳng hạn đoạn mở đầu của bài thơ *Về Thăm Ao Nhà* của nữ sĩ Thân thi Ngọc Quế. Bài thơ này trong thi tập đầu tay *Giọt Nước Cảnh Sen* của chi:

*Đêm xuống ta về ao cá biếc  
Để xem cá chớp ánh trăng non  
Ánh trăng còn vỡ làm bao mảnh  
Vẫn thấy lòng ta bóng nguyệt tròn*

Trên mặt chữ, nếu chúng ta nghĩ rằng đây là một bài thơ viếng cảnh và nói lên tấm lòng tươi sáng nguyên vẹn của tác giả (bóng nguyệt tròn) trước cảnh ngộ tan nát, chia lìa (ánh trăng còn vỡ làm bao mảnh) thì đúng quá rồi còn gì. Nhưng mà dưới mặt chữ, tác giả nêu ra vấn đề vĩ đại hơn. Đó là tinh thần Bát-nhã (tức là tinh thần bất nhị của Phật giáo). Cái ẩn dụ đó là hai cái hiện tượng đối đãi ở chung một bản thể. Cặp hiện tượng thứ nhất là những mảnh vỡ của ánh trăng trên sóng ao đối đãi với bóng trăng tròn đầy trong lòng tác tác giả. Cặp hiện tượng thứ hai là cái cảnh ao trong đêm trăng (ngoại cảnh đây) đối đãi với tấm lòng của tác giả (nội giới đây). Ngoại cảnh và nội giới có một bản thể chung chính là tác giả. Hình dáng vỡ nát thành nhiều mảnh và vóc dáng tròn đầy vẫn thuộc về trăng, cái bản thể chung chính là trăng. Tinh thần Bát-nhã chính là đây. Hướng hồ bài thơ còn có thêm cái tinh thần Bát-nhã thứ ba: *Tất cả (những mảnh trăng vỡ) là một (bóng trăng)*.

Thơ Thiền thường mượn cảnh vật, vận sự để ẩn dụ cho tinh thần Bát-nhã, cái then chốt, cái căn bản của Phật pháp. Xin đơn cử bài *Minh Nhật* bằng chữ Hán của nữ sĩ Vi Khuê:

*Tảo thần thánh diệu minh man  
đỉnh đổ hoa ly tú bách hàng  
nhàn hạ tiểu di đặng thượng lộ  
Thanh sơn đối diện bối hoàng giang*

Tác giả Vi Khuê dịch như sau:

*Sớm mai nghe tiếng chim kêu  
ra sân thấy giậu hoa thêu trăm hàng  
thảnh thơi bước nhỏ lên đàng*

*Núi xanh trước mặt sông vàng sau lưng*

Ở đây tác giả Vi Khuê đâu phải là khách vãn cảnh sông tròn vào buổi bình minh. Khách vãn cảnh ở đây ẩn dụ một hành giả đang lên đường tìm về chứng ngộ. Đường sự đứng giữa hai cái đối đãi nhau là núi xanh và sông vàng. Núi ở thể rắn và ở trước mặt, còn sông ở thể lỏng và ở sau lưng. Tóm lại, hành gia tu theo Trung đạo tức là tu theo Phật giáo.

Và chẳng hạn bài *Cao* của Trương Anh Thụy:

*Dưới chân làng mạc nhỏ  
Trên đầu mây chấm vai  
Người tìm ta chẳng thấy  
Thấy lóc đóm sao Mai*

Trên đầu và dưới chân là hai cái đối đãi nhị biên (les deux bornes opposées). Hành giả đứng ở khoảng giữa. Tu như thế là theo Trung Đạo, đã đến thời điểm đón ngộ (loé ánh sao mai). Tác giả không dùng chữ nào trong kinh Phật, không tả cảnh sông tròn. Đây là ẩn dụ một thiền giả tu theo Trung đạo (đạo Phật) đã thành công, đã chứng ngộ.

Trong thi tập *Trốn Vài Giác Mơ em* của Nguyễn thị Thanh Bình, tôi thích bài *Hoa Tâm* nhất. Nó vừa là bài thơ ẩn dụ vừa là bài thơ Thiền:

*Trên đỉnh non cao tìm mây trắng  
Dưới khe chờ hoa nở đem tin  
Hoa chưa kịp nở tàn mùa trước  
Chốn ấy hoa lòng rộ bình minh*

Hoa ở dưới khe là hoa ngoại giới, hoa lòng là hoa nội giới, cả hai cùng ở nơi nhận thức (thấy và cảm thấy) ở một người tức là tác giả. Ngoại giới và nội giới đối đãi nhau. Hoa dưới khe héo tàn (cái diệt) và hoa lòng nở rộ (cái sinh) là hai cái đối đãi nhau ở trong một mùa thu. Cốt tủy Thiền là đây! Nhưng ‘cái hoa lòng rộ bình minh’ có nhiều ẩn dụ tùy theo sự chiều cảm, óc tưởng tượng, cõi ẩn tượng của từng độc giả. Nó là một tình yêu đang nở muôn tía nhìn hồng; nó cũng có thể là một niềm lạc quan tươi sáng dồi dào vừa bùng dậy. Và cũng

có thể là một vấn đề tâm linh đang được bùng bùng thấp sáng, chẳng hạn như một cơn đốn ngộ nhiệm màu hay một sự mặc khải kỳ diệu.

Riêng Đặng thị Quế Phượng là người làm thơ quá đời thơ. Cô tạo cho thơ cô một ẩn dụ huyền bí, tùy theo chiều cảm riêng biệt và đặc thù của mình, độc giả muốn nghĩ sao thì nghĩ. Nhưng mà khi đọc xong bài thơ *Tích Mịch* của cô, chúng ta phải ớn lạnh, cảm thấy cái điều huyền bí ấy sao mà ảo diệu, sao mà màu nhiệm làm chúng ta bàng hoàng lay động ở cái bí ẩn sau lưng hiện hữu nói chung, ở sau mặt chữ bài thơ của cô nói riêng:

*Có một cái gì  
đang chờ đợi ta  
trong vẻ thình lạng  
của buổi chiều tà*

*Có một cái gì  
trong bóng sương sa  
vô cùng hiu hắt  
như thể hồn ma*

*Có một cái gì  
bao la chất ngất  
dường như không phải  
là trời hay đất*

*Có phải hay chăng  
thiên thu phơ phất*

Cái đang chờ đợi ta, nó ở trong bóng sương sa (tức là trong cõi vô minh mịt mờ), nó bao la chất ngất, không thuộc về trời và cũng không thuộc về đất. Nó như ảo như chân, phơ phất trong cõi cảm nhận, trong ấn tượng chúng ta từ thuở thiên thu trước và cho đến thiên thu sau vẫn còn hiện hữu qua trạng thái chập chờn phiêu diểu như hình bóng trong cơn chiêm bao. Vậy nó ẩn dụ cho cái gì? Xin thưa, tạm gọi là cái Chết có được không nào ?

Tô Thùy Yên chỉ thành công về nghệ thuật thuần túy của thơ mà không thể đưa thơ vào cái sâu thẳm nhất của bí nhiệm cuộc sống. Mai Thảo trội hơn Yên ở chỗ thành công ở nghệ thuật thuần túy của thơ mà còn đưa thơ vào cái vực sâu không đáy của hiện hữu. Xin đọc bài thơ *Tiểu Phiến* trong thi tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*. Ở đây, lý luận của Võ Phiến rằng thơ *cần lời mà không cần ý* là một điều sai lầm đáng tiếc lẫn đáng trách

*Đứng ở sát gần tiểu phiến  
Đứng kể lam xanh tiểu phiến gần  
Phiến đưa tấp tấp vào vô cực  
Nơi lá xoay tròn một thớ gân.*

Độc giả sẽ tự hỏi tiểu phiến là cái phiến nhỏ, nhưng ẩn dụ của nó là cái gì ? Hai câu thơ chót thật đẹp, thật huyền bí làm chúng ta rờn rợn. Nhưng đó là cái gì, từ chỗ xoay tròn một thớ gân để đưa tấp tấp vào vô cực? Nó có thể là một chiếc lá. Nó có thể là cái âm hộ của phái đẹp (lá đa theo nghĩa bóng) đưa chúng ta nhìn vào cái bí nhiệm của mọi sinh vật qua giai đoạn thụ tinh và rồi kết thành bào thai khởi đầu sự sinh sản. Nó có thể là cái nội giới bí hiểm của con người. Nó có thể từ một lỗ nhỏ hẹp để một Thiên giả khi chúng ngộ đi vào cái vô biên vô cực trong vô lượng cảnh giới Hoa tạng Huyền môn. Cái chỗ xoay tròn một thớ gân của tiểu phiến có vô số ẩn dụ, tùy theo chiều cảm của từng người đọc mà hiện hữu.

Xin đọc bài *Thớ Gân* cũng của Mai Thảo:

*Bàn tay thu lại mặt trời lặn  
Cùng nó xóc cho nổ mặt trời  
Bóng tối lồng trong đường ánh sáng  
Chỉ là mai tóc rẽ hai ngôi*

Cũng chính ở bàn tay che cặp mắt, khi các ngón tay khép lại (bàn tay thu lại) thì nhà thơ không thấy mặt trời (coi như mặt trời lặn). Nhưng khi ngón tay rẽ ra (cùng nó xóc ra) thì nhà thơ thấy mặt trời (nổ mặt trời). Vậy thì mặt trời là cái cố định, trước sao sau vậy, nó ẩn dụ cho cái Chân Tâm. Bởi tại cái vọng thức (được ẩn dụ cho bàn

tay) nhà thơ khôn thấy Chân Tâm nếu vọng thức dầy đặc (được ẩn dụ qua bàn tay thu hẹp lại với các ngón khép kín). Và nhà thơ chỉ thấy được Chân Tâm khi nào vọng thức chia chẻ và phân tán đi (được ẩn dụ bằng bàn tay xòe ra). Như vậy mặt trời ẩn hay hiện đối với tác nhân (Mai Thảo) chỉ là do sự khép mở của bàn tay do thố gân điều khiển). Còn mặt trời vẫn không thay đổi. Nó cũng giống như trường hợp chỉ một mái tóc, nhưng mái tóc ấy chia thành ngôi bên trái và ngôi bên phải là tại ta rẽ đường ngôi. Nếu ta chỉ chải ngược tóc về phía sau, không rẽ đường ngôi thì mái tóc chỉ là một mảng đen huyền mà thôi.

Thố gân điều khiển bàn tay khép hay xòe để cho tác nhân thấy mặt trời hay không ẩn dụ cho cơn phu hành tri của Thiền giả tìm về chúng ngộ.

Xin đọc bài *Lẻ Một* cũng của Mai Thảo:

*Sách một dầy nằm trơ trên giá  
Cạnh người thân thế cũng trơ vơ  
Sách, người hai côi cùng hư hoại  
Nơi một nghìn chương thiếu một tờ*

Người đọc sách (chủ thể) và sách (đối tượng), cả đều cô đơn chỉ về cảnh ngộ. Chúng chỉ làm cho thơ băng khuâng ngậm ngùi, nhưng không có gì đặc sắc. Tuy nhiên, khi tác giả báo trước là cả hai cùng hư hoại tức là ông sắp đưa thơ vào một vấn đề viển thâm hơn, một vấn nạn dựa trên tư tưởng hữu sinh hữu diệt, cái tinh thần then chốt của Phật giáo. Cái vấn nạn ấy, cái vô thường ở nghìn chương kinh sách để cho hành giả bơi ngược dòng hoại diệt, để chúng ngộ cái thường hằng bất biến. Nhưng nghìn chương sách ấy lại thiếu một tờ. Cái tờ thiếu đó chính là cái bí nhiệm để giúp hành giả vào một thời điểm chín muồi gặp một đốn ngộ (chúng ngộ tức khác trong vòng một sát-na/ *l'imédiat santori*) bùng tỏ cái Chân Tâm không sinh không diệt, tức là nhập vào Niết Bàn, tức là không còn sinh không còn tử (hoại diệt) nữa. Chính hành giả và mỗi người trong chúng ta phải tự tìm lấy cái tờ giấy

thiếu sót ấy, tờ giấy của cá thể này không giống tờ giấy của cá thể kia vì căn cơ mỗi cá thể đều khác nhau.

\*

Riêng trong lãnh vực thơ, cảnh mai của Mãn Giác Thiền Sư, bóng trăng của Thân thị Ngọc Quế, khách nhân du giữa núi xanh trước mặt sông vàng sau lưng của Vi Khuê, đóm sao mai của Trương Anh Thụy, hoa lòng rộ bình minh của Nguyễn thị Thanh Bình, bóng thiên thu phơ phất của Đặng thị Quế Phương là những ẩn dụ đưa độc giả nắm bắt những vấn đề cao siêu. Đặc sắc nhất là tiểu phẩm, thố gân, đường ngôi rẽ tóc của Mai Thảo để gi để cho một nhà thơ lục tục thường tài tìm gặp đưa vào thơ, biến côi thơ thêm màu nhiệm, biến vóc dáng thơ thêm vĩ đại bao la. Những cái ẩn dụ ấy bị mọi kẻ khoác áo phê bình gia không tìm gặp nên chúng như những viên bảo ngọc ẩn mãi trong những tảng đá xù xì thô nhám. Còn ẩn dụ trong truyện ngắn *Tan Trong Sương Mù* của Nguyễn thị Hoàng bị họ lờ đi dù chị đã khơi sáng cho họ thấy trong tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Trên Quê Hương* do nhà xuất bản Sóng thực hiện. Nếu chúng ta chú ý một chút thì sẽ thấy cái khơi sáng ở đoạn tác giả nêu cái ẩn ý của cốt truyện và nêu cái lý do tại sao chị chọn truyện ngắn này để đóng góp cho tác phẩm.

Chỉ riêng bàn qua ẩn dụ, chúng ta mới thấy văn chương hiện đại và cận đại của chúng ta hầu như không có phê bình gia nào. Tuy nhiên vẫn có những nhà biên khảo văn chương có tầm vóc nguy nga về tài năng. Phải kể Hoàng Ngọc Tuấn (bên Úc Châu), Trần Hữu Thực, Đào Trung Đạo, Đặng Phùng Quân (Hoa Kỳ), Thụy Khuê (Pháp). Những học giả này dù viết biên khảo phong phú và sâu sắc, đôi khi lơ trớn trượt nhào qua lãnh vực phê bình họ cũng tỏ ra rất sâu sắc và hào hứng lắm.

HỒ TRƯỜNG AN  
(France)

# HẠT SẦU

## TIỂU THU

Mai Khanh không hề nghĩ về chàng, vậy mà sáng nay, trong giấc ngủ muộn, nàng đã mơ thấy Thiên. Mà buồn cười là trong mơ, nàng gặp lại Thiên trong một tình huống thật bí hiểm: nàng vừa nhận được kết quả thử nghiệm, bị ung thư phổi! Đang rầu rĩ cùng cực thì chàng bỗng xuất hiện. Thấy trên tay Mai Khanh xấp tài liệu về chứng bệnh này, cộng với khuôn mặt rầu rầu, Thiên đã ra dấu hỏi và nàng gật đầu xác nhận. Không nói với nhau một lời. Vậy mà hiểu nhau. Trời ơi, đồng cảm đến như vậy sao?

Nàng thấy tất cả ngồi chung quanh một chiếc bàn tròn của một quán cà phê lộ thiên. Có Mỹ Lệ và đứa con gái nhỏ của Thiên. Có Phúc, người chồng hiền lành và yêu Mai Khanh rất mực, có cả những người mà Mai Khanh không quen. Vậy mà nàng đã rất tự nhiên trao cho Thiên những cái nhìn đầy ấp yêu thương. Đã đặt những chiếc hôn nồng nàn lên mái tóc đứa con gái nhỏ. Trời ạ, không hôn được bố thì hôn con. Cũng là máu thịt của chàng. Một người đàn ông, chắc là bạn của Thiên, trêu "chị Mai Khanh là ex thứ mấy của anh Thiên vậy?" và Mai Khanh đã ngượng ngùng đính chính "Không. Tôi không phải là ex của anh Thiên. Chúng tôi là bạn thường thôi!". Có lẽ chỉ trong giấc mộng người ta mới bạo mồm bạo miệng đến thế!

Đã nhiều lần trong mơ, qua ánh mắt, nụ cười, nàng đã trao cho Thiên biết bao là

tình ý. Những gì nàng ấp ủ trong lòng, Thiên đều thấu hiểu. Nên dù chỉ là trong những giấc mơ ngắn ngủi, đứt đoạn, Mai Khanh vẫn cảm thấy hạnh phúc dạt dào. Hạnh phúc vì Thiên đã hiểu thấu lòng dạ của nàng. Lần nào cũng thế, tỉnh giấc rồi mà trong lòng vẫn còn thổn thức, cơn mơ ám ảnh đến vài ngày mới từ từ phai nhạt...

Ngày ấy, Mai Khanh biết rằng nàng yêu Thiên, một tình yêu vô vọng. Vì gia thế của chàng? vì chàng khó tính? vì chàng chưa muốn lập gia đình? vì lúc nào chàng cũng có hằng tá tiểu thư vây quanh? Có thể là vì tất cả những thứ đó cộng lại. Thiên đẹp trai ư? Không hẳn. Vì cái mác bác sĩ ư? Phúc theo Mai Khanh khít rịt cũng là bác sĩ. Hay tại cái tính lừng khừng (nhưng lòng dạ thì rộng bao la!), cái óc hài hước không giống ai của chàng? Không biết lý do nào. Chỉ biết là Mai Khanh yêu chàng với tất cả đam mê. Nhưng nàng đã chọn lên xe hoa với Phúc. Nói đúng ra Mai Khanh đã hết đường chọn lựa. Để thoát đi, nàng đành chọn kết hôn với Phúc. Phúc yêu nàng đắm say. Con bạn thân nhất đã khuyên "thà lấy người yêu mình nghe nhỏ". Và nàng đã nghe theo lời nó. Nhưng, cái khối tình Trương Chi nặng ngàn cân đó, nàng phải vác trên lưng suốt mấy chục năm ròng...

Đã gặp lại cố nhân hai lần. Một lần khi tóc chàng còn xanh, mắt chàng còn tinh. Lần thứ nhì thì tóc chàng muối đã nhiều hơn tiêu. Ánh mắt kém tinh anh, nhưng nụ cười nửa miệng và cái tính lừng khừng thì vẫn còn đó, y nguyên. Và khổ thay, Mai Khanh thấy mối tình vô vọng của nàng với Thiên, qua bao nhiêu thăng trầm của cuộc sống, vẫn còn đây, trọn vẹn! Trái tim của nàng, dù không còn trẻ trung gì nữa, vẫn còn có những lần lỗi nhịp khi đối diện với chàng.



Cái ngày nghe tin Thiên đến Canada bình yên với cô vợ mới cưới, Mai Khanh cảm thấy hụt hẫng, buồn! Ô hay, mình đã chồng con đùm đê, nghe tin người ta lấy vợ lại buồn. Cứ như là Mai Khanh không muốn Thiên thuộc hẳn về một người đàn bà nào khác. Ngày nào còn độc thân là chàng vẫn còn là của riêng nàng! Mai Khanh biết mình vô lý, nhưng tình yêu nàng dành cho Thiên lớn quá, khiến cho nàng có cảm giác được quyền đòi hỏi (hay mơ ước) như thế, dù chỉ là trong tâm tưởng.

Lần đầu tiên gặp lại Thiên và cô vợ trẻ, Mai Khanh không khỏi ngỡ ngàng. Có một chút thất vọng, một chút bức bối (vô cớ!). Giống như chính mình bị xúc phạm (vô duyên chưa. Mắc mớ gì đến mình?). Có bao nhiêu thiếu nữ xinh như mộng đã vây quanh Thiên như đèn cù (nếu không muốn nói là sẵn đuôi), cuối cùng chàng đi chọn một người như vậy ư? (Ô hay, quyền của người ta mà lạ!).

Dù tên Mỹ Lệ gọi lên một nhan sắc mỹ miều, phải công nhận rằng Mỹ Lệ bằng xương bằng thịt không được đẹp. Suối tóc dài óng mượt trong tấm ảnh Thiên gửi cho vợ chồng Mai Khanh lúc mới đặt chân lên đất nước Canada, giờ đã biến thành một mái tóc ngắn lờm chờm. Chiếc áo dài thướt tha cũng được thay bằng những bộ quần áo kiểu mới, cũn cỡn, thùng thình, màu sắc tẻ nhạt. Mai Khanh đọc được sự ngượng ngùng, bối rối của Thiên về cô vợ trẻ, trước cái dáng vẻ thanh lịch, đài các của Mai Khanh. Ngày xưa đã thế. Những chiếc áo dài cắt khéo nàng mặc mỗi khi lượn phố, đã kéo theo bao nhiêu là cặp mắt ngưỡng mộ. Đàn ông si tình nàng không ít, có gì lại ôm mối tình tuyệt vọng với Thiên? Chỉ có Trời mới biết. Như Thiên, sàng lọc cho lắm cuối cùng kết một cô vợ lập dị không giống ai.

Mỹ Lệ được tính thật thà. Không màu mè, điệu đà. Nghĩ sao nói vậy, trái ngược với cách nói ý nhị của Thiên, dù nàng cũng là một cô Bắc kỳ chính cống. Chỉ có thể giải thích rằng, lúc đầu những điều trái ngược đó đã thu hút đối phương. Nhưng sau này, những lời kể lể, dù dưới dạng khôi hài của Mỹ Lệ, về cái tính ương gàn của Thiên, cũng hé lộ cho Mai Khanh thấy cái hạnh phúc tương đối mong manh của họ.

Dưới mắt mọi người, Mai Khanh là người đàn bà may mắn nhất. Được chồng yêu với một tình yêu tuyệt đối. Được kết hôn với một người đàn ông có địa vị, hiền lành và thật thà như đếm. Những đứa con ngoan và xinh xắn. Đúng, Mai Khanh là người đàn bà hạnh phúc nhất đời, nếu trong tâm tư không trĩu nặng một mối tình vô vọng. Biết là vô vọng mà sao không quên được hờ trời?

Dù đã xa tít mù khơi trong cái dĩ vãng mịt mùng, Mai Khanh vẫn nhớ từng câu, từng lời mà hai người đã trao đổi (họ có là gì của nhau đâu mà dùng tiếng trao cho nhau nhỉ!)..

-Chóc nữa anh lên máy bay rồi. Không nói bon voyage sao?

Chàng nói câu này với nụ cười nửa miệng và ánh mắt nghịch ngợm. Mai Khanh lí nhí "bon voyage" mà đôi má phớt hồng. Thiên cười thật tươi với nàng trước khi nhảy lên chiếc xe jeep để ra phi trường. Mai Khanh đã nhìn theo chàng với trái tim xanh non rộn rã...

Một lần Thiên và nàng cùng đi một chuyến bay. Họ ngồi cạnh nhau. Mai Khanh gần như bị tê liệt, suốt hai giờ bay không hề nhúc nhích, cũng không trao đổi với nhau câu nào. Lời gì thì cũng không nói lên được nỗi đón đau của nàng. Trên chuyến xe buýt chật như nêm từ phi cảng

về nhà, cả hai đứng gần nhau. Đến một đèn đỏ ở ngã tư đường, tài xế thắng gấp. Mai Khanh cúi nhủi vào Thiên. Chàng vội đưa tay đỡ. Lúc đó Mai Khanh chỉ muốn dụi đầu vào ngực Thiên khóc một trận đã đời. Nhưng làm sao dám?! Nàng xuống tại ngã tư sau đó. Chỉ có một câu trông không "xuống nhé" và Mai Khanh gật đầu. Đứng bên lề đường, chiếc valy ngoan ngoãn nằm dưới chân, nhìn theo chiếc bus chuyên bánh, lòng dạ Mai Khanh rối bời, nặng như treo đá. Tuần sau là đám cưới của nàng với Phúc...

Những tháng năm vất vả long đong nơi xứ người, không ngày nào là nàng không nhớ đến Thiên. Nhớ quay quắt, nhớ mái mê! Rồi thỉnh thoảng chàng lại hiện về trong những giấc mơ ngắn ngủi của Mai Khanh. Vẫn thế. Trẻ trung và hào hoa.

Nàng đã hồi hộp biết bao cho lần gặp lại sau mười năm dài dang dở. Thiên đến một mình, nhưng Mai Khanh có Phúc. Trong thang máy đầy người để lên cafeteria ở tầng trên, Thiên quàng tay lên vai Mai Khanh siết nhẹ, thì thào:

-Mai Khanh vẫn thế. Không thay đổi gì cả.

Nàng đã lặng người. Mọi cảm xúc vẫn đầy ắp như xưa. Mai Khanh nhắm mắt. Ước gì chiếc thang máy cứ lên mãi, lên mãi, không bao giờ ngừng...

Tối đó hai cặp đi ăn với một nhóm bạn cùng đơn vị ngày xưa. Mai Khanh sang cả trong chiếc áo đầm màu tím nhạt, cổ đeo râu chuỗi hạt trai. Mái tóc đơn sơ chằm ngang vai. Trẻ trung và thanh thoát. Mỹ Lệ mặc áo đầm màu đen, cổ xẻ sâu. Mái tóc uốn xoắn tí kiêu phi châu. Cổ và tay đeo nhiều chiếc vòng bạc lóng lánh chồng lên nhau. Mỹ Lệ có vẻ đẹp man dại của một phụ nữ vùng rừng núi. Thiên cười, trong câu pha trò có chút cay đắng:

-Tôi cưới nhầm một cô Thái đen!

Mỹ Lệ chỉ nhún vai, không trả lời. Nhưng nét mặt không vui. Mai Khanh đưa mắt nhìn Thiên, trách móc. Giữa họ vẫn còn lối đối thoại không lời. Thiên nhướn cặp lông mày, như ngầm nói "Đùa thôi. Không sao đâu. Quen rồi!"

Cánh đàn ông lâu ngày không gặp nhau, vừa ăn vừa nhắc những kỷ niệm nơi vùng giới tuyến. Mai Khanh cũng nói chuyện với các bà. Nhưng quanh quẩn chỉ chuyện con cái, chuyện bếp núc và chuyện thời trang, áo quần... Họ không có những kỷ niệm sống chết với nhau như cánh đàn ông. Hôm nay nàng mới biết, Mỹ Lệ xuất thân trường Pháp, là fan của nữ ca sĩ Tina Turner. Thảo nào cách phục sức và trang điểm giống y chang bà già giết giặc đó!

Bữa tiệc tàn. Nhìn đồng hồ thấy còn sớm nên mọi người đồng ý kéo hết đến vũ trường nghe nhạc. Nhân thể check lại sự dẻo dai của đôi chân. Mai Khanh dặn nhỏ chồng nhớ mời Mỹ Lệ nhảy. Nghe nói cô ấy mê nhảy đầm lắm. Phúc gật đầu. Trong thâm tâm, Mai Khanh hy vọng gì? Nhớ lại những ngày đầu, lúc mới quen nhóm Phúc, Thiên. Họ kéo Mai Khanh đi dự party Noel trong một Câu Lạc bộ. Nàng đã tròn mắt nhìn những cặp trai gái quay cuồng trên sàn nhảy. Khâm phục quá trời. Thiên mời nàng một bản Tango, nhưng Mai Khanh lắc đầu cười trừ:

-Xin lỗi anh. Mai Khanh không biết nhảy.

Thấy chàng không mấy tin, Mai Khanh không biết phải nói gì hơn là lập lại:

-Thật đó. Em không biết nhảy đầm đâu!

Nhưng bữa nay thì khác. Phúc đã dạy cho nàng nhảy thật nhuần nhuyễn. Cả những bước khó nhất. Những người trong bàn đã lục tục bước ra sàn nhảy. Đã nhiều lần đến đây, nhưng hôm nay, Mai Khanh

thấy tâm trạng mình khác hẳn. Đến cô ca sĩ hát dở nhất mọi khi, nàng cũng thấy hay.

Sau bản Cha cha cha vui nhộn, cô ca sĩ bắt tiếp bài slow mùi Tà Áo Xanh của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn. Trên đường trở về bàn, Mai Khanh chợt thấy lòng mình mềm nhũn, nàng quay lại nói với Thiên:

-Mình nhảy thêm bản này nhé.

Cả hai im lặng bước đi trong tiếng nhạc diu dặt và tiếng hát nức nở của cô ca sĩ nổi danh tài sắc của vũ trường. Mai Khanh chợt ngược lên hỏi :

-Anh Thiên có nhớ gì khi nghe bài Tà Áo Xanh?

Thiên nhìn xuống, vẫn nụ cười nửa miệng, ánh mắt đầy bóng tối:

-Bộ có kỷ niệm gì sao?

Mai Khanh chỉ lúng túng một giây:

-Hồi đó có lần Mai Khanh hỏi anh thích bản nhạc nào nhất? Anh trả lời bản Tà Áo Xanh của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn.

Tiếng Thiên đầy kinh ngạc:

-Trời ơi, bao nhiêu năm rồi Mai Khanh vẫn nhớ?

Giọng nàng lạc đi:

-Dạ, vẫn nhớ..

Hình như vòng tay của Thiên siết chặt hơn một chút. Hay tại nàng tưởng tượng?

*...Rồi chiều nao xác pháo bên thềm tản mác bay. Em đi trong xác pháo, Anh đi không ngược mắt, thôi đành em! Lúc em ra đi lạnh giá tâm hồn, hoa mai rơi từng cánh bên đường. Lạnh lùng mà đi luyến tiếc thêm chi. Hoa tàn tình tan theo không gian!*

Tiếng ngân trong vạt của người ca sĩ kéo theo tràng pháo tay dòn dã của đám đông. Có một cái gì đó lóe lên trong cái đầu ngu ngơ của Mai Khanh khiến nàng đứng đực ra trên piste, cặp mắt mở căng nhìn Thiên, miệng há to nhưng không một âm

thanh nào thoát ra. Thiên đặt tay lên lưng Mai Khanh diu về chỗ ngồi. Từ đó nàng như đắm chìm trong một thế giới khác. Cái thế giới đầy sương mù và gió lạnh của ngày nào. Trời ơi tại sao ta không nghĩ ra? Thật là đồ con lừa! Mai Khanh tự si vả mình. Giờ đây nàng lờ mờ hiểu tại sao lúc mới quen với nhóm của họ, sáu bảy người gì đó, đủ mọi thành phần, bình chủng. Mỗi khi tụ họp, trong khi mọi người đầu hót tung bừng thì lúc nào Thiên cũng ngồi một mình trong góc, đăm chiêu tư lự với điệu thuốc trên tay. Mới đầu Mai Khanh còn tưởng anh chàng kiêu kỳ, lập dị. Đáng giận là thái độ này của Thiên lại thu hút Mai Khanh như nam châm hút sắt. Cái đầu sáng suốt thì lác, nhưng trái tim mù lòa lại gât! Hậu quả là tâm hồn cứ lênh đênh trong suốt bao nhiêu năm qua. Trời ơi!

Trước khi chia tay, mọi người hẹn ngày mai sẽ đến ăn bún chả nhà vợ chồng Đức. Đức ngày xưa là Dược sĩ của bệnh viện Quân y, nghèo xơ xác. Bây giờ là chủ nhân một nhà thuốc tây thuộc loại "tâm cỡ" ở Orange County, giàu sụ. Căn nhà hơn hai triệu tọa lạc trên đồi, sân sau nhìn ra một cái hồ rộng. Xung quanh hồ, liễu rủ phất phơ và nhiều loại hoa màu sắc rực rỡ. Từ nhà Đức theo những bậc thang bằng đá đi xuống hồ độ vài chục thước. Lối đi xung quanh hồ được lót gạch phẳng phiu. Những bậc thang đá đặt rải rác cho người đi bộ nghỉ chân. Sau màn bún chả thịt nướng ê hề là mục karaoke. Vợ chồng Đức có mời thêm vài cặp bạn của họ, cho không khí càng thêm tung bừng. Nhà này được chủ nhân thiết bị một dàn máy hát cực kỳ hiện đại, nên người nào hát cũng hay gần bằng Tuấn Ngọc, Khánh Hà, Ý Lan...vì thế chương trình được mọi người hưởng ứng nồng nhiệt. Hát hay không bằng hay hát mà lì!

Tiếng bà chủ nhà cất lên. Cao, trong như pha lê và dạt dào tình cảm. Bài Tình Khúc Thứ Nhất của nhạc sĩ Vũ Thành An. Những lời ca như xoáy vào tim: " Tình vui theo gió mây trôi, ý sầu mưa xuống đời... Ngày thần tiên em bước lên ngôi, đã nghe sơn vàng tả toi!...Có biết đâu niềm vui đã nằm trong thiên tai. Những cánh dơi lê loi mù trong bóng đêm dài...Tình vui trong phút giây thôi, ý sầu nuôi suốt đời!...". Mỗi lần nghe bản nhạc này là Mai Khanh cảm thấy cay cay trên đầu mũi, trên khóe mắt. Và con tim toi tả như bài hát. Chao ôi!

Xưa nay chỉ quen làm khán thính giả chứ không quen cầm micro nên nghe độ năm, bảy bài là Mai Khanh bắt đầu muốn ngáp. Nhờ ngồi hàng ghế sau cùng nên nàng rút lui một cách êm thấm. Bỗng qua căn bếp rộng thênh thang, sạch như lau như ly vì ít khi được dùng tới, Mai Khanh đi thẳng ra sân sau. Nàng chợt ngừng nơi ngưỡng cửa. Ánh đèn từ trên cao hắt xuống nhạt nhòa trên tấm lưng của một người đàn ông đứng tựa bên lan can phía sau nhà, mắt nhìn hờ hững xuống mặt hồ, điều thuốc lập lòe trên môi. "Cho dù anh có đứng trong bóng đen âm u, em cũng nhận ra ngay". Mai Khanh chợt bật cười vì cái ý nghĩ đầy vẻ cải lương của mình.

Tiếng cười tuy khẽ, cũng khiến Thiên quay đầu lại. Nhận ra Mai Khanh, chàng lên tiếng:

-Mai Khanh hả? ra đây ngắm trăng. Trăng hôm nay đẹp vô cùng.

Hít một hơi dài làn gió hây hây từ mặt hồ đưa lên, hương đêm thơm ngan ngát, Mai Khanh bước ra đứng bên cạnh Thiên. Ngược nhìn bầu trời trong veo, vành trăng tròn lộng lộng như chiếc đĩa bạc. Dưới kia rặng liễu lao xao trong gió, giống những

suối tóc mềm lung linh..lung linh...Mai Khanh buột miệng:

-Đẹp như trong mơ anh nhi.

Thiên chép miệng:

-Xứ người thanh bình lạ. Tội nghiệp cho đất nước tang thương của chúng ta. Nhớ lại những ngày còn ở Bệnh viện Quân y. Mỗi lần đụng trận lớn là thương binh tái về rần rần...

Không để chàng dứt lời, Mai Khanh xoay người lại:

-Anh Thiên, em có điều này muốn hỏi anh.

Ngạc nhiên, Thiên cũng xoay người nhìn Mai Khanh:

-Điều gì mà có vẻ nghiêm trọng vậy?

Mai Khanh hơi ngập ngừng:

-Em muốn biết khi anh đổi lên Bệnh viện Quân Y, anh đang có chuyện buồn về tình cảm?.

-Tại sao bỗng dưng Mai Khanh muốn biết chuyện này? Có gì quan trọng đâu?

-Nhưng em muốn biết sự thật. Kể cho em nghe đi.

Thiên quay nhìn về hướng mặt hồ, giọng xa xăm:

-Chuyện đã lâu rồi nhắc lại làm gì...

-Em có lý do để hỏi anh chuyện này. Giọng Mai Khanh van nài.

Im lặng vài phút như để cố nhớ lại một dĩ vãng đã xa. Thiên thở hắt ra:

-Ừ, thì cứ xem như là có đi. Một anh trung úy bác sĩ mới ra trường làm sao địch nổi với một ông Đại sứ. Dù giữa họ có chút chênh lệch về tuổi tác, nhưng ông ta vẫn còn rất phong độ. Anh không trách ai cả. Chỉ tại mình không đủ điều kiện...

-Vì thế anh mới xin đổi lên vùng khi ho cò gáy để quên?

-Ừ, để quên...và anh đã quên.

-Anh đã quên. Mai Khanh lập lại lời của Thiên như một cái máy. Rồi sau đó?

# THỰC

Trời -Trăng nhật thực đòi nhau  
Lúc Thầy khát thực qua cầu tỉnh yên  
Có người tuyệt thực ngoài hiên  
Ai đang dĩ thực vi tiên từng giờ  
Sống tràn xâm thực vào bờ  
Mãn mùa bội thực không ngờ có tôi  
Em ơi lương thực cạn rồi  
Hôm nay thực khách gương cười thực đơn

PHAN KHÂM

(Maryland)

-Cho đến khi anh gặp một cô bé có chiếc răng khênh. Xinh thật xinh. Giọng Thiên bỗng trở nên ngậm ngùi, nhưng một lần nữa anh lại phải lùi bước...

-Tại sao? Mai Khanh gần như kêu lên.

-Em nghĩ sao khi thằng bạn thân của mình tâm sự là nó yêu cô bé kia say đắm và có ý muốn xây dựng gia đình với cô ấy? Nó không hề biết tình cảm của anh dành cho cô bé...

Mai Khanh cắt ngang, cổ họng nghẹn cứng:

-Nếu cô ta cũng yêu anh thì sao?

-Thằng bạn anh có điều kiện hơn anh. Hơn nữa, nếu anh biết nó yêu cô bé kia mà còn tranh giành thì ra thể thống gì?

-Nhưng ít ra...

Thiên vội cắt ngang, giọng dịu dàng nhưng cương quyết:

-Mai Khanh. Hãy nghe anh. Chúng ta là những người có trách nhiệm. Chuyện đã qua rồi đừng nhớ tới nữa. Ai cũng chỉ có một thời để yêu. Những tình cảm ngày xưa, chúng ta trân quý như một kỷ niệm đẹp. Anh bây giờ sống cho qua ngày. Em biết không, Mỹ Lệ bị ung thư buồng trứng. Vì thế cô ấy muốn làm gì anh cũng chịu. Ngày tháng trước mặt của cô ấy chắc không còn nhiều...

Mai Khanh kêu lên thảng thốt:

-Trời ơi, em không ngờ. Trông chị ấy bình thường như vậy.

-Mỹ Lệ rất can đảm. Cô ấy cố sống thật bình thường. May mà các con anh cũng đã lớn. Đòi là vạn ngày sầu! Mình phải tự tìm cách xua bớt nỗi sầu mới mong được sống an lạc. Thôi chúng ta vào nhà. Sương bắt đầu xuống rồi đó. Coi chừng kéo bị cảm, cô bé có chiếc răng khênh!

Câu cuối cùng Thiên nói thật chậm rãi và chàng mỉm cười, nhìn sâu vào mắt Mai Khanh trước khi quay lưng bước vào nhà. Ánh trăng đỏ xuống mênh mông. Nàng vẫn đứng đó, ngo ngác như kẻ mộng du. Cô bé có chiếc răng khênh! Thì ra...Ta nên khóc hay nên cười? Có lẽ cả hai. Đòi là vạn ngày sầu. Những hạt sầu nàng đã gieo từ khi bắt đầu yêu Thiên. Bao nhiêu năm qua nó đã đơm bông, kết trái, liên miên không ngừng. Giờ đây, Mai Khanh chỉ muốn dùng hai tay vốc từng nắm hạt sầu, rải tung ra trước gió. Nàng mong chúng sẽ nương theo gió bay đi, thật xa....

**TIỂU THU**

(Chớm thu 2008)

[họa vận]

# NHỮNG CHIỀU ĐÔNG THÔI ĐÀNH

Thu quyến trôi theo những mảnh nồng,  
Rồi đây là những buổi chiều Đông!  
Còn đâu nao nức đêm hò hẹn,  
Giây phút êm đềm lúc ngóng trông!  
Người khuất chân mây xa bến nước,  
Thuyền ra cửa biển bỏ dòng sông!  
Chiều đông rét mướt chờ ai nữa?  
Bếp lửa tro tàn, em biết không?

Rồi hết Xuân tươi đến Hạ nồng  
Thu vàng đổ lá lại vào Đông  
Lên đèn mấy độ ngùi thương nhớ  
Khắc khoải bao mùa vẫn đoái trông  
Biền biệt người đi về cuối bãi  
Lạnh lùng kẻ ở đứng đầu sông  
Đời như dòng nước miên man chảy  
Thì cũng thôi đành chuyện có-không!

## HỒ CÔNG TÂM NGUYỄN KINH BẮC

Texas, October 10, 2008

Philadelphia, October 13, 2008

(Họa vận) (Họa vận)

# THOÁNG LẬP ĐÔNG ĐÊM CUỐI

Đốt trầm hong nắng ủ hương nồng  
Mây bông mơ hồ thoáng lập Đông  
Khiến kẻ bên trời thêm ngóng đợi  
Để người cuối bến phải chờ trông  
Ngày buồn đọc kệ thay kinh sách  
Tối chợt nghe thơ thấy sóng sông  
Tưởng nụ Hoa Đàm đang kết trái  
Sầu-Tu, trong khói tỏa màu không

Hãy nhấp môi em — chén rượu nồng  
Sưởi hồn ngây ngất buổi tàn Đông!  
Mai kia nghịch cảnh làm ngăn cách,  
Mốt nọ đôi đường biết cạy trông?!  
Đây đấy xa đâu mà cách núi?!  
Đấy đây gần xít lại ngăn sông?!  
Đêm nay, anh nhỉ, là đêm cuối  
Kỷ niệm, mai này, anh nhớ không?!

## CAO MỸ NHÂN MINH ĐỖ

Hawthorne, 12/10/2008

(Texas, 10/2008)

# Tản mạn... Thông Ngôn

## Nguyễn-Phú-Long

**T**a dùng câu “Thông ngôn” để chỉ việc phiên dịch bằng miệng từ ngôn-ngữ này sang ngôn ngữ khác, giúp cho hai người không sử dụng cùng tiếng nói có thể hiểu nhau. Tức là, muốn thông-ngôn, điều kiện cần là mình phải biết cả hai ngôn ngữ của họ để chuyển nghĩa lời phát-biểu từ bên nì cho bên kia hiểu và ngược lại.

“Phải biết cả hai ngôn ngữ của họ.” là nói tổng quát, thực tế chỉ cần am tường một ngoại ngữ, vì kẻ còn lại thường nói chung thứ tiếng với người thông ngôn.

Đôi khi thay vì thông ngôn ta còn nghe “thông dịch”, hàm ý tương-tự như thông ngôn, tuy nhiên thực tế dần dần thấy ít dùng, hơi cũ, ngữ nghĩa không hoàn toàn chính xác, một số tự điển đã bỏ qua chẳng đề cập tới.

Thông ngôn là một nghề tương đối mới mẻ ở Việt-Nam, lương bổng hậu hỹ, việc làm nhàn-nhã, hấp dẫn và được kính trọng. Ai gặp cũng một điều thưa thầy thông-ngôn, hai điều thưa thầy thông-ngôn.

Nhớ chuyện xưa...Thoạt tiên, khi các quan Đại Pháp cực nhọc hy sinh bỏ cuộc sống êm đềm bên dòng sông Seine, bỏ các bà đầm dốt chớ rong chơi rải mìn khắp đường phố nơi kinh thành ánh sáng, lặn lội sang đây, đem văn-minh khai-phá cho đám dân còn ngờ ngác chưa biết tại sao đèn sáng, ngọn chúc xuống đất và nước trong, phun ngược lên trời, họ ưu ái mở nhà máy nấu rượu cung cấp cho ta nhậu lai rai ba sơi, nhưng luôn luôn nghiêm-minh, kỷ luật, chẳng có oong đơ gì cả, họ thẳng tay bỏ tù một gông những kẻ nấu rượu lậu.

Vì nhiều công việc bề bộn, dân Giao-Chỉ, cần được bảo ban cách làm đường, cầu cống, lập đồn điền, cạo mũ cao-su... hợp tác, góp sức lao động nên nghề thông ngôn đã xuất hiện theo nhu-cầu.

Từ hồi mới có ông Tây,

Có bơ, có sữa, có thầy thông-ngôn.

Một điều không thể chối cãi, đó là tính cần cù, sự làm việc chu đáo của dân Việt-Nam hầu hết đều được cấp chỉ huy tin tưởng, thương mến. Lại nữa, quan trên và kẻ thông ngôn lúc nào cũng như bóng với hình, làm việc kè kè bên nhau, nên sự thương mến còn đậm đà hơn nhiều, có thể nói không ngoa, đôi khi đó chính là một cặp bạn bè thân thiện.

Sách “Sau Bức Cấm Thành Nhà Nguyễn” có đề cập tới mẩu chuyện, xin dẫn ra đây để mọi người thấy tình nghĩa giữa thông ngôn và quan trên đậm đà tha thiết tới dường nào.

Trong chuyến công du Huế và Sài Gòn nhiều tháng, phái đoàn quan toàn quyền Paul Doumer mỗi người một ngựa ngất ngưỡng trên đường thiên lý, giống như bọn thầy chùa Tam-Tạng đi thỉnh kinh, mỗi lần tới nơi nào, ông không báo trước để địa phương tiếp đón. Trong đoàn tùy tùng có một người Việt làm thông ngôn gọi là Phán Ngọc (chả rõ họ gì.). Khi tới Huế, Paul Doumer đột ngột vào kinh thành để viếng thăm quốc vương An-Nam, làm vua Thành-Thái và các đại thần bật ngựa, lo sợ thất lễ. Nên ngày hôm sau triều đình tổ chức đại yến để tỏ sự cung kính và dành cho toàn quyền danh dự lớn.

Hoàng gia chỉ cho mời các ông hoàng bà chúa, các quan nhất phẩm và lục bộ thượng thư mà thôi. Danh sách được gửi cho phái đoàn duyệt trước, khi thấy không

có tên người bạn đồng hành và cũng là thông ngôn của mình, Paul Doumer hỏi lại, triều đình trả lời, phán Ngọc là dân giả, không phải quan đại thần nhất phẩm, không thể mời được. P. Doumer yêu cầu mãi, triều đình, cực chẳng đã, bắt buộc nhượng bộ vì không thể làm phật lòng toàn-quyền. Toàn quyền là rất lớn, coi cả ba xứ Việt-Mên-Lào cơ mà! bèn tạm phong cho phán Ngọc “Nhất phẩm đại thần hàm” rồi cho ông ta mượn bộ đồ vía của các quan cùng cấp bậc để mặc hôm dự tiệc.

Thuở trước, không kể Pháp Quốc, mình còn tiếp-xúc với nhiều dân nước ngoài, những quốc gia này đến với ta đều có ý tốt cả, họ dạy mình lễ nghĩa, trồng trọt, thu gom vàng bạc châu báu đem về nước cất giùm. Ai vậy? Thì ông bạn không lờ lảng giềng phía Bắc chứ ai! Thế mà lúc đó chả thấy phát sinh nghề thông ngôn lan rộng, chính thức, quy chế như thời sau. Nhiều phần có thể vì người An-Nam bấy giờ tuy không rành tiếng Tàu, song nhờ gần gũi, với bốn ngàn năm văn hiến, biết viết chữ nho, nên dù không hiểu, họ nói xập xám, mình đọc là thập tam, mà viết ra thì như nhau do đó ta đã sáng kiến thêm một phương pháp khác để “điều” với nhau, thực hành hơi linh kinh nhưng rõ ràng mình bạch, đó là bút đàm.

Cuộc bút đàm thoạt tiên phải sửa soạn giấy bút, có tràng kỷ chững chạc để ngồi đối diện càng tốt, (nếu không, nằm bò nơi sàn nhà lượm cục than viết dưới “mặt bằng” cũng chẳng sao) đổ chút nước mưa vào nghiên, mài mực...xong đầu đấy, tiền khách hậu chủ, mời tiên sinh viết một câu, tôi đọc và tôi viết câu trả lời, cứ thế tiếp tục. Giống như bây giờ mình *chatting* trên mạng Rất minh bạch, giấy trắng mực đen, bút sa gà chết, không thể gian lận, mập mờ, ám ố như mẫu chuyện sau đây:

Giáo sư Hứa-Hoành kể, một người dân giả, nguyên là học trò nghèo quê ở Gò Vấp, nhờ giỏi giang, thông minh, được học

bổng du học bên Tây, đậu tú-tài đôi, lúc quy cố hương vừa làm thầy dạy Pháp văn cho các công-chúa và Hoàng-tử trong cung, vừa làm thông ngôn, đó là Diệp-Văn-Cương. Ông Cương cưới cô công chúa Thiên-Niệm, chị ruột vua Dục-Đức thường gọi là Mệ-Kim làm vợ. Trong khi làm thông-ngôn, đầu năm 1888, để chọn người kế-vị, lúc vua Đồng-Khánh băng hà, vào một buổi họp về việc ấy Diệp-Văn-Cương cố tình dịch sai lạc, mục đích muốn đưa người cháu vợ mình là hoàng tử Bửu-Lân lên ngôi theo ý bà Thiên-Niệm.

Các quan hỏi Khâm-sứ:

- Nay vua Đồng-Khánh mới quy tiên, theo ý ngài nên chọn ai lên làm vua?

Diệp-Văn-Cương không dịch đúng nội dung như thế mà lại lắt léo cho quan khâm sứ hiểu theo ý đồ đã tính trước:

- Monsieur le Resident Superieur, Nay vua Đồng Khánh đã mất, Lương Tôn-Cung và cơ-mật đồng ý tôn Bửu-Lân lên làm vua, xin quan khâm-sứ cho biết ý-kiến.

Khâm-Sứ đáp:

- Nếu cơ-mật và Lương tôn-cung (Bà Từ Dũ và bà Học Phi) đồng ý thì tôi cũng tán-thành.

Đến đây, ta thấy câu chuyện đã được Diệp-Văn-Cương xô mũi dắt quan khâm-sứ queo vào đường khác rồi, sai một ly đi một dặm rồi, sắp xụp hồ cả lũ rồi, làm cho thầy thông ngôn thêm phần khởi, không dịch câu nói của Khâm-Sứ đàng hoàng mà lại giáng một búa, cương ầu cho các đại-thần nghe để dễ bề kết thúc, như sau:

- Bẩm các quan lớn, ngài khâm-sứ Rheinard đáp: “Theo ý tôi thì chọn hoàng-tử Bửu-Lân là hợp lý hơn cả.”

Thế là toàn thể các vị rường cột nắm vận mệnh quốc-gia cả Tây lẫn ta đã bị phù thủy Diệp-văn-Cương đạo diễn hốt một mẻ tron gói.

Thế là chỉ ba giờ sau, Hoàng-Tử Bửu-Lân mới 10 tuổi đang chơi đá đẽ cùng lũ trẻ, đã trở nên vua Thành-Thái dù mẹ ngài,



thấy cảnh phé lập, khóc lóc xin tha cho con bà mà chẳng được.

Nơi bộ Việt-Nam Sử-Lược của Trần-Trọng-Kim dĩ-nhiên không có kể việc này, chỉ nói đại khái rằng quan khâm-sứ có ý muốn, nên truyền lập ông Bửu-Lân lên làm vua. (quyển 2 trang 339.)

Chuyện làm ăn của một số rất ít lưu-manh, nghề nào cũng vậy, lui tới một chập rồi cũng rơi vào nghi ngờ, mất tin tưởng có thể bị phanh-phui, đổ bể. Về sau, những vụ quan- trọng, các thông ngôn phải qua cuộc lễ tuyên-hứa mới được hành-nghe đó là các thông-ngôn hữu-thê, thường làm việc cho các vị nguyên thủ, cho tòa-án v...v...

Qua mẩu chuyện trên đây, việc thông ngôn thật là hết sức lợi hại, vì những thầy thông ngôn vô lương tâm còn có thể y vào vị trí của mình, để xuồng tay thực hiện trả thù cá nhân không mấy khó khăn.

Lịch sử Việt-Nam cận đại đã chứng minh điều đó. Một hôm, từ tờ mờ sáng, súng nổ chát chúa, mấy cụ già run rẩy, rên khừ khừ như trúng phong, chó kêu ăng ăng, cụp đuôi phóng chạy tán loạn dưới gầm giương, góc nhà. Thường khi chú cẩu bị nện vài hèo mới kêu như thế, bây giờ đặc biệt hãi quá nó cũng kêu ăng ăng như lúc bị thọc tiết thui vàng, nấu nhựa mận.

Dân làng chưa hiểu chuyện gì, con nít khóc ré làm các bà mẹ vội vàng tính vạch yếm án vú vào miệng nó cho yên... thì tất cả đã bị lừa ra bãi đất trống trước sân đình tập hợp, không khí ngột ngạt, tuân lệnh tuyệt đối, lặng lẽ, nhanh nhẹn, kỷ luật, loạng quạng ở đây, lúc này, bỏ mạng như chơi, nam đứng một bên, nữ đứng một bên, đông thật là đông, để kiểm soát, thanh lọc.

Giữa đám lính Tây đằng đằng sát khí, những khẩu súng dài có gắn lưới lê nhọn hoắt, viên cạp-pò-ràn-xếp chỉ huy, hàng ria mép rậm rì như hai con sâu róm, mang cây Colt 45 với những viên đạn gài chì chít trên chiếc thắt lưng bằng da bò màu vàng-thỏ, đi cạnh thầy thông ngôn đảo qua đảo

lại, lạnh lùng. Thầy thông ngôn thì đang làm công việc chỉ điểm, thầy chum cái bao bố để khỏi ai nhận ra lý lịch, diện mạo, phòng hờ sự oán hận về sau, thầy chỉ tay vào người nào là đời kẻ ấy kể như oong poong phi nổ, một số hai chấm!

Nghe nói, trong quân đội, có một vài quan lớn khởi nghiệp như thế, sau khi ông xếp mắt xanh mũi lõ hết nhiệm-kỳ sửa soạn xuồng tàu về Tây, buổi chia tay thầy trò bịn rịn ngồi đối diện, nôi thịt thỏ nấu rượu vang để ở giữa, nghi ngút bốc hơi, tỏa mùi thơm hấp dẫn khắp phòng, để bổ đường nhân nghĩa, ông khuyên thuộc cấp phải lo tương lai, ông đi rồi, cò-sơ-ra sơ-ra? nên xin đăng lính cho Pháp, hẳn nghe lời, ghi tên vào trường "Anh-ăn-chi?" ( infantry ) nhận một lô quần áo toàn màu cửt ngựa, đôi giày-xăng-đá cứng và nặng như...đá, để bắt đầu bài học đi đều bước.

Khổ nỗi khi huấn-luyện-viên hô "En avant marche!" Hẳn lúng túng không biết bắt đầu chân nào trước chân nào sau, bị đá dít, bộp tai, mẹt-xà-lù mãi cũng như nước đổ lá môn, cuối cùng phải lấy bẹ chuối khô buộc vào một chân cho dễ nhớ. Quân trường đổ mồ hôi, chiến trường bết đỏ máu là vậy?

Về sau, bao nhiêu biến cố lịch sử xảy ra, quân đội thuộc Pháp chuyển qua quân đội quốc-gia, cả triệu người xuồng tàu há mồm ra khơi, di-cư từ Bắc vào Nam, rồi trướ phé Bảo-Đại, suy tôn Ngô Đình-Diệm, thanh niên cộng hòa mặc đồng phục xanh đi chào cờ sáng thứ hai, lập áp chiến lược, đàn áp tôn giáo, rồi từ Đệ-Nhất Cộng Hòa tới Đệ-Nhi Cộng-Hòa, rồi quân đội Củ-Xâm, quân đội Cang-Gu-Ru v...v...nhào vô ăn có, hết đảo-chánh lại chỉnh lý, công bố Hiến Chương Vũng Tàu, sinh viên biểu-tình... Hẳn không phải chỉ là chứng nhân giai đoạn lịch sử mà đã ít nhiều, trực tiếp hoặc gián tiếp, tham dự hầu hết những biến cố ấy, những biến cố ấy quá dài, làm mỗi khi nhìn về quá khứ, hẳn thường kiêu ngạo

chê thuộc cấp là cái thâm niên quân vụ của họ chưa chắc bằng những ngày hấn nầm bệnh viện cộng lại.

Hấn như bị “ cuốn theo chiều gió”, cặp giày đinh lưu lạc khắp bốn vùng chiến thuật, “gặp thời thế thế thời phải thế” lúc thì trận mạc, lúc bị thượng cấp ghét bỏ vì ăn chia không đều, bèn bị đẩy theo học các khóa quân sự, chỉ huy tham mưu và cuối cùng “Anh chưa chết đâu em!”, sống lâu lên lão, lon lá càng ngày càng nặng để một sáng ngủ dậy vào đơn vị bỗng thấy người trường ban Ba, cần-mẫn, tận-tụy đang chờ, cười, tươi rói, trình tờ công-điện từ bộ Tổng-Tham-Mưu....Thế là thầy cựu thông ngôn lại lên chức, lại lên lương, đường hoạn lộ thăng thang...để mai sau khi hai năm mươi, những tấm mê-đay còn đó, những hình ảnh, trận mạc còn đó, những kỷ vật đó có thể làm cho một nhà thơ nào đó đang tung đề tài, chọt nhìn nước chảy mây trôi, lan man nghĩ tới cái ngắn ngủi, phù du của kiếp người, sinh lão bệnh tử, bèn nhả ngọc phun châu thành mấy câu đầy đủ các hình ảnh: Chiến sĩ, sa trường, da ngựa bọc thây...thương tiếc một vì sao “rớt hột”.

Bản “tướng mạo và quân vụ.” của cha bự này như thế cũng chả vinh dự danh giá, ghê gớm gì. Một lực sĩ đấu võ wrestling lúc thượng đài vì nghề nghiệp, câu khán giả, vênh váo chửi bới đối phương đôi khi thắng, đôi khi bị địch thủ dẫn cho như từ gần bề mặt, chuyện đời năm ăn năm thua. Bỗng một hôm thấy không khí bầu bán hào hứng, bèn bỏ nghề đá bóng, nhào ra ứng cử và trở nên kẻ đứng đầu một tiểu bang nhiệm kỳ bốn năm. Bốn năm nơi xứ Bắc lạnh lùng, tuyết phủ với hàng ngàn cảnh hồ nước mênh mông, với bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông cây cỏ hữu tình... ngài thống đốc làm được gì? Chắc cũng không nổi bật nên tới 2002 ngài bị kẻ khác giành mất

chiếc ghế uy quyền, thơm như múi mít, đẩy lùi cuộc sống trở về lạng lẽ, tối tăm, y như “thằng bé âm thầm đi vào xóm nhỏ!”

Ngài cựu thống-đốc bây giờ ở đâu? Bến Hải hay Cà-Mâu? Ôi! bức tranh vân cầu. Lên voi xuống chó. Lão-Tử viết “ Danh khả danh phi thường danh.” Trong thiên hạ nào dễ mấy ai!

Xin tiếp tục chuyện thông ngôn, không phải sự hợp-tác giữa hai chủng-tộc, hay nói cho đúng là giữa hai cá nhân của hai chủng-tộc, là nhất thiết phải cần thông-ngôn.Hồi đó mấy tên lính viễn chinh xa nhà, khi thành thoi, ngóng trời, nhìn cụm mây trắng lững lờ, bồi hồi tưởng lại, chẳng biết con bé tóc vàng hàng xóm, con bé mặc váy ngắn mang vớ trắng cao tới đầu gối bây giờ ra sao, lòng nhớ quê hương bồi bồi thì cũng y chang người di tản lúc đầu vậy. “Anh Phải Sống”. Mặt khác cô me Tây lẳng vẳng đâu đó cũng phải sống. Thế là “hữu duyên thiên lý năng tương ngộ.” hai bên, dù chẳng cùng ngôn ngữ, bèn rập vô, nương tựa nhau cho bớt sầu đời.

Chẳng cùng ngôn ngữ thì nhằm nhò gì,họ biết phải làm chi và phải đối xử với nhau thế nào chứ! Công thức “Ông mất cái gì, bà thò chai rượu” đem áp dụng lúc nào cũng hữu hiệu. Họ có hai vòng tay đầy sức sống. Hai vòng tay ấy không phải chỉ để ôm nhau thật chặt tỏ dấu yêu đương mà còn dùng nói chuyện, rồi bập bẹ vài tiếng, rồi cố gắng ghép hai chữ lại, nửa Pháp nửa Việt cho Pháp Việt đề huề.

Cũng tình tứ, mùi mẫn quá cỡ thợ mộc ấy chứ ily! Một hôm cuối tuần, mới sáng tinh mơ, trên tấm thân-thể-bùng-bùng còn khoác chiếc áo ngủ mỏng dính, dài thượt, chị vợ đã thoãn thoắt làm điểm tâm cho chồng ăn, vừa bưng đĩa trứng vừa nói như reo “ Ên pa cúc cù cu...cu, ên săng tê cúc cúc, Y-ê ên đon-nê một cục, ô-dua-đuy ốt si một cục, ốp

la óp lét, măng dê ngon ra phết.”. Ăn xong, theo đúng chương trình nỉ non to nhỏ từ đêm hôm qua, hai vợ chồng còn dặt tay dạo chơi sở thú, đến chuồng cạp cô me tây mừng rỡ kéo tay người lính xa quê hương, vừa chỉ vừa nói líu lo: “Me sừ! me sừ! lúy gầm lúy gừ, lúy com lơ bóp, lúy pa lơ bóp, lúy tý ti dôn, lúy tý ti noa, lúy măng dê cả moa, lúy măng dê cả toa, Ô la la!”

Chàng lính viễn chinh nghe vậy gật gù, mỉm cười, ngây ngô, sung sướng, song, người trai trẻ đang ngập lặn trong hạnh phúc ấy có hay biết gì không nhỉ? Tôi chẳng rõ. Thú thực viết đến đây tôi chỉ e là quý vị độc giả kính mến có hiểu giùm chẳng mấy câu nói của cô me Tây đang cơn hào hứng! Tuy nhiên, ví dù, nếu không hiểu cũng đừng kêu tôi nhé! Thay vì kêu tôi, xin gõ cửa tìm hỏi ông Bảo-Trần:

Ngoài đường ban tối, tối thui,

Ông đang “Đổi Diện Niềm Vui” miệt mài.

Mấy bữa mò tới thăm ông, tôi không thích theo lối mới, gọi điện thoại trước. Tới nơi, bấm chuông, đi vắng thì về, cửa mở thì vô, sau khi biểu diễn màu mè chiếu lệ:

- Xin lỗi, kẻ phạm phu tục tử này thật đáng trách, đến mà không thông báo, chẳng hay tiên sinh có bận việc gì chẳng?

Ông không trả lời, nắm vội lấy tay tôi kéo tuột vào nhà, cho tôi uống cà-phê “3 in 1”, ăn đậu phộng rang, vui vẻ, thân tình... và có lần ông đã kể tôi nghe mẩu chuyện cười thế đấy!

Phạm-Quỳnh viết: “Người An-Nam cái gì cũng cười”. Mẩu chuyện trên đây lại buồn cười! Thế thì mình cứ cười vui cho thoải mái. No star where (Không sao đâu.) Tuy nhiên, mặt khác, những câu nói buồn cười này chưa hẳn đã thật, biết đâu chẳng là hư cấu, mà dù giả hay thật, chắc chắn nó không có gì đáng khinh cả, vậy xin đừng nghĩ tới lời phê phán khắt khe, miệt thị của ít người: “Tiếng Tây bồi”!

Từ sau năm 1975, có rất nhiều người Việt bỗng nhiên bỏ cửa bỏ nhà sang sinh sống ở Hoa-kỳ. Tôi nói bỗng nhiên vì cuộc ra đi không dự trù trước. Có ông cụ búi tóc củ hành cạp nách cái ô (Đồng bào miền Nam kêu cái dù. Hồi xưa cái ô này được gọi ô máy, ông Tú Xương lại đặt tên là ô Tây: “Hôm qua anh đến chơi đây, giầy dôn anh diện ô Tây anh cầm”), nói với mấy người đồng hương ngay khi bước xuống sân bay: “Chẳng hiểu tại sao tôi ở đây!”. Rất nhiều người bị home sick, chưa biết tiếng Anh, bao nhiêu trường hợp, đôi khi cũng gây ra vô số chuyện tức cười về ngôn ngữ vì đâu phải lúc nào cũng có thông ngôn, nhưng được cái, hiếm khi nghe ai phê phán “tiếng Mỹ bồi!” và hẳn tiếng Mỹ bồi cũng có lúc buồn cười lắm, xin miễn kể chỉ vì hầu hết mọi dân đồng cảnh ngộ đều kinh nghiệm, trải qua, chả ít thì nhiều.

Sau hơn ba chục năm bôn di tản buồn chúng tôi, cư ngụ ở Mỹ, bây giờ lại sẩy ra vấn đề mới cũng nan giải: Người mình mà không nói rành tiếng nước ta. Tôi có thằng cháu không chịu cắt tóc ở tiệm do người Việt điều hành, lý do giản dị không ngờ, “nó cứ hỏi hoài bằng tiếng Việt-Nam cháu không biết nói làm sao.” Nếu còn chẳng tin, cứ nghe một số ít các ca-sĩ giới thiệu trước khi hát là đủ. “Cam ta quy vi. Em xin trình bay bai Muoi nam tinh cu...” chẳng cần bỏ dấu gì cả y như anh dân-vệ ở Sa-Đéc, gốc Cao-Miên, bắt thằng nhỏ ăn trộm gà, hỏi “Ăn Tôm để cua đâu?” (Ăn trộm để của ở đâu?) mà cụ Vương-Hồng-Sển có kể trong sách.

Thực ra thì mấy danh-ca (Không phải đánh cá) choai choai này đã là Mỹ cả rồi, họ sinh trưởng ở Mỹ mà! Hình dáng là Việt-Nam nhưng nói năng, suy nghĩ, ăn ở y chang như người bản xứ. “Hồn Trương Ba da hàng thịt”. Khả năng biểu diễn tiếng Việt như thế còn là may! Thành ra quan niệm

của ông bà, ước ao con cái phải lấy vợ lấy chồng người Việt trở nên lỗi thời cái một. Việt hay Mỹ nay có khác chi! Có khi Mỹ lại ngon lành. Kén chọn, nếu bậc cha mẹ có diễm phúc được kén chọn, thì đôi khi cũng chỉ hài lòng tới ngày đám cưới thôi!

Bây giờ, vấn đề chủng tộc, tiếng nói chẳng còn mang ý nghĩa quốc gia nữa. Một đội bóng của dân Phá-Lăng-Sa thấp thoáng vài cầu thủ da đen là bình thường, tương tự, trong kỳ Thế vận Hội Olympic 2008 ở Bắc-Kinh, một vận động viên tranh giải bóng bàn đại diện cho Hoa-Kỳ là một á-mụi 100 phần 100, đứng trước mũi các vị con thiên tử: tiu, xoáy, vót, múc, đập, rơ-ve tới bời... no star where!

Nhưng vấn đề ngôn từ nói chung vẫn là quan trọng, rất quan trọng. Ưu tiên mình nên luôn luôn hãnh diện, đề cao, phổ biến và trau dồi tiếng mẹ đẻ, mặt khác, càng biết nhiều ngoại ngữ càng tốt, ít nhất đỡ hiểu lầm, đỡ phải thông ngôn. Người Tàu ở Chợ-Lớn phần đông biết nói rành tiếng Việt, chẳng trở ngại về sinh-ngữ, khi lấy vợ Việt, vẫn muốn vợ mình học thêm tiếng Trung-Hoa vì còn những trường hợp cần thiết như tiếp xúc họ hàng, trở về thăm quê hương. Khổ nỗi, khi lấy nhau rồi, vì gia đình, con cái, công việc, đàn-bà đôi khi làm biếng chuyện học-hành, lại thấy chả cần thiết. Ngộ ái nị, nị ái ngộ lược dzồi, nên nếu chồng có nhỏ nhẹ trách yêu thì thường "ngoan cố" trả lời đại khái, bằng một câu nhõng-nhẹo cũng đáng yêu:

"Từ ngày lấy nhau,  
Nị cứ bảo chẳng hịu học chữ gì, Thế  
sao ngộ lại piết  
Cái "pán-xì" là củ khoai lang!"

**Nguyễn-Phú-Long**

(Virginia)

## BÀI TANGO ĐÊM GIÁNG SINH (tặng Th.)

Chút gì chợt đến rồi đi  
Ôi buồn như vết chim di xa ngàn  
Lá buồn chiếc cuối bay sang  
Âm thầm như thể đò ngang... không người.

Như em, xây mộng bằng đời  
Còn anh, xây mộng bằng lời thế gian  
Phút đầu, xao xuyến ngõ ngàn  
Tơ duyên là nổi bể bàng... khó quên.

Đêm huyền chân ngọc ướm mềm  
Noel hương ngát, thoáng miền dấu môi  
Tango dịu dặt gọi mời  
Nghe trong ánh mắt, buồn chơi vơi buồn.

Vòng tay, điệu nhạc quay cuồng  
Đèn lung linh bóng, rượu lãng lãng tàn  
Bên em, say đắm dịu dàng  
Tình chưa hò hẹn, lệ tràn thấm tim...

VA, Christmas Eve.

**BÙI THANH TIÊN**

**Bài Tango Đêm Giáng Sinh**

Hòa: Bùi Thế Tiến  
Nhạc: Diễm Hương

TANGO (T.115)

(Intro... Am C F E7 Am9)

Am C F E7 Am

...) Cầu gì chót đến rồi đi! Ở buồn như vết chim đi xa ngàn. Lá  
 buồn như chiếc cầu bay sang. Âm thầm như thể? đó ngày không quên như  
 em xây mộng băng đời. Con Anh xây mộng băng đời thể gran phát  
 đầu vào xuyên rạp rạp. Tô diện là rồi bề băng khó quên. Đêm  
 huyên huyên nước ướt mềm Noel hương ngọt thoả niềm đau khổ. Tan  
 -go đều dứt gọi mời. Nghe hong ánh mắt buồn chợt với buồn! Vong  
 tay đũa nhạc quay xoay lên lưng liếc bóng rọi lầy lầy tan. Bên  
 em say đắm dịu dàng Tình đưa hồ hên lệ tràn thấm thấm. (chết)  
 Bên Em say đắm dịu dàng Tình đưa hồ hên lệ tràn thấm thấm.

# ĐẠI VĂN Hào

## ERNEST M. HEMINGWAY (1899 - 1961)

### VỚI TÁC PHẨM “NGƯỜI ÔNG VÀ BIỂN CẢ”

#### PHẠM VĂN TUẤN

**E**rnest Miller Hemingway là nhà văn viết tiểu thuyết, truyện ngắn người Mỹ, được tặng thưởng Giải thưởng Nobel về Văn Chương vào năm 1954 vì tác phẩm "*Người Ông và Biển Cả*". Ông Hemingway nổi danh về lời văn rõ ràng, thể văn cứng cỏi, lối đối thoại ngắn gọn. Cách viết văn và cuộc sống cá nhân đầy mạo hiểm của ông trên các miền đất đặc biệt, lại được quảng cáo rộng lớn, đã tạo nên ảnh hưởng rất mạnh và sâu đậm tới các nhà văn người Mỹ và người Anh trong thế kỷ 20. Nhiều sáng tác của Hemingway ngày nay được coi là các tác phẩm cổ điển của nền Văn Chương Mỹ, với một số tiểu thuyết được quay thành phim và trình chiếu tại khắp nơi trên thế giới.

#### 1- Cuộc đời của Ernest M. Hemingway.

Ernest Miller Hemingway (1899-1961) là người con thứ hai trong số 6 người con của bác sĩ Clarence Edmonds Hemingway và bà Grace Hall Hemingway, chào đời vào ngày 21 tháng 7 năm 1899 tại Oak Park, gần thành phố Chicago, thuộc tiểu

bang Illinois. Mẹ của Ernest là bà Grace, là một người ngoan đạo, có tài về âm nhạc nên đã muốn cho Ernest phát triển năng khiếu này nhưng đối với bà Grace, Ernest Hemingway là một nỗi thất vọng. Cậu thiếu niên này được học âm nhạc, tập hát và tập đàn hồ cầm (cello) nhưng mỗi khi mẹ đi vắng, Hemingway đã cùng các bạn chuyển căn phòng tập nhạc thành võ đài đấu quyền Anh. Bản tính ưa chuộng chủ nghĩa cá nhân đã thể hiện nơi con người của Hemingway bằng các phản kháng nhỏ nhặt, để rồi trong cuộc đời sau này, đã hiện ra bằng các hành động trên tầm vóc lớn hơn.

Ernest Hemingway theo học trường trung học Oak Park và trong thời gian còn đi học, đã bắt đầu viết văn và tham gia vào các hoạt động báo chí của trường. Cuộc sống thời trẻ tuổi này đáng nhớ vì Ernest cùng với gia đình trải qua những mùa hè tại miền bắc của tiểu bang Michigan, bên hồ Walloon. Chính tại nơi thiên nhiên này, Ernest Hemingway đã thừa hưởng từ người cha hai thú vui là săn bắn và câu cá, và những kỷ niệm thời thơ ấu đã tạo nên các ấn tượng trong Ernest và phản ánh sau này qua nhân vật Nick

Adams như trong truyện ngắn "Trại Mọi Da Đỏ" (Indian Camp) và "Giòng Sông Đôi Đường" (Big Two-Hearted River). Tại trường trung học, Ernest Hemingway tham gia môn bóng bầu dục và quyền Anh và cũng do môn thể thao sau này mà Hemingway bị thương tại mắt trái. Đây là lý do mà Ernest Hemingway bị quân đội Hoa Kỳ từ chối, không nhận nhập ngũ. Môn quyền Anh đã là một sở thích lâu dài của Hemingway, là chất liệu để ông viết ra các truyện ngắn với những danh từ trong nghề.



Năm 1917, Ernest Hemingway tốt nghiệp trung học và vì không muốn bước lên đại học, nên tới thành phố Kansas, làm phóng viên cho tờ báo "Ngôi Sao" (Star). Cuộc đời phóng viên trong nước đã không hấp dẫn Ernest Hemingway được lâu, bởi vì

ông đang hướng về châu Âu là nơi đang xảy ra cuộc Thế Chiến Thứ Nhất. Do ưa thích mạo hiểm, Ernest Hemingway đã tình nguyện tham gia vào Hội Hồng Thập Tự Hoa Kỳ và qua miền bắc nước Ý, làm tài xế xe cứu thương. Vì Hội Hồng Thập Tự đã đặt các trạm cấp cứu gần nơi trận tuyến, công việc của Hemingway là lái xe và phân phối cho binh lính các gói kẹo và thuốc lá. Hemingway đã ghi lại như sau: "mỗi buổi chiều và buổi sáng, tôi bỏ đầy đồ vật vào túi đeo và mang theo hộp đồ ăn cùng mặt nạ hơi ngạt rồi chạy ra chiến hào, như thế là đủ vui rồi".

Vào ngày 18-7-1918, khi chưa tròn 19 tuổi, Ernest Hemingway đã bị thương vì các mảnh đạn trái phá tại mặt trận Fossalta thuộc miền Piave nước Ý, giáp với nước Áo. Mặc dù các vết thương, Hemingway còn công một binh lính người Ý, mang tới địa điểm chỉ huy. Trên đường đi, Hemingway lại bị quân địch bắn hai tràng đạn liên thanh, vào đầu gối và vào chân. Hemingway được chữa trị tại bệnh viện Milan, được tưởng thưởng huy chương anh dũng. Các kinh nghiệm trên chiến trường, những đau khổ do các cuộc tàn sát gây nên đã cung cấp cho Ernest Hemingway những hiểu biết để sau này viết ra tác phẩm "Giã Từ Vũ Khí" (A Farewell to Arms), một tiểu thuyết nổi danh nhất đề cập tới chiến tranh. Trong thời gian nằm dưỡng bệnh, Hemingway đã đam mê cô y tá người Mỹ tên là Hannah Agnes von Kurowsky. Hai người đã trao đổi với nhau một số thư từ nhưng vì cô Agnes cao tuổi hơn và muốn tận tụy với

nghề y tá, nên mối tình của hai người dần dần phai nhạt. Hemingway trở về Hoa Kỳ và nàng Agnes ở lại. Sau khi đã yêu một người Ý, nàng Agnes biên thư cho Hemingway, yêu cầu ông hãy quên đi những gì đã xảy ra, thế nhưng Hemingway vẫn giữ mãi các bức thư tình trong suốt cuộc đời.

Sau Thế Chiến Thứ Nhất, Ernest Hemingway trở về Hoa Kỳ và sinh sống tại miền bắc của tiểu bang Michigan. Ông bắt đầu đọc sách, câu cá và viết truyện. Hemingway đã làm một số công việc bình thường tại Chicago và nhờ nơi này, làm quen với nhà văn Sherwood Anderson. Năm 1921, Hemingway kết hôn với cô Hadley Richardson rồi hai người dọn qua thành phố Paris vì Hemingway nhận chân phóng viên cho tờ báo Ngôi Sao Toronto (the Toronto Star). Do bức thư giới thiệu của Sherwood Anderson, Hemingway làm quen với các nhà văn lưu lạc người Mỹ như F. Scott Fitzgerald, Ezra Pound và Gertrude Stein. Cũng tại nhà của nữ văn sĩ Gertrude Stein mà Hemingway quen biết nhiều tác giả và nghệ sĩ, và cũng chính Gertrude Stein bình phẩm về giới nhà văn trẻ là một "*thế hệ lạc lõng*" (the lost generation). Đây là lời nhận xét đặc biệt mà về sau, Hemingway đã dùng trong cuốn tiểu thuyết chính đầu tiên, cuốn "*Mặt Trời Vẫn Còn Mọc*" (the Sun also rises), xuất bản năm 1926. Danh từ "*thế hệ lạc lõng*" đã mang một ý nghĩa đối với các độc giả của Hemingway. Đó là các thái độ của thế hệ sau chiến tranh, đặc biệt của các nhà văn trẻ bởi vì cuộc sống và

niềm tin của họ đã bị tổn thương vì chiến cuộc, vì các tham lam vật chất đang dần dần trở nên một thực tại khiến cho đời sống hóa thành vô nghĩa.

Trong thời gian làm phóng viên tại Paris, Ernest Hemingway đã đi khắp châu Âu, phỏng vấn các nhân vật danh tiếng như Lloyd George, Clemenceau và Mussolini... rồi vào năm 1925, cuốn tiểu thuyết quan trọng đầu tiên của Hemingway được xuất bản tại New York với tên là "*Trong thời đại của chúng ta*" (In Our Time). Cũng vào thời gian này, nhiều thú vui như trượt tuyết, coi đấu bò rừng, đi câu cá và đi săn... đã là từng phần của cuộc sống của ông và từ đó tạo nên nền móng của các cuốn tiểu thuyết sau này.

Vào năm 1927, Ernest Hemingway ly dị với người vợ thứ nhất, rồi cùng vào năm này, lại kết hôn với cô Pauline Pfeiffer, một nhà văn của tạp chí Vogue. Hai người dọn nhà qua Key West, thuộc tiểu bang Florida vào năm 1928. Một sự việc gây chấn động tới Hemingway vào năm này là cuộc tự sát của người cha, bởi vì ông Clarence Hemingway đã tuyệt vọng vì bệnh cao huyết áp và bệnh tiểu đường. Ý tưởng về tự sát đã phản ánh qua các bài viết của Hemingway, qua tư tưởng của nhân vật Robert Jordan trong cuốn tiểu thuyết "*Vì Ai, Hỡi Chuông Báo Tử*" (To Whom the Bell Tolls) xuất bản vào năm 1940. Hãng Phim Paramount Pictures đã mua bản quyền của cuốn truyện này với giá cao kỷ lục vào thời bấy giờ là 150,000 mỹ kim cộng thêm điều kiện do Hemingway đặt ra, là các tài tử chính



trong phim phải do Gary Cooper và Ingrid Bergman phụ trách.

Trong thời gian còn làm phóng viên nước ngoài tại thành phố Paris, Ernest Hemingway đã lưu tâm tới tình hình chính trị của nước Tây Ban Nha dưới triều đại Vua Alfonso-12. Hemingway đã thăm viếng xứ này vào mùa hè năm 1931 sau khi chế độ quân chủ bị lật đổ và ông đã tiên đoán rằng cuộc nội chiến sẽ xảy ra vào năm 1935. Tới khi cuộc nội chiến bùng nổ thực sự, Ernest Hemingway bắt đầu viết và đọc các bài diễn văn từ năm 1936 để gây quỹ cho phe Cộng Hòa Tây Ban Nha. Năm 1937, Hemingway qua nước Tây Ban Nha để tường thuật về cuộc chiến bằng các bài viết cho Liên Bang các tờ báo Bắc Mỹ (the North American Newspaper). Nhiều người trẻ từ Hoa Kỳ và từ các quốc gia khác cũng tham gia vào lực lượng Trung Thành (the Loyalists) để bảo vệ các lý tưởng dân chủ, nhưng cuối cùng nhà độc tài Francisco Franco đã thắng cuộc chiến.

Vào năm 1940, Hemingway và Pauline đã ly dị nhau và Hemingway cưới nhà văn Martha Gelhorn. Hai người đi du lịch vòng quanh Trung Hoa rồi tới xứ Cuba định cư. Khi Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ, Ernest Hemingway đã tình nguyện đóng góp với Hải Quân Hoa Kỳ bằng con thuyền đánh cá "*Pilar*" với công tác canh chừng các tàu ngầm Đức xuất hiện trong vùng biển Caribbean. Thế Chiến Thứ Hai diễn ra tại châu Âu đã lôi cuốn Ernest Hemingway, khiến ông trở thành một thông tin viên và trưởng ban

châu Âu của Tạp Chí Collier. Do muốn tường thuật về cuộc chiến, Hemingway đã nhiều lần bay theo lực lượng Không Quân Hoàng Gia Anh trong các cuộc oanh tạc trên miền đất Pháp bị quân đội Đức chiếm đóng. Vào ngày 6-6-1944, Ernest Hemingway tham dự cuộc đổ bộ của quân đội Đồng Minh lên bờ biển Bắc Âu và có mặt khi thành phố Paris được giải phóng khỏi quân đội Đức Quốc Xã. Người ta còn kể lại rằng khi quân Đồng Minh tiến vào khách sạn Ritz tại Paris, họ đã thấy có tấm bảng ghi câu viết: "*Ba đã chiếm khách sạn. Nhiều đồ uống dưới hầm rượu*". "*Ba*" (Papa) là tên gọi vui đùa dành cho Ernest Hemingway.

Sau một lần ly dị nữa vào năm 1944, Ernest Hemingway lại cưới cô thông tin viên của Tạp Chí Time tên là Mary Welsh. Sau chiến tranh, họ sống với nhau tại Venice rồi cuối cùng, quay về cư ngụ trong một nông trại gần Havana, thuộc xứ Cuba.

Năm 1950, Ernest Hemingway cho xuất bản cuốn truyện "*Qua sông và vào trong rừng*" (Across the River and into the Trees) nhưng sáng tác này đã không thành công. Tới năm 1952, một tác phẩm khác của Hemingway đã mang lại ngôi vị cho ông trên văn đàn, đó là cuốn "*Ngư Ông và Biển Cả*" (The Old Man and the Sea) và nhờ cuốn tiểu thuyết ngắn này, Ernest Hemingway được tặng giải thưởng văn học Pulitzer năm 1953.

Vào tháng 1 năm 1954, Hemingway qua châu Phi để săn thú rừng và người ta đã loan tin ông bị tử nạn máy bay trong chuyến đi đó. Nhưng Hemingway đã sống

sót, chỉ bị thương nặng về cột sống và nội tạng nhưng cũng nhân dịp này, ông được đọc những lời chia buồn thiện cảm. Cũng vào năm 1954, Ernest Hemingway nhận được Giải thưởng Nobel về Văn Chương mà Hàn Lâm Viện Thụy điển đã trao tặng "vì thể văn mạnh mẽ dùng trong nghệ thuật kể chuyện mới lạ và thể hiện gần đây nhất qua tác phẩm *Ngư Ông và Biển Cả*".

Vào tuổi 60, chân dung của Ernest Hemingway với bộ râu bạc trắng, đã xuất hiện trên nhiều tờ báo và Hemingway vẫn còn là một con người mang nhiều sức sống. Người ta đã thấy ông đá các lon bia trống không lên cao trên con đường về nhà tại Ketchum thuộc tiểu bang Idaho. Nhưng, Ernest Hemingway thực ra không cảm thấy hạnh phúc. Ông đã điều trị và dưỡng bệnh dài hạn tại bệnh viện Mayo, thuộc thành phố Rochester, tiểu bang Minesota. Ông bị ám ảnh vì cao huyết áp và suy sụp tinh thần. Ông tự cảm thấy không còn duy trì được thứ sức mạnh của nam giới (the masculine vigor) nữa, một thứ hào hùng mà ông hằng vui hưởng.

Vào buổi sáng Chủ Nhật, 2 tháng 7 năm 1961, Ernest Hemingway thức dậy sớm trong ngôi nhà tọa lạc tại một nơi vắng vẻ của thị trấn Ketchum, Idaho, đã nạp đạn vào khẩu súng săn hai nòng, đặt báng súng trên sàn nhà và đưa nòng súng vào đầu mình rồi bóp cò. Nhiều người danh tiếng trên thế giới đã tự sát, để lại mẫu giấy ghi rõ lý do, nhưng đối với Ernest Hemingway, đã không có lời trối trăn nào ngoài hình ảnh của các nhân vật trong nhiều cuốn tiểu thuyết mà ông đã

sáng tạo ra. Ernest Hemingway đã lập gia đình bốn lần, khi qua đời để lại ba người con trai.

## 2- Ernest Hemingway với tác phẩm "*Ngư Ông và Biển Cả*".

Ernest Miller Hemingway đã để lại một số lượng lớn bản thảo, một số đã được xuất bản trước khi ông qua đời. Các nhân vật trong truyện của Hemingway là biểu hiện của các cách nhìn cuộc đời và các giá trị thực của nhà văn. Các nhân vật chính trong các cuốn "*Mặt Trời Vẫn Còn Mọc*", "*Giã Từ Vũ Khí*" hay "*Vì Ai, HỒi Chuông Báo Tử*" là những thanh niên có sức mạnh, tự tin nhưng đã gặp các vết thương vì chiến tranh. Chiến tranh đối với Hemingway là một biểu tượng mạnh của thế gian qua đó nhà văn đã nhìn thấy hầu như chứa đầy các khó hiểu về luân lý, các tàn phá, các đau đớn không tránh khỏi và để vượt qua thứ thế giới như vậy, con người phải hành động bằng danh dự, can đảm, chịu đựng, phẩm cách và toàn bộ các nguyên tắc này được gọi là "*quy luật của Hemingway*" (the Hemingway code). Ernest Hemingway đã viết về các phần đấu can trường, thường khi không mang lại kết quả, để chống chọi với cuộc đời. Về sau, Hemingway đã chuyển hướng, quay sang các vấn đề xã hội. Bằng các tiểu thuyết, Hemingway đã mạnh mẽ lên án các bất công về kinh tế và chính trị và trong cuộc Nội Chiến Tây Ban Nha, ông đã viết rằng việc mất tự do đang lan tràn tại khắp nơi.

# DƯỜNG NHƯ ĐÃ QUÊN

1

Dường như em  
đã bỏ quên tôi  
trong một hoàng hôn cuộc đời  
mà linh hồn này không cần cứu chuộc  
như ly rượu đầy  
không cần tay ai chuốc.

2

Dường như tôi  
đã bỏ quên em  
khi về một là  
vắng cả những khát thèm  
giữa trưa hè mà đêm đông băng giá.

3

Dường như em  
đã bỏ quên tôi  
Trên môi,  
những nụ cười vắng bóng  
và chẳng còn ai đứng trên bờ khát vọng

4

Dường như tôi  
đã bỏ quên em  
để quên đi những nỗi bức xúc  
những tháng ngày không hạnh phúc  
với bao hệ lụy trong lòng chưa bay.  
Dường như tôi  
đã bỏ quên tôi...

## VIỆT BẰNG

Ernest Hemingway đã dùng thể văn trong sáng, rõ ràng, với các câu văn phần lớn gồm danh từ và động từ, rất ít tính từ và trạng từ, lại dựa trên sự lặp lại và nhịp điệu để gây ra ấn tượng tác dụng. Hemingway đã mô tả một loạt các hành động bằng các câu văn ngắn, đơn giản, không dùng tới các lời phê bình theo tình cảm hay mang tính tu từ, ông đã tránh mô tả trực tiếp các cảm giác và tư tưởng của các nhân vật trong truyện và như vậy, tác giả đã chỉ cung cấp cho độc giả các sơ liệu của kinh nghiệm mà không đề cập tới quan điểm của người viết. Độc giả được cung cấp các tiếp xúc sát với thực tế. Hemingway đã quan niệm rằng nhà văn phải trình bày đề tài một cách chân thật do chính mình tham dự hay quan sát đề tài thật gần và cách làm như vậy mới chứng tỏ được hiểu biết chuyên môn của tác giả. Ông cũng dùng thể văn đối thoại đơn giản, tự nhiên và thể văn đặc sắc của Hemingway đã được nhiều nhà văn bắt chước trong thế kỷ 20.

Ernest Hemingway là một con người tương phản. Danh tiếng của ông gắn liền với chiến tranh và lòng cam đảm, với tình yêu và bạo lực, với vẻ đẹp và cõi chết. Hemingway đã trải qua nhiều năm trường tại các thành phố lớn của châu Âu cũng như trong các làng mạc bán nhiệt đới của xứ Cuba, từ các đấu trường với bò rừng của xứ Tây Ban Nha tới miền rừng cây vắng vẻ trên lãnh thổ Canada, và cuộc đời của ông mang nhiều màu sắc, nhiều kinh nghiệm của người lính, người thợ săn, kẻ đấu bò rừng, của con người đam mê tình

yêu, của con người thực tế đã tỉnh ngộ cũng như của một tiểu thuyết gia bị định mệnh đưa đẩy trên cõi sống và cõi chết. Chính vì vậy, các tác phẩm của ông là thể hiện một cuộc đời phiêu lưu nhiều kinh nghiệm và cả tài năng của một nhà văn xuất sắc.

Các sáng tác của Ernest Hemingway là phản ảnh cuộc đời của tác giả bởi vì theo như một câu nói cổ điển " *trong mỗi tác phẩm có một phần nào tiểu sử tác giả*" (every piece of writing is at least a little bit autobiographical) và người ta đã thấy ở ông hai con người, một là nhà mạo hiểm, phiêu lưu, thường đi gần cõi chết và con người thứ hai là nhà văn có biệt tài nhận xét, quan sát, nhạy cảm với nhiều lối sống xã hội, viết ra các kinh nghiệm thành những câu chuyện đồng thời phân tích tư tưởng của các nhân vật và những người trong chuyện này đã hành động theo bản năng hay do suy nghĩ chín chắn? Trước nhiều thử thách cam go, nhiều đau khổ, con người đã chịu đựng và đối phó ra sao?

Trong cuộc đời, Ernest Hemingway đã gặp nhiều thử thách: tranh chấp, từ chối, thất bại, mất mát, chiến thắng và vinh quang... và trong cuốn chuyện "*Ngư Ông và Biển Cả*" ông lão đánh cá Santiago cũng trải qua các kinh nghiệm như vậy. Mặc dù đã cao tuổi, ông Santiago còn dám thử thách, chịu kiên nhẫn và cố gắng phấn đấu, và phần thưởng cuối cùng của ông là niềm vui vì biết mình đã tranh đấu, vì có lòng cam đảm dám tiếp tục thử thách. Nội dung tác phẩm "*Ngư Ông và Biển Cả*" tương tự như truyện ngắn "*Trên*

*Mặt Biển Xanh*" (On the Blue Water) được Hemingway phổ biến trên Tạp Chí Esquire vào tháng 4-1936. Ernest Hemingway đã nghe một người bạn kể lại câu chuyện thực sự xảy ra, về một người thuyền chài câu được một con cá rất lớn và đã mất 3 ngày và 3 đêm để thắng được con cá đó. Vào tháng 1 năm 1939, Hemingway tìm cách khai triển câu chuyện, làm sao nói lên được tư tưởng của ông già đánh cá trong 3 ngày đêm chịu đựng này.

Tối mùa Giáng Sinh năm 1951, khi suy nghĩ về câu chuyện của ông già đánh cá, Ernest Hemingway đã trở về Cuba để cảm nhận hoàn cảnh thực tế và ông đã kiểm chứng các chi tiết bằng cách cho thuyền ra khơi.

Câu chuyện "*Ngư Ông và Biển Cả*" được viết xong vào giữa tháng 2 năm 1951 rồi được Tạp Chí Life phát hành vào mùa thu năm đó. Hơn 5 triệu ấn bản được bán hết trong hai ngày và nhà phê bình Malcolm Cowley đã viết trên tờ báo The New York Herald Tribune rằng cuốn tiểu thuyết này "*gần như không có khuyết điểm*".

"*Ngư Ông và Biển Cả*" là tập truyện mỏng nhưng chứa đầy các suy nghĩ tương khắc của một ông già đánh cá được coi là anh hùng cả về hành động lẫn tư tưởng, bị thất bại thật nhưng vẫn anh dũng, vẫn duy trì can đảm để thử thách vào các lần sau. Ngoài ra, câu chuyện còn mô tả một tình bạn cảm động, vừa thắm thiết, vừa tương kính giữa một thiếu niên trẻ và một ông già. Cốt truyện không chứa nhiều nhân vật mà chỉ gồm có: Santiago là ông già

đánh cá gốc người Cuba, Manolin là thiếu niên, bạn thân nhất của ông Santiago, con cá "Mác" (Marlin), loại cá nước sâu, dài gần 6 mét. Đây là con cá dài nhất, câu được trong vùng vịnh Cuba. Có vài nhân vật phụ như Martin là ông chủ đất, thường cho Manolin đồ ăn để đưa tặng ông già đánh cá, Rogelio là cậu bé giúp ông già Santiago vá lưới, Pedrico nhận chiếc đầu con cá Mác để làm mồi câu, và các con cá mập hung dữ trên biển.

So với phần lớn các tiểu thuyết khác, cuốn truyện "*Ngư Ông và Biển Cả*" đã khác thường ở nhiều điểm. Đầu tiên, thời gian diễn tiến rất ngắn, các hành động xảy ra chỉ trong vòng 3 ngày và 3 đêm, ngoài ngày hôm trước và một phần của ngày hôm sau. Việc mô tả 3 ngày trong cuộc đời của một nhân vật thường làm cho câu chuyện buồn tẻ, thế nhưng, nhiều người đã không đồng ý với quan điểm này và Đại Văn Hào Hemingway đã làm cách nào cho quãng thời gian quá ngắn đó hấp dẫn?

"*Ngày hôm trước*" là thời điểm ông già Santiago gặp xui. Ông không câu được con cá nào trong 84 ngày đã qua. Ông Santiago là một người góa vợ và không con. Chỉ có cậu bé Manolin là người bạn chân thật của ông già, một người học nghề, nhưng cha mẹ của cậu bé này đã chuyển cậu qua làm việc tại một nơi khác bởi vì ông già Santiago đang "*gặp xui*". Nhưng Manolin vẫn còn giúp đỡ ông Santiago chuẩn bị một chuyến đi đánh bắt lớn.

"*Ngày thứ nhất*", ông Santiago chèo thuyền ra khỏi hải cảng Havana, vượt qua giới hạn của vùng đánh cá thông thường vì

ông hy vọng xóa đi vận xui và đánh bắt một mẻ cá lớn. Ông ta coi khí tượng thấy thời tiết tốt, nên thả vài dây câu bên mạn thuyền. Chiếc cần câu thả dây sâu nhất có dấu hiệu nhấp nháy, cho biết có một con cá mắc mồi và ông già có thể đoán được đó là một con cá lớn. Sau một cú giật thật mạnh, ông già Santiago đã móc được lưỡi câu vào miệng cá nhưng con cá cũng bắt đầu kéo thuyền lướt đi. Ông Santiago đoán rằng đây không phải là một con cá bình thường.

"*Đêm đầu tiên*", con cá tiếp tục kéo chiếc thuyền ra khơi như thể một cậu bé con kéo món đồ chơi, dù cho con cá là tù nhân của ông già. Ông Santiago bắt đầu hối tiếc về mẻ cá này nhưng ông vẫn không nản lòng bởi vì "*ta quyết ở cùng mi cho tới chết*".

"*Ngày thứ hai*", ông Santiago tăng thêm sức căng của dây câu, tới độ gần gãy cần, để làm cho con cá phải nhẩy lên. Cây cần câu đã làm mỗi sống lưng của ông già. Ông vẫn phải chịu mệt nhọc hàng giờ. Có lúc con cá vung vẩy quá mạnh, khiến cho cây cần câu gây thương tích nơi tay phải của ông già. Rồi do cầm giữ cây cần câu quá lâu, cánh tay trái của ông Santiago cũng bị tê cứng "*như bị móng vuốt của con chim đại bàng kẹp chặt*". Lần đầu tiên, con cá nổi lên, cho thấy nó còn dài hơn con thuyền câu. Ông già Santiago bắt đầu câu nguyện được thành công. Cá và người đã ở quá xa bờ. Trong cảnh trời nước mênh mông, ông già đánh cá nhớ tới câu thủ quán quân DiMaggio, ông hồi

tưởng lúc còn trẻ, đã từng vô địch về môn vật tay, thắng các đối thủ mạnh sức.

"Đêm thứ hai", ông già Santiago ăn con cá câu được do một cần câu khác và lần đầu tiên, ông lăn ra ngủ. Bỗng một cú giật thật mạnh, con cá nhảy lên khỏi mặt nước. Đây là điều tốt, chứng tỏ con cá sắp chết, không còn chìm sâu dưới nước mà kéo thuyền đi.

"Ngày thứ ba", con cá bắt đầu bơi vòng quanh thuyền. Ông già phải tính cách làm sao mang được con cá lên thuyền. Ông thu ngắn dây câu lại và nhìn rõ được con cá: nó lớn ngoài sức tưởng tượng. Sau nhiều lần tìm cách sát gần con cá, ông già Santiago đã đâm con cá bằng một cây lao. Rồi bởi vì con cá dài hơn con thuyền, nên phải buộc con cá vào mạn thuyền hơn là kéo nó theo. Ông già Santiago kéo buồm lên, cho thuyền hướng phía tây nam, trở lại Havana. Trên đường đi, một con cá mập đã cắn vào con cá Mác, gỡ đi hơn 20 kí thịt. Do dùng lao đâm cá mập, ông già đã đánh mất cây lao đó. Máu của con cá Mác đã loãng vào trong nước biển, dẫn tới cả đàn cá mập khác, chúng xúm đến đĩa mồi.

"Đêm thứ ba", ông Santiago đã nhìn thấy ánh đèn xa xa của thành phố Havana và ông không thể nào xua đuổi được đàn cá mập hung dữ, vây theo xé thịt con mồi cho tới khi con cá Mác chỉ còn là một bộ xương. Tới nửa đêm, ông già Santiago cập được vào bờ, mang buồm vô chòi lá và ngủ lẫn vì quá mệt.

"Ngày hôm sau", cậu bé Manolin thấy ông già còn mê man ngủ. Rồi cả làng

đánh cá xao động vì bộ xương cá quá lớn còn buộc vào mạn thuyền của ông Santiago. Cậu Manolin thề rằng từ nay, sẽ đi câu với ông già.

Bộ xương cá rất to lớn buộc vào mạn thuyền đã làm cho các du khách phải sửng sốt. Họ không hiểu rõ bản chất và ý nghĩa của các kinh nghiệm mà ông già Santiago đã trải qua. Ông già Santiago là một hình ảnh của sự chiến thắng vẻ vang hay sự thất bại bi thương, hay là sự phối hợp của cả hai?

Santiago là một ngư ông và "mọi thứ của con người ông ta đều già, ngoại trừ hai con mắt", và hai con mắt này có cùng màu với biển cả, chứa đựng bên trong niềm vui vẻ và ý tưởng không đầu hàng. Santiago là một người cao tuổi nhưng không cần cỗi, "gặp xui" nhưng không bị đánh bại, từ tốn mà không nhu nhược, hãnh diện mà không khoác lác, chịu đựng mà không thụ động và có lẽ quan trọng nhất là niềm hy vọng mà không ghen tị với các người khác. Ngư ông Santiago có thể tượng trưng cho cảnh cô đơn của tuổi già, hay một loại nghệ sĩ muốn thử làm những gì không thể làm nổi bằng cách đi thật xa và phấn đấu. Cuối cùng, cậu thiếu niên Manolin đã xác nhận rằng con cá đã không thắng được ông già Santiago và niềm tin của dân chúng trong vùng đối với ông già đánh cá đã được phục hồi./.

**PHẠM VĂN TUẤN**

(Virginia)

## LE VASE BRISÉ BÌNH HOA VỠ

Le vase où meurt cette verveine  
D'un coup d'éventail fut fêlé;  
Le coup dut l'effleurer à peine,  
Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la légère meurtrissure,  
Mordant le cristal chaque jour,  
D'une marche invisible et sûre  
En a fait lentement le tour.

Son eau fraîche a fui goutte à goutte,  
Le suc des fleurs s'est épuisé;  
Personne encore ne s'en doute:  
N'y touchez pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime,  
Effleurant le coeur, le meurtrit;  
Puis le coeur se fend de lui-même,  
La fleur de son amour périt.

Toujours intact aux yeux du monde,  
Il sent croître et pleurer tout bas  
Sa blessure fine et profonde:  
Il est brisé, n'y touchez pas.

**ARMAND SULLY BRUDHOMME**  
(1839-1907)

Đóa hoa tím úa trong bình,  
Quạt hương thơm ngát vô tình lướt qua,  
Dù không rung động bình hoa,  
Mà sao rạn nứt, xót xa tủi hờn.

Nhẹ nhàng như cánh bướm vờn,  
Ngày ngày xuyên thấu lịm hồn pha lê,  
Một đường rạch cắt tái tê,  
Vết thương gặm nhấm não nề đậm sâu.

Âm thầm cạn rỉ giọt sầu,  
Mật hoa khô héo vương màu phôi phai,  
Hững hờ tri kỷ nào ai,  
Bình hoa rạn vỡ, chớ hoài chạm thêm.

Bàn tay mặng nỡn nà êm,  
Ơ thờ mơn chớn, rữ mềm nỡi yêu,  
Tâm tư day dứt cô liêu,  
Hoa lòng ngập phủ tiêu điều mộ tim.

Vẹn nguyên qua mắt thường tình,  
Lòng buồn tê tái, lệ mình tuôn rơi,  
Niềm đau vực thẳm rã rời,  
Mảnh tim tan nát, xin người buông tha.

**NGUYỄN T. NGỌC-DUNG**  
(Phỏng theo "Le Vase Brisé")

# TẮC LÒNG

## NGƯỜI DỪNG TƯỚNG

### LÊ LUYẾN

#### Phần I

Một quan chức thanh liêm, văn võ song toàn họ Trần quê ở Ân Tín huyện Hoài Ân vì chán ngán giấc mộng công hầu khanh tướng trong thời buổi đảo điên, dân tình điêu linh thống khổ vì đây rẫy bọn tham quan ô lại nên xin từ quan lui về quê ẩn, mở trường dạy học, vui thú sơn dã điền viên nhưng cũng chưa yên. Hết nạn cướp ngày đến nạn cướp đêm. Người dân cùng đường rủ nhau vào rừng làm ăn cướp. Nạn cướp chưa dứt còn thêm nạn cọp. Ở Trùng Mây có đôi cọp tàu cau trắng to lớn, hung dữ và tinh khôn. Người ta đồn rằng chúng đã thành tinh vì ăn thịt quá nhiều người. Trước cảnh đời vô cùng đau khổ, ông Trần không thể tiếp tục yên phận, nhắm mắt làm ngơ nên đứng ra huấn luyện cho tráng niên nghề võ và tổ chức dân làng thành đội ngũ để chống cướp, chống cọp ... Thế rồi trong một lần đụng độ dữ dội với đôi cọp dữ, ông Trần tuy bị thương nhưng đã kịp thời phóng mìn trúng vào hố mắt, giết chết con cọp đực. Cọp cái đang lúc mang thai đành bỏ bạn tình, mang mảnh áo vô được của kẻ thù phóng chạy vào rừng mất dạng ... Quan chức họ Trần kia chính là thân phụ của dũng tướng lừng danh Tây Sơn : Trần Quang Diệu.

#### Phần II

Người dân thời đó tin rằng, cọp là loài vật có "thông thiên nhĩ" có thể nghe xa được ngàn dặm. Ai nói hành nói tỏi gì đến chúng, chúng

đều biết. Cọp cũng là loài thú thù dai, nhất là những mối thù không đội trời chung như ông Trần thì nó luôn luôn khắc sâu trong lòng. Thù chông chênh nhưng phải đợi đến ngày chú cọp con vừa biết nhai thịt rừng, đi đứng cứng cáp thì cọp cái mới tính chuyện tầm thù. Người dân cũng đồn rằng, mặc dầu cọp nghe xa và thù dai nhưng trời phú cho cái tật lại rất dễ quên. Hễ vướng tai vào một nhánh cây, một chùm lá là cọp quên bẵng hết mọi điều. Nhưng cọp cái thì khác. Nó nhớ lâu, nó oán hận dai dẳng bởi vì nó đã là Thần Hồ. Ngày ngày trước khi cho con ăn, cọp cái mang mảnh áo dính máu đến cho con ngửi để đừng bao giờ quên hơi hướm kẻ thù xưa. Đêm đêm cọp cái thường thao thức, đi đi lại lại dưới bóng trăng khuya lạnh vắng một cách ray rứt, đau khổ. Mãi đến ngày cọp con vừa mới biết vờn mồi, tinh cò một hôm trong rừng sâu, cọp cái gặp lại loài người. Đã lâu lắm rồi từ ngày chồng chết, nó chưa gặp lại con người. Một lão trượng sống cô độc trong thạch động, làm bạn với dã thú sư tử, hùm beo, rắn rít ... Nó lập tức cảnh giác. Nhưng rồi lâu dần thấy ông lão rất hiền lành, yêu thương giúp đỡ muôn loài nên nó yên tâm và nghĩ rằng đã đến lúc mình có thể ra đi được rồi. Phần cọp con đã có ông lão nuôi nấng, dạy dỗ giúp nó. Một ngày, cọp mẹ dẫn cọp con rời hang ổ tìm về lại vùng rừng núi Kim Sơn, nơi năm xưa cọp đực lâm tử. Cọp cái đứng yên lặng như để hồi tưởng lại cảnh đoạn trường tử biệt với chúa sơn lâm, một lúc lâu nó lắng lắng quay đầu, dẫn con về núi ... Ngàn xanh thăm thẳm, mây quyện mờ mịt trên đỉnh non cao, gió thổi vù vù, thời gian trôi nhanh. Mãi đến một ngày ý chừng đã quyết. Cọp cái đợi con



say ngủ, nó bằng ngàn mang con thơ đến đặt nằm trước cửa thạch động của lão nhân lánh đời, mảnh áo dính máu có thêu chữ Trần của kẻ thù năm xưa đặt kế bên cạnh. Nó vỗ về bịn rịn, quyến luyến con hồi lâu rồi dứt khoát quay đầu phóng đi. Nó hối hả xuống núi ...

Thôn làng Ân Tín bấy lâu nay êm ả, đêm ấy bỗng kinh hoàng thức giấc bởi tiếng gầm thét inh ỏi vang trời dậy đất của chúa sơn lâm tầm thù. Cọp cái tấn công bất kỳ ai gặp trên đường tìm đến Trần gia trang. Đến nơi, nó phá gãy nhiều khoảng rào thưa rồi xông vào vườn nhà họ Trần, gầm rít từng hồi kinh khiếp đời mạng. Cả nhà hốt hoảng cuống cuồng trốn chạy. Riêng Trần lão ông biết rằng đã đến ngày phải thanh toán món nợ xưa sòng phẳng. Người lão bộc trung thành quyết ở lại cùng chủ tử chiến với cọp dữ. Họ đốt đuốc nghênh địch. Người và cọp xáp trận, đánh nhau đến long trời lở đất. Dân trong làng vài người gan dạ rủ nhau thấp đèn sáng rực, kéo đến hỗ trợ tinh thần chủ tử ông Trần. Họ đứng từ xa hò reo tổ mổ cốt làm suy yếu tinh thần cọp cái. Bụi bay mù mịt, cây cối ngã đổ ngổn ngang, trời đất tối tăm mặt mũi. Ông Trần vung đao nhanh tựa ánh sao chớp, trực diện bám sát vào hổ tấn công liên tục. Trong lúc lão bộc thông minh đeo dính phía sau, quyết chém cho bằng được cặp chân hổ. Cọp cái dưng mãnh và tinh khôn vô cùng. Nó không nao núng vì đông người, nhanh nhẹn vồn trái tạt phải, chụp trước vỗ sau, biến đổi phương vị liên tục. Có lúc dựng đứng thân người bằng hai chân sau tránh đòn rồi xuất kỳ bất ý nhảy ngược trở lại tấn công địch thủ, làm thầy trò ông Trần luống cuống, lâm vào thế hạ phong. Xa nhau mới một năm mà xem ra võ nghệ cọp cái đã đến mức linh diệu. Lão bộc can đảm vừa bị mấy vết quào máu chảy đầm đìa, bước đi chậm chạp xiêu đảo. Ông Trần vội quát bảo lui ra trị thương. Rồi trong một thế sinh tử, ông và cọp cái đồng loạt xông vào và cả hai cùng lúc bật ra, mang thương tích trí mạng. Ông Trần bị cọp móc lòi mắt vỗ ngực, ngã nhào xuống đất. Ngược lại cọp cái bị một đao lút cán,

ruột đổ lòng thông, nằm phục tại chỗ. Máu người và máu thú hòa lẫn tanh tưởi, loang ứot cả mặt đất. Rồi như biết mình không còn sống được bao lâu, ông Trần quyết định đánh đòn quyết tử cuối cùng. Đem tàn lực ông chống đao, khom người guồng đứng dậy, trong lúc lão bộc trung nghĩa đã trở vào trận, ngay bên cạnh chủ. Cọp cái sau một hồi nằm yên dưỡng sức bỗng choàng bật dậy, vươn vai lấy đà rồi nhảy dựng lên, đem tàn lực và tất cả trọng lượng cơ thể phủ chụp xuống. Cú vỗ mạnh như di sơn đảo hải giáng lên đầu chủ tử họ Trần. Ông Trần thần nhiên không né tránh. Những chiếc vuốt tử thần nhọn hoát của mãnh thú bầu chặt vào tấm lưng nhảy nhụa máu thịt, cùng lúc con người đem hết cả sức mạnh bình sanh chém ngược thanh đao vào bộ ngực đồ sộ của cọp và tay kia đâm ngập ngọn trủy thủ vào giữa tim chúa sơn lâm. Con cọp cái đã trả được thù chồng. Người ông Trần đổ xuống như một thân cây mục, nằm im không nhúc nhích. Lão bộc nghiêng răng xông vào, đâm liên tiếp vào ngực cọp. Nó hực lên như ngọn đèn trước khi tắt, giơ vuốt trước tạt ngang vào mặt ông già. Lão bộc văng đi, nằm im sòng sọt. Cùng lúc thân hình cọp cái đổ xuống, giãy đành đạch liên hồi rồi học lên mấy tiếng kinh hồn bạt vía, máu từ tim ồng ộc trào ra có vôi.

Múi rừng buổi sáng sớm còn mờ tối, khắp nơi lảng đãng sương giăng, cái lạnh tê buốt da. Bên trong thạch động, một lão nhân mặc đạo tràng màu vàng, tóc trắng như cước, dáng tiên nhân thoát phàm, đang ngồi thiền tọa bỗng thấy lòng xao động bồn chồn. Lão trượng linh tính có điềm lạ, bèn đi ra bên ngoài sơn động, bước đi nhẹ nhàng phiêu phưởng. Một chú cọp con lông trắng đang nằm say ngủ trước thềm đá, bên cạnh là mảnh vải loang lổ máu người đã biến thành màu huyết thẩm, nơi chéo góc hiện rõ lồ lộ một chữ Trần thêu nổi. Lão giật mình, lật đặt bông cọp nhỏ vào thạch động rồi nhanh chóng giec quẻ. Linh cảm không lừa dối ông rồi theo điều tiên tri của xăm bói, lão trượng lập tức hạ san. Quả thế. Khi cùng vài dân làng gan dạ vội vã

đến nơi thì người và thú đã tắt cơn giãy chết. Nằm cạnh xác cọp trắng trên mình loang lổ những vết dao đâm và máu, bụng mở banh lòng thông ruột gan, là thi hài rách bươm đẫm máu của ông Trần. Cạnh đó xác người lão bộc thủy chung, khuôn mặt méo mó vì bị vuốt thú quào nát biến dạng. Không gian như đặc quánh lại, ngột ngạt tức thở, chỉ còn nghe tiếng xào xạc của những bước chân đạp trên lá vàng khô.

Lão nhân lắc đầu buồn bã, lẩm bẩm:

- Ta đến trễ một bước rồi.

Giữa lúc thỉnh lặng ấy, bỗng có tiếng khóc ngất của trẻ thơ vang lên rõ mồn một. Mọi người ngạc nhiên. Lão nhân đưa mắt nhìn lên cây tìm kiếm. Một chiếc nôi nhỏ đan bằng tre, treo tít mãi trên chạc ba cao nghệu đang lay động. Bóng áo vàng bay vút lên. Lão nhân phi thân lên ngọn cây có buộc tao nôi, đưa thằng bé còn ẵm ngửa, con út của ông Trần xuống đất. Đứa bé đột nhiên nín khóc, nhìn ông nhoeo miệng cười. Nó khoảng một tuổi, cũng bằng tuổi cọp con. Lão nhân nhìn đứa bé, lòng bỗng thấy giao động lạ thường. Linh cảm mách bảo dường như có sự ràng buộc thiêng liêng, huyền bí. Bấm đốt ngón tay đoán quẻ, lão trầm ngâm giây lát rồi khẽ thở dài, xé mảnh đạo tràng cắn ngón tay trở đỏ máu viết lên một chữ "Diệp". Lão nhét mảnh vải vào ngực áo em bé, rồi quay đi.

Mọi người chưa kịp hiểu gì cả thì bóng vàng đã phát phối mãi tít ở đằng xa. Một thú khinh công cao diệu phi thường. Thoảng trong thỉnh không còn văng vẳng tiếng nói trầm ấm của lão nhân:

- Nếu trời thương thì sau này sẽ được gặp lại.

Không ai hiểu ý lão nhân nói gì, chỉ đoán phỏng là lão đã để lời lại cho em bé, con trai ông Trần.

Thôn làng làm lễ mai táng trọng thể chủ tó ông Trần như để đền ơn công lao diệt trừ thú dữ. Hai ông được chôn trong phần mộ gia tộc họ Trần. Con cọp cái cũng chôn một đoạn cách xa.

Từ đó trong khu mộ địa Trần gia có một nấm mộ không đề bia, không tu bổ. Trên nấm mộ trổ trĩ, cỏ cây hoa lá không mọc được. Người đời sau gọi đó là mả cọp.

Mười một năm sau.

Phường săn xua bấy chớ khôn lên núi. Vùng Kim Sơn lúc sau này lắm thú nhưng ít người dám đến săn vì tiếng đồn có ma. Bầy chó ta thuần giống sinh trưởng miền sơn cước, thân nhỏ, mũi hếch, tai to vểnh cao, rất thính hơi và gan lì được ban săn nhà họ Trần huấn luyện kỹ lưỡng, nổi tiếng khắp vùng. Hôm nay bỗng chúng dở chứng, không chịu lòng sục tìm mỗi như mọi khi, mà cứ chụm đuôi vào nhau sủa vang. Phường săn quát roi huýt gió, chúng cứ phớt lờ li ra, nhảy quẩn một hồi rồi lại chụm đuôi vào nhau, sủa tiếp. Biết có sự lạ, chủ nhân vội đến xem. Một ông lão râu ngắn quắc thước, thân hình vạm vỡ rắn chắc, bắp thịt cuộn cuộn như thường chảo, mắt sáng tựa sao, giọng nói ồm oang như lệnh võ. Ông cỡi trên một con ngựa sắc nâu thẫm, vai mang cung tên, tay cầm đại đao. Ông là hiện thân của người tráng sĩ thần dũng, oai phong lẫm lẫm miền núi ngàn sơn dã. Theo sau là một thiếu niên tuổi chừng mười hai nhưng cường tráng, lực lưỡng như thanh niên mười sáu. Cỡi trên một con ngựa thân hình nhỏ nhắn nhưng nhanh nhẹn. Thiếu niên mặt vuông vức hồng hào, khôi ngô tuấn tú, tay cầm cung tiễn, dáng uy nghi người lớn.

Ông lão là người quản gia lâu đời của Trần gia trang, được bố mẹ ông Trần nuôi từ thuở tóc còn để chỏm. Nhà họ Trần xem ông như con nuôi và cho ăn học văn võ cùng thầy, cùng thúở với ông Trần. Lão là một tay giang hồ cự phách, cả đời sống độc thân không vợ con, theo phò Trần gia để đền ơn dưỡng dục. Năm xưa, trong đêm tử chiến với cọp trắng, Trần quản gia bận theo hầu bà Trần và cũng để hộ tống một ít hàng thuốc bắc quý hiếm, đặt mua từ miền ngoài

chuyển vào. Giá như đêm ấy có mặt Trần quản gia thì chắc Trần lão không đến nỗi phải mạng vong. Còn thiếu niên là con trai út của ông Trần, đứa bé nằm trong nôi được cha giấu trên ngọn cây cao trong đêm lưu huyết. Đến nay đã được mười một năm. Vài năm sau bà Trần buồn rầu qua đời, cậu út một mình tay quản gia nuôi dạy khôn lớn. Trần quản gia đã dốc hết công phu cả đời truyền thụ cho cậu. Cạn nghề, ông tiếp tục tìm thầy giỏi văn giỏi võ khác về dạy cho trẻ. Đứa bé tâm chất thông tuệ, thể chất cương mãnh, nên chỉ vài năm lại phải đổi thầy. Nhất là nghề võ, đứa bé sáng dạ lại sớm phát triển thể lực nên các võ sư đều bái phục.

Bây chớ sản đang sủa vang, bỗng rúc đầu vào bụi, kêu ăng ẳng như gặp phải ma. Trần quản gia vừa đến nơi biết ngay là có biến. Ông quát gia đình bảy trận. Thoảng trong gió có mùi lạ. Thiếu niên hiểu kỳ thúc ngựa xông lên núi. Lão quản gia theo sau bèn gót, vũ khí hờm sẵn trong tay đề phòng bất trắc. Bỗng cả hai khựng lại. Trước mắt hiện ra một cảnh khó thể tưởng tượng. Một ông già tóc trắng như cước dài phủ vai, đang nằm đùa giỡn với một con cọp tau cau trắng to lớn. Hồ vừa trông thấy cậu bé liền đập đuôi phóng đến tấn công tức khắc. Thiếu niên cũng không vừa, nhanh nhẹn búng người bay ngược ra sau tránh đòn. Thân hình còn lơ lửng trên không, cậu liền giương cung nhả tên phản công. Mũi tên sắt xé gió bay vút đến cọp trắng. Một tiếng thét ngang trời : Hồ không được hồn. Tà áo vàng phát lên. Lão sơn nhân phi người bắt gọn cây tên vào tay. Cọp nghe tiếng thầy, ngoan ngoãn vẫy đuôi thoái lui về phía sau lưng lão nhân. Trần quản gia rúng động. Cả đời ngang dọc, ông chưa hề thấy ai tài giỏi và quái dị như lão sơn nhân áo vàng này, nuôi dạy cọp dữ và tay không bắt được tên bắn. Lão nhân hình dung cổ quái, thân thể rắn chắc như thân cây lim già, mặt xanh lè, bước đi phiêu phưởng nhẹ tựa bay, đôi mắt hiền lành nhưng phát ra tia sáng lạnh lùng, lấp lánh như sao. Ông giống như hình ảnh của thần nhân trong sử thi hiệp khách giang hồ.

Không để ý đến Trần quản gia, lão nhân bước đến gần thiếu niên, nhẹ giọng hỏi :

- Người là ai ? Không biết nơi này là ổ cọp hay sao mà đến đây nạp mạng ?

Thiếu niên thật thà nói rõ thân thế. Nghe kể xong, lão liền hỏi :

- Có phải Trần gia trang là nơi mười một năm trước đã xảy ra kỳ án giữa người và cọp ?

Thiếu niên gật đầu. Người già hỏi tiếp :

- Người bảo là con út của Trần lão gia. Vậy có gì để chứng minh không ?

Nghe hỏi, cả Trần quản gia lẫn thiếu niên ngớ người không biết trả lời làm sao. Cả vùng Ân Tín Hoài Ân này, ai mà không biết cậu là con trai út của Trần lão, một thiếu niên kỳ tài đương thời. Có lẽ lão sơn nhân đoán hiểu được điều băn khoăn đó, nên nói tiếp :

- Trong đêm huyết chiến, ta đến trễ một bước nên không kịp cứu ông Trần, nhưng có gặp một đứa bé sơ sinh và có để lại một tín vật làm bằng. Nếu người là đứa bé ta đã gặp năm xưa đó, ắt phải có gì để chứng minh.

Thiếu niên sực hiểu ra, moi trong ngực áo lấy miếng vải vàng có viết chữ "Diệp" bằng máu đã thâm tím dâng lên. Lão sơn nhân cầm lấy nhưng không hề nhìn qua. Lão ngoảnh mặt bằng khuâng đôi đôi mắt xa xăm về vùng thôn làng Ân Tín, lòng thăm nửa vui, nửa lo âu. Về mặt lặng lẽ u hoài ...

Lão thở dài, lẩm bẫm một mình :

- Âu cũng là duyên số. Ta đã biết trước ...

Rồi quay qua Trần quản gia, lão nói :

- Ngày xưa gico quẻ đoán số, ta biết ta vốn có duyên sư đồ với cậu bé con út của Trần lão đây. Nay đã đến kỳ tương phùng. Vậy người hãy về thu xếp, hai hôm nữa cho cậu bé lên núi theo ta thọ học tuyệt nghệ công phu bí truyền.

Nói đến đây lão sơn nhân phất tay áo rộng, quay người phi vút đi như gió thoảng. Bạch hổ phóng theo thầy bèn gót. Chớp mắt, cả hai cái bóng chỉ còn là vệt mờ nơi cuối chân trời. Trần quản gia quay qua thiếu niên đang sững sờ đôi mắt nhìn theo :

- Bình sanh cả đời bốn ba, ta chưa thấy ai tài nghệ siêu phàm đến mức linh diệu như vậy. Âm thanh tiếng nói chưa dứt mà người đã mất dạng. Tay không bắt được tên bắn. Quả là trăm năm có một. Được làm môn đồ của người âu cũng là phúc phần cao dày, đầu phải ai ước cũng đạt.

Lão sơn nhân họ Diệp, tên là Đình Tông. Tổ tiên vốn người Trung Hoa, không chịu đầu phục chế độ Mãn Thanh nên trốn chạy sang Việt Nam sinh sống. Đến lập nghiệp tại thôn Vinh Thạnh huyện Tuy Viễn được ba đời thì sinh ra lão nhân.

Họ Diệp tập luyện võ thuật lúc mới lên tám, nhưng thân vóc mảnh mai, tính tình hiền hậu, có phong cách của một nho sinh hơn là người võ đạo. Lúc còn trẻ nghe tiếng thầy Trương Văn Hiến, ông tìm đến An Thái đưa danh thiếp xin được diện kiến. Trương võ sư niềm nở đón khách, ân cần mời vào. Chủ khách chia ngồi, ngồi đối diện nhau trên hai chẩm đôn cách vài sải tay. Một tiểu đồng bưng khay trà thơm ra mời. Trương võ sư nhẹ nhàng vận công phu đẩy khay trà qua mời khách. Diệp đình Tông đỡ lấy khay trà nhận một chén, rồi vận công đẩy trả khay trà lại cho chủ nhà. Chủ nhân cũng nhận một chén. Cứ thế, khay trà theo nội lực của hai người điều khiển, bay qua bay lại nhẹ nhàng, dễ dàng trong một khoảng cách xa mà nước không sóng sánh rơi ra ngoài một giọt. Ghê sợ thay cho võ công thâm hậu của hai ông. Một người như cội tùng bách uy vũ, hiên ngang. Một người như khóm thanh trúc phong nhã, dẻo dai. Họ Diệp uống cạn chung trà, đứng lên chấp tay bái biệt. Tuy hai người không nói với nhau một lời nhưng trong lòng thì đầy kính phục, ngưỡng mộ.

Trên đường trở về nhà, Diệp đình Tông chứng kiến tận mắt viên tri huyện cho lính bắt một người con gái về làm hầu thiếp. Dân làng và cha mẹ cô gái phản đối thì bị đánh đập tàn nhẫn đến thừa sống thiếu chết. Diệp nghiêng rặng nén giận quay đi. Nhưng đến lúc tên tri huyện ác độc dùng gậy gỗ đánh phủ xuống đầu bà nội già nua của cô gái, làm mình mẩy cụ bê bết đầy máu thì

Diệp không còn kìm giận được nữa. Ông vung tay gạt ngã tên quan rồi đỡ bà lão ngồi dậy. Cả đám quân binh a dua vây đánh họ Diệp. Sẵn gậy trong tay, ông đâm thẳng vào trán khiến tên tri huyện bẽ óc chết ngay tức khắc. Đám lính bị đánh thương tích nằm la liệt trên mặt đất, số còn lại kéo nhau bỏ chạy. Dân chúng thất kinh công bà lão rời bỏ huyện đường. Đã lỡ chuyện, Diệp đình Tông bèn đi thẳng đến nhà giam, phá ngục giải cứu những người bị vu khống, bắt oan. Trước khi ra đi, Diệp gài lại danh thiếp trên giá bút ở công đường để tránh rắc rối cho kẻ khác. Viên tri phủ Qui Nhơn được cấp báo liền cử binh đi bắt phạm nhân. Ông Diệp thâm nghĩ : "Giết người thì phải đền mạng, trốn tránh là khiếp hèn. Nhưng giết một tên tham quan dâm ác, giải nạn cho dân thì không thể gọi là sát nhân được. Nếu để bọn cầm quyền bắt được, làm nhục tấm thân thì đó là bất trí." Nghĩ vậy, nên sau khi cân nhắc ông dặn dò gia đình những điều cần thiết phải nói khi quan quân hỏi đến, rồi cấp đao đi thẳng vào núi. Lang thang khắp sông suối, núi ngàn Tây Sơn, khi đến dãy Kim Sơn huyện Hoài Ân tình cờ ông gặp một khu rừng đại thụ, có sơn động, thạch bàn, bên cạnh có dòng thanh tuyến róc rách, êm ả bao quanh khu đất bằng phẳng tươi xanh nhiều cây trái. Chán ngán mùi thế tục, ông dừng bước ở đây tập tu tập đạo làm người. Cứ nghĩ, học võ cốt để cứu nhân độ thế, nhưng chúng sanh thì vô biên, mà sức người thì hữu hạn. Sống trong thời buổi loạn ly nhiều nường, muốn độ sanh thì phải khai sát giới, trái với chủ trương Phật học. Lại nữa, giết người không phải là cứu cánh của võ học, tuy là để tự vệ, song cũng gây nhiều bức xúc, phiền não. Chi bằng ở lại non cao, xa nơi trần thế, giữ lòng thanh tịnh mới mong tự giác ngộ cho chính bản thân và tiêu trừ được mọi điều phiền não. Có vậy mới giữ trọn được lời nguyện đoạn tục.

Người đời đồn rằng, về sau ông Diệp gặp được kỳ duyên. Tiên giáng trần chỉ dạy ông cách tu đạo và võ công quán thế. Ông có thể nhịn ăn nhiều ngày, nhiều tháng mà sức khỏe vẫn sung

mãn, trí tuệ vẫn minh mẫn. Từ đó, Diệp đình Tông hầu như quên bằng tên tuổi bản thân, sống an nhiên với núi non, hùm beo thú dữ. Đói ăn trái cây, khát uống nước suối, không màng đến cõi đời nhiều nhưng ô trọc.

Trần thiếu niên được thọ giáo cùng lão sơn nhân quả là điều hạnh ngộ, mà lòng lão cũng vô cùng hoan hỷ, không còn phải lo lắng võ công bị mai một, thất truyền. Thầy hết lòng truyền dạy, trò cố sức học tập. Mưa nắng hai mùa, thầy trò vẫn chưa hề xao lãng một ngày rèn luyện. Những lúc nghỉ ngơi thì lại lo nông vụ, trồng trọt để sống hoặc lắng nghe thầy dạy dỗ học đạo làm người. Hồ vẫn siêng năng hái cây rừng về dâng lên thầy, đêm đêm canh giấc cho thầy ngủ yên. Bạch hổ đối với thầy hết lòng hiếu nghĩa, tuy nhiên vẫn có một điều mãi làm thiếu niên băng khuâng trong lòng. Bao năm trời chung sống bên nhau nhưng không hiểu sao linh thú chỉ tỏ tình yêu mến với sư phụ, còn đối với chàng thì nó lạnh nhạt dửng dưng, thường hay tránh mặt, có lúc còn tỏ ra căm ghét, hận thù.

Thấm thoát đã bảy năm trôi qua.

Một hôm lão sơn nhân bảo Trần vào sơn động lấy ra một thanh bảo đao, từ lâu vẫn chưa dùng đến. Đao rút ra khỏi vỏ, sắc vàng rờn rợn, hơi lạnh vương vất. Phía chuôi đao có khắc hình một con cù bằng vàng ngậm lưỡi đao. Lão sư bảo:

- Đây là thanh Huỳnh Long bảo đao có từ đời nhà Trần. Đã từ lâu ta không dùng đến, nay đem tặng con để phòng thân. Mong rằng ngày sau nó sẽ giúp con an dân định quốc, lập nên đại nghiệp.

Lão sư trầm ngâm, rồi tiếp lời :

- Từ lâu ta vẫn nấn ná sống là bởi chí bình sanh chưa thỏa, võ công bí truyền chưa có người kế thừa. Nước nhà đương cơn loạn lạc, dân tình đang sống trong cảnh dầu sôi lửa bỏng, ta vì sớm ngộ đạo nên không giúp ích gì được cho đời, nghĩ cũng uổng phí tài năng. Trong vùng địa linh, non sông thủy tú này đã nảy sinh nhiều bậc anh hùng hào kiệt, họ đang chung sức chung

lòng, dấy binh dẹp loạn cứu dân, cứu nước. Nay thầy đã trăm tuổi mà con cũng đã linh hội được toàn bộ tuyệt học của ta, do vậy không còn lý do gì để thầy chần chừ làm vướng bận bước tiến thân của con.

Giọng lão sơn nhân trở nên buồn rầu :

- Thầy đã quyết định ra đi, không nên nấn ná níu kéo thêm làm gì cõi đời phiền muộn này nữa.

Lão thở dài, giọng nói trầm buồn :

- Duy còn một điều lòng thầy vẫn chưa thanh thản, đó là chuyện bạch hổ. Thầy đã kể và con đã hiểu nguyên nhân vì sao bạch hổ đối với con lạnh lùng. Nó sẽ không bao giờ quên mối thù truyền kiếp - bản năng của linh thú trời buộc và tác động nó, bắt nó phải nhớ như một quán tính. Sau mấy lần lợi dụng lúc ta vắng nhà để hãm hại con, ta đã suy nghĩ tìm cách trừ hậu họa cho con nhưng lòng không nở, nên chỉ đuổi nó ra khỏi sơn động. Vả lại ...

Lão nhân bỏ lửng câu nói, nhẹ thở dài :

- Ấu đó cũng là kiếp số thử thách của con. Đời cha buộc thì đời con phải mở. Trong huyết án này, duy nhất chỉ có mỗi một mình con mới có thể giải trừ được oán thù sâu đậm mà thôi. Hãy ghi nhớ lời thầy : lấy đức báo oán, oán sẽ tiêu trừ. Cố gắng bảo trọng lấy thân để dành lo cho đại cuộc.

Lão sư kết thúc lời trời trần :

- Sau khi chôn cất thầy xong, con không nên quyến luyến nơi này làm gì mà phải mau kíp hạ sơn, đem sở học làm sở hành, sớm giúp nước cứu dân, giúp đời bớt cảnh lầm than, đau khổ.

Nói dứt lời, lão sư thân nhiên nằm xuống, dùng tay đánh nhẹ vào đỉnh đầu mà quy thiên.

Thiếu niên gục đầu bên xác thầy, lòng đau đớn không tả xiết. Buồn bã, cô đơn tràn ngập cõi lòng.

Bị rịn, quyến luyến không nở rời chân nhưng nhớ lời thầy dạy, chàng miễn cưỡng đợi ba ngày sau, khi cứng mở cửa mỏ cho thầy hoàn tất, dùng thần công chuyển đá núi lấp của sơn động, rồi quỳ lạy mộ thầy, quỳ quả xuống núi.

Bảy năm thoáng qua mau như một giấc mơ. Mới ngày nào còn niên thiếu đặng sơn học nghệ, thể mà nay đã trở thành một thanh niên hai mươi, cuồng tráng tuấn tú.

Về đến nhà, gia đình vẫn yên vui. Trần quản gia sờ nắn gân cốt, cơ bắp chàng trai, lòng vui mừng vô hạn, nụ cười hiếm hoi của người già luôn nở trên môi. Ông hối gia nhân bày tiệc rượu, mời bá tánh cùng đến chung vui. Hôm sau, ông gọi chàng trai để trách nghiệm công phu bao năm luyện tập, trước khi cho nhập đời hành hiệp. Mọi người trong gia trang bàng hoàng, Trần quản gia thì trở mắt sừng sốt rồi nhảy cẫng lên vì sung sướng. Võ công của chàng trai quả nghiêng trời lệch đất, thể gian hy hữu. Mấy hôm sau, lão mới tiết lộ cho thanh niên biết về hiện tình đất nước và phong trào Tây Sơn rồi bảo cháu nên sớm lên đường đi tìm minh chúa.

Hôm sau, thanh niên một thân một đao, băng núi qua vùng Kiên Mỹ. Nghe tin Nguyễn Nhạc mở sòng bạc lớn ở gần chợ, chàng nghĩ bụng:

- Chốn yên hoa và nơi đổ bạc vốn là chỗ anh hùng hào kiệt chưa gặp thời cũng như khi lỡ vận, thường hay lui tới giải khuây. Ta thử đến đó xem qua một lần cho biết.

Nghĩ rồi, thanh niên họ Trần ghé vào một khách điểm thuê phòng, cắt đao, thay y phục sạch sẽ rồi vào sòng bạc. Đang loanh quanh nhìn ngó những điều lạ lùng chưa hề bao giờ thấy thì bỗng nghe có tiếng đánh nhau huỳnh huỵch, tiếng kêu la ới ới, mọi người thấy đều dồn về một góc. Trước mặt chàng, khoảng chục tên côn đồ người Hoa tướng mạo to lớn dữ dằn, mặt đỏ gay nồng sặc mùi rượu, bụng phệ, mặc áo phanh ngực, dao dắt ngang lưng. Chúng là ai mà dám ngang nhiên cướp tiền, phá sòng bạc giữa ban ngày ban mặt ngay trên đất của Tây Sơn vương như vậy? Hỏi ra mới biết, chúng là thủ hạ của bọn Tập Đình, Lý Tài, dân thảo khấu gốc Tàu, từ Quảng Nam mới quy phục theo về với Nguyễn Nhạc. Máu nóng bốc lên đầu, khi thanh niên họ Trần nghe chúng thách thức dân Nam có

người nào tài giỏi ra thi tài với chúng. Rồi như để thị uy, một tên trong bọn bước ra, dùng chân đá nát chiếc cảm đôn, tay không đâm vỡ mặt bàn bằng đá. Mọi người thấy đều xanh mặt, không ai dám nhúc nhích. Chờ một lát không thấy ai ra đối địch, Trần nghĩ bụng: phải cho chúng một bài học để chừa thói khinh thị dân Nam. Đây cũng là dịp thực hành những điều bao năm trời dày công luyện tập. Trần lẳng lặng bước ra nhìn quanh rồi không nói nửa lời, chàng đi đến bên con sư tử bằng đá xanh to lớn như con nghé để trước cửa, bên trên có đặt một hồ nước nuôi cá cảnh. Chàng nhẹ nhàng nhắc hồ cá đặt sang một bên, rồi xấn tay áo chuyển thần lực giữ bóng con sư tử tung thẳng lên cao. Con sư tử bằng đá nặng mấy trăm cân rơi xuống lún sâu vào mặt đất, phát ra một tiếng "uỳnh" dữ dội, bụi bay mù mịt. Chưa hết, thanh niên họ Trần cúi xuống nhắc bóng hồ cá đầy nước, triển khai khinh công chạy vun vút ra đến giữa sân rồi bất ngờ tung mình phi thân, dùng thế "Bình sa lạc nhật" tà rơi xuống ngay trên mình con sư tử, nước trong hồ vẫn không chao tràn ra ngoài một giọt. Còn nữa, chàng vận công đứng yên trên mình sư tử, nhưng lạ thay con sư tử đá cứ từ từ lún sâu vào mặt đất, đến lúc chân chạm ngang mặt đất, chàng thanh niên mới từ tốn đặt hồ cá xuống bên cạnh. Mặt không hề đổi sắc, hơi thở vẫn đều hòa. Trần thanh niên quay nhìn đám thảo khấu đang trợn to mắt, không tin vào điều trông thấy, nghiêm trang lên tiếng:

- Kẻ nào giỏi thì bước đến nhắc con sư tử lên khỏi mặt đất, ta khen.

Rồi chàng đứng khoanh tay im lặng chờ đợi. Đám thảo khấu nhìn nhau bối rối. Mọi người chung quanh vỗ tay tán thưởng. Lẫn trong đám đông đúc, Nguyễn Nhạc và mấy viên võ tướng cũng lấy làm ngạc nhiên, kính phục tài khinh công và nội lực thâm hậu của người tuổi trẻ. Họ không ngờ thần tướng xuất hiện cạnh bên mình.

Chờ một lát không thấy phản ứng, chàng thanh niên họ Trần quắc mắt nhìn bọn người Hoa, dần từng tiếng một:

- Các người lên tiếng thốt lời cuồng ngạo, khinh dân tộc Nam không người tài giỏi, nay ta bắt phải nói lời xin lỗi với mọi người. Nhược bằng không khứng thì tất cả các người phải nằm hết lại tại chỗ.

Tiếng nói danh thếp, đồng dục và có uy lực chấn động tâm can. Nguyễn Nhạc nói nhỏ với đám tùy tướng : Người này không những tài ba mà còn có tinh thần dân tộc, đầy nghĩa khí hùng tâm. Đúng là con người mà bấy lâu nay chúng ta hằng đang mong đợi.

Bọn thảo khấu biết là không thể thi thố gì được nữa. Chúng âm thầm đưa mắt ra hiệu rồi bất kể đạo lý giang hồ, chúng đồng loạt xông lên, định lấy thịt đè người. Những viên tướng của Nhạc bất mãn, định can thiệp nhưng họ chưa kịp ra tay, thì người thanh niên đã sử dụng một loại binh công kỳ ảo lạ thường. Thân hình như chiếc bóng, thoăn thoắt bốn bên tú bề tựa con thoi, chàng đi đến đâu là bọn thảo khấu ngã rạp, lăn kên ra đất đến đấy. Chúng đau đớn kêu la, hoảng sợ quỳ mọp xuống đất xin tha mạng. Tiếng vỗ tay hoan hô của dân chúng lại nổi lên dậy trời.

Sau khi trừng trị bọn Tàu hung hãn, thanh niên họ Trần lẳng lặng rút lui trở về quán trọ. Chàng không muốn để lộ tông tích sớm. Nhưng chỉ một lát sau thì có người đến xin được diện kiến. Người đó là Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc. Vốn chuộng anh tài, Vương không câu nệ cổ chấp, mà học theo gương người xưa - Lưu Huyền Đức tam đảo thảo lư - ba lần thân chinh đến lều cỏ cầu kiến quân sư Gia Cát Khổng Minh. Thấy vậy, Trần thanh niên cảm động. "Nhất kiến như cữu". Đôi bên chuyện trò tâm đắc như đã từng quen nhau từ lâu. Vương bày tỏ điều tâm huyết, Trần thổ lộ chí hướng rồi xưng tên là Quang Diệu.

Họ Trần ngoài võ công cao thâm, kiến thức cũng uyên bác, nhìn xa hiểu rộng. Năm Giáp Ngọ (1774), Nguyễn Nhạc sai Lý Tài vào trấn thủ Bình Thuận, Diệu can:

- Lý Tài là người Tàu, vốn xuất thân là một tên giặc bể, bụng dạ điều ngoa khó lường, không nên tin tưởng cho cầm binh đi xa, để sinh hậu họa.

Nhạc không nghe. Quả thật, về sau Lý Tài đem bè đảng bỏ Bình Thuận vào Nam đầu hàng chúa Nguyễn, chống lại Tây Sơn. Bị Nguyễn Huệ và Trần quang Diệu đem binh đánh đuổi tan tành. Trong tư phòng ẩm áp, Bùi thị Xuân ngồi chải tóc cho chồng. Trần quang Diệu nằm dài trên đồng chân gối còn nòng nân hương thơm da thịt. Bao nhiêu ngày tháng rồi, ông mới có được giờ phút thư nhàn như hôm nay. Bà Xuân cúi xuống bỏ vào tay chồng những sợi tóc bạc vừa nhổ được. Cứ bao nhiêu sợi tóc trắng là bấy nhiêu nhọc nhằn thao thức của vị đại tướng xông pha khắp cùng mặt trận, chẳng mấy khi rảnh rang nghĩ đến hạnh phúc riêng mình. Nhưng chỉ đến lúc Hoàng đế Quang Trung băng hà, thì mái tóc sương gió của chồng bà mới thật sự bạc trắng giống như mây trên đỉnh Hoành Sơn vậy. Bà tự hỏi : còn có bao nhiêu số phận cuộc đời, bao nhiêu điều trọng đại quốc dân ông phải lo nghĩ đến? Nhớ lại lần chồng bà được triệu gấp về kinh, chuyện trò cuối cùng với Hoàng đế. Cầm tay Trần quang Diệu, Nguyễn Huệ nói rằng ông đã mở mang bờ cõi sơn hà gồm cả trời Nam đất Bắc, nay thân mang trọng bệnh, sinh tử cận kề, nay mai ra đi ông không chỉ muốn gởi lại mỗi mình Quang Toản cho Diệu dạy dỗ, mà còn muốn gởi cả giang sơn xã tắc này cho Diệu lo toan. Bùi thị Xuân giật mình. Cả đời, bà chưa hề biết run sợ trước kẻ thù, tay guơm của bà từng chém bay đầu tướng giặc Xiêm La Lục Cồn trong trận Rạch Gầm, thế mà nay bà lại băn khoăn lo lắng. Đành rằng tổ quốc không là của riêng ai nhưng không phải ai cũng gánh vác nổi. Người đó ngoài chân mệnh đế vương, còn phải biết an bang tế thế, lớn tài lớn đức. Tài hèn đức mỏng như vợ chồng bà chỉ có thể theo phò đấng quân vương thôi. Thế mà nay ... Nhưng linh cảm tinh tế của người phụ nữ mách bảo cho bà biết rằng đó là lời nói chân thành của tình bạn, chứ không phải là lời đai bôi hay thất buộc lòng

người, cốt để bạn vì mình mà hết lòng tận tụy với ấu chúa. Hai người đàn ông đã có với nhau biết bao bận rộn cuộc đời, đã chia sẻ cùng nhau những khoảnh khắc sinh tử, nên họ hiểu rõ lòng nhau. Bà Xuân biết giá trị của lời trần trối đó. Đó là lời tâm huyết. Đó là lời gan ruột xuất phát từ con tim chân thành của đấng minh quân cả đời hết lòng vì nước, vì dân. Do vậy bà thọ mệnh, phò tá ấu chúa.

Bùi thị Xuân lùa những ngón tay thon dài vào mái tóc chông, mái tóc dầm hương rừng núi Tây Sơn thướt nào và không bao giờ phai nhạt. Nhớ lại lần gặp đầu tiên, bà cứu Diệu thoát chết dưới nanh vuốt cạp trắng. Ngày đó bà đã sớm nhận ra mùi tóc hoang dã kỳ lạ ấy. Ai ngờ rằng, mùi tóc ấy một ngày lại là của riêng bà và đã cho bà cả một trời yêu thương hạnh phúc.

- Nhanh quá. Mỗi ngày nào mà bây giờ tóc chàng đã bạc sương. Chiến hữu bao kẻ đã thành người thiên cổ. Cả linh thú bạch hổ cũng biệt vô âm tín, chẳng biết sống chết nơi đâu. Giọng nữ tướng Tây Sơn bùi ngùi.

- Không, ta quên nói với nàng. Mùa xuân năm rồi trên đường trẩy quân, ta ghé viếng mộ thầy. Bên mộ đã đặt sẵn những hoa quả rừng mà thầy ta ngày còn sống ưa thích. Chắc bạch hổ nhớ thầy hái về cúng, nó hiểu nghĩa hơn cả người. Ta biết nó chẳng đi đâu xa, chỉ lẩn quẩn gần đầu đó để lo chăm sóc mộ phần sư phụ. Lần ấy, nhất định nó biết ta về nhưng lánh mặt.

Vị dung tướng họ Trần trầm ngâm :

- Ngày trước, khi ta nhận lệnh soái chủ, bí mật mở con đường thượng đạo từ Tây Sơn ra đến Nghệ An, sức người sức thú chung nhau xây thành đồn lũy, chiến hào ngăn giặc. Đã có Vụ Tượng Đầm ở Cửu An, đã có Mã Ông Bồ khi chiến sĩ tử nạn, đã có những câu ca dao truyền đời:

*Chiều chiều Hánh Hót ngàn mây,  
Lao xao tiếng Thượng chặt cây dựng đồn.*

và đã biết bao phen ta lạc lối đi, về. Những lúc ấy lại thấy thấp thoáng trước mắt bóng dáng bạch hổ. Linh thú dẫn dắt ta đi tìm phương hướng mà

thông đường. Nhiều lần như thế, thượng đạo mới được hoàn thành. Công lao bạch hổ không phải là nhỏ. Tiên đế đã mấy lần dẫn đại quân vượt Trường Sơn ra Bắc, lúc diệt Trịnh, khi phạt Thanh, ông đều sử dụng con đường thượng đạo bí mật này, đánh vào phía sau phòng tuyến vững chắc làm vỡ tan hàng ngũ địch. Chúng, tướng tử quân tan, tháo chạy cuống cuống.

Giọng Trần quang Diệu không dấu nổi bùi ngùi. Những năm tháng niên thiếu ở núi Cổ Sơn với thầy, với bạn hổ như dấu ấn hằn sâu trong tâm trí ông đầu thời gian phai. Diệu hình dung như thấy rõ ràng cái hang ẩm áp, dòng thanh tuyến và cổ thạch bàn dưới cội bách già, nơi đâu cũng tràn ngập bóng dáng người thầy yêu kính. Diệu và bạch hổ cùng lớn lên, trưởng thành trong vòng tay thương yêu, chăm chút chu đáo của thầy. Khi Diệu trở nên một nam hán cường tráng, thì hổ cũng đã là một đấng mày râu đường bộ. Họ sống bên nhau như chẳng hề có hận thù. Vậy mà trở trêu thay, hổ lại nhận ra hơi hướm kẻ cựa thù ở nơi con người Diệu. Thì ra từ lúc còn nằm trong bụng mẹ cho đến khi chào đời, bạch hổ đã được mẹ truyền dạy lòng căm thù đối với con người có hơi hướm động lại ở vật áo mà mẹ nó đã xé được ngày xưa. Do vậy, cứ mỗi lần thầy đi vắng, linh thú lại nhớ tới thù xưa. Nó bèn giả trò hung hãn với cậu bé. Thầy bắt được, giam vào mật thất, bắt nhịn ăn hàng tuần lễ. Mỗi lần bị phạt nó rất sợ, tưởng rằng đã ăn năn từ bỏ. Nhưng hễ đối diện với riêng một mình Diệu, thì mối hận thù ma quái và bản năng thú vật lại hiện ra thôi thúc, làm u mê tâm tối đầu óc, trí khôn nó. Bạch hổ lại bị bắt, bị phạt nặng hơn lần trước. Lần nào cũng vậy, nó ngoan ngoãn quỳ xuống nhận lãnh hình phạt, không nửa lời than van, oán trách. Bạch hổ đâu biết rằng, ý định rồ dại của nó thầy đều biết trước. Sư phụ đang thử thách linh thú và cố giúp Diệu giải tỏa oán thù. Một lần khác thầy đi về muộn, hổ lợi dụng cơ hội quyết giết chết Diệu. Hai bên quần thảo suốt buổi. Cậu sử dụng những thế võ được thầy chân truyền, hý hửng tưởng rằng phen



này hổ sẽ chịu thua. Ai ngờ linh thú học lõm được và nó thông minh biết cách vận dụng để khống chế Diệu. Cuối buổi, linh thú lui dần, lừa Diệu bằng một thể hồi mã. Chàng trai đang thích chí thì bất ngờ hổ tung mình hoành thân, từ phía sau Diệu vỗ tới. Thanh niên bị mắc kế, vai cậu bị vuốt hổ bấu chặt không thương tiếc. Diệu hoảng hốt, vô phương chống đỡ. May sao sư phụ vừa về kịp. Thầy quát to rền vang cả sơn động. Bạch hổ vội buông người, rồi cụp đuôi rón rén đi vào thạch động. Nó đình ninh lần này sẽ bị phạt rất nặng. Nhưng không, sư phụ lạnh lùng đuổi Bạch hổ ra khỏi Cổ Sơn. Linh thú bỏ ăn, ngày đêm quỳ mọp trước động mong thầy tha thứ. Diệu băng bó vết thương rồi cũng quỳ xin tội cho hổ. Nhưng ý thầy đã quyết, ông đóng chặt cửa thạch động. Bạch hổ đành phải ra đi. Từ đó, thoáng trong đêm trường, Diệu vẫn nghe tiếng kêu lanh lảnh của linh thú vọng về từ ngàn xanh, vượt qua biết bao thác ghềnh sông núi bay về. Hổ nhớ thầy.

Ngày đó, Diệu không hiểu điều hận thù trong lòng bạch hổ nhưng lão nhân thì hiểu rất rõ. Sư phụ không muốn định mệnh oái ăm lại xảy ra trên cuộc đời hai đứa học trò yêu của thầy. Lão không muốn định mệnh tai ác tái diễn ngay tại thạch động, nơi ông đã tâm nguyện lánh đời và ngộ giác thiện niệm. Lão đã thủ làm hết sức mình, nhưng vẫn không cưỡng được số trời. Định luật nhân quả nhà Phật, ai buộc thì người đó gỡ, nếu không, thì người đời sau phải tiếp tục gỡ. Thầy đã kể căn nguyên nguồn gốc mối thù cho Diệu rõ và mong ước duy nhất cuối đời của thầy là Diệu cố gắng giải được mối thù truyền kiếp ấy. Ba mươi năm rồi, lời sư phụ như vẫn còn văng vẳng bên tai. Khi Diệu đã biết sự thật, trước lúc quy thiên, lão nhân bảo Diệu đốt trầm ở đâu gió gọi bạch hổ về, cho nó gặp mặt thầy lần cuối cùng.

Thế rồi mãi đến một ngày bên cánh rừng Thuận Ninh, oán thù mới được giải. Lần ấy Trần quang Diệu nhận lệnh Tây Sơn đi chiêu mộ anh tài trong thiên hạ. Một mình một đao, chàng tuổi

trẻ lên đường. Vượt qua khỏi khu vực núi đá vôi hóa thạch lởm chởm, vừa đặt chân lên vùng thảo nguyên xanh tốt thì thỉnh linh bạch hổ xuất hiện. Nó vờn lượn rồi bắt thần giáng xuống chàng những cú chụp sấm sét. Chàng trai thoái bộ, thể vồ hụt, hơi gió vù qua ròn rợn. Xa nhau mới mấy năm mà võ nghệ linh thú đã tiến bộ vượt bậc. Những cái tát, vỗ, quào, móc, chụp mạnh như đi sơn đảo hải, nhanh như điện chớp. Nhớ lời thầy, Diệu quyết không đánh trả, chỉ cố gắng tránh đòn. Nhưng càng nhượng bộ, mãnh thú càng lấn lướt, tấn công tới tấp. Chàng thất thế lui dần, lui dần về phía quần thể đá chồng chất ngổn ngang, định nhờ vào tài khinh công để thoát hiểm, bất đồ bị vướng ngã. Trong lúc chưa kịp lấy lại thăng bằng, thì bạch hổ như một tia chớp vút đến. Cái chụp nhắm vào mắt của Diệu, để trả thù vết thương trí mạng ngày xưa do ông Trần đã gây ra cho cọp cha. Diệu chỉ kịp nghiêng đầu né tránh. Vuốt hổ cào sâu bên vai trái chàng thanh niên, máu tuôn xối xả. Mãnh hổ thẳng thế, càn lún sâu vào cơn say máu, chỉ còn biết đến hận thù phải trả. Diệu dần dần đuối sức, bị bồi thêm cái tát vào lưng ngã nhào xuống đất. Chàng ôm chặt thanh bào đao chưa hề được rút ra khỏi vỏ, nhắm mắt chờ chết. Bỗng có tiếng dây cung bật ra nghe rõ mồn một. Bạch hổ bất ngờ bị trúng tên độc vào vai, đau điếng hồn nhưng nó vẫn không chịu buông tha Diệu. Cùng lúc trên sườn núi, hai lần thanh quang xé gió phóng thẳng xuống đầu hổ. Diệu mơ màng thấy một bóng áo xanh thấp thoáng. Chàng thét to: Dừng tay, không được giết. Bạch hổ chạy đi, chạy mau đi. Cùng lúc với tiếng thét. Diệu thu hết tàn lực vung tay, thanh đao rời khỏi vỏ bay ra đón đầu song kiếm, lần thanh quang tắt ngấm. Linh thú thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, hoảng hốt phóng chạy vào rừng sâu mất dạng, đồng thời chàng trai cũng ngã xuống ngất đi, máu trào ra lênh láng. Người con gái áo xanh cứu Trần quang Diệu trong cơn thập tử chính là nữ tướng Bùi thị Xuân ...

- Thế mà lâu nay thiếp vẫn nghĩ chắc bạch hổ đã về châu thầy rồi chứ. Mùi tên có tẩm thuốc cực độc. Thiếp không dám nói ra sợ phu tướng buồn lòng.

Bà Bùi ngai ngùng tâm sự với chồng. Trần quang Diệu cười nói, trấn an vợ :

- Phu nhân không biết đó thôi, chứ bạch hổ làm sao chết được vì mấy mùi tên xoàng đó. Ngày xưa khi còn sinh tiền, thầy đã cho ta và bạch hổ luyện châu sa thần sa và một số thuốc dầu khủ độc bí truyền, nên mùi tên của nàng chẳng làm gì được linh thú.

Rồi để chứng minh, ông kể tiếp :

- Ngày Tiên đế băng hà. Vua Thái Đức sai La xuân Kiều soạn một bài văn tế, rồi cử Võ xuân Hoài và Đặng xuân Phong thay vua ra Phú Xuân cúng bái em. Quan văn tướng võ khởi hành tại Quy Nhơn, đi theo đường thủy. Trên đường ra bến, họ thấy bạch hổ xuất hiện, cứ lèo đèo theo sau như muốn đi cùng nhưng ai cũng sợ. Mãi đến lúc thuyền nhổ neo, thả buồm căng gió ra khơi, họ còn nghe tiếng gầm vang tức tối của bạch hổ. Linh thú cũng biết cái tang chung của dân tộc.

Nhắc đến tiên đế, lòng vị tướng bôn ba trận mạc, dày công hãn mã bỗng xốn xang, đau đớn. Trần quang Diệu vùng ngồi dậy, hai tay vuốt ngược mái tóc búi gọn trên đỉnh đầu, trầm ngâm suy tư.

Bùi thị Xuân tin và hiểu lòng chồng. Điều ông nghĩ, lời ông nói, việc ông làm luôn luôn được xem là chí tình, chí lý. Cũng như lần mới đây. Đại binh Tây Sơn đang trên đà chiến thắng, thành Diên Khánh bị quân Tây Sơn công hãm, vòng vây xiết chặt, ưu thế đang nằm trong tay Diệu. Chợt được tin Phú Xuân có biến. Bùi đốc Tuyên lộng quyền, ép vua làm chuyện bất nghĩa, vu khống gán tội cho tướng Lê văn Hưng - một trong Thất hổ Tây Sơn - có ý làm phản, bắt đem chém đầu thị chúng. Võ văn Dũng nghe tin, uất ức tức giận, lập tức đem binh về trị tội. Bắt cha con Bùi đốc Tuyên, Bùi đốc Trụ cùng Ngô văn Sở đóng cũi đem chìm chết dưới dòng sông

Hương. Cha con họ Bùi bị giết là đáng tội, dẫu ông ta là chú ruột của Bùi thị Xuân. Nhưng người mà vợ chồng ông quý mến, thương yêu như anh nuôi là Ngô văn Sở cũng bị hại chết. Lòng đau như kim châm, nóng như lửa đốt, ông Diệu hộc bần và tuyên bố cùng chú tướng:

- Vua Cảnh Thịnh là con người thiếu sáng suốt và cương quyết, để gian thần lộng quyền thao túng, để đại thần giết hại tàn sát lẫn nhau. Nếu trong không dẹp yên loạn thì làm sao có thể đánh giặc ngoài được chứ.

Nói rồi Trần quang Diệu liền kéo quân về Phú Xuân, đóng tại An Cựu, bên bờ Nam sông Hương. Võ văn Dũng nghe tin liền đem quân bản bộ đóng dọc bờ Bắc sông Hương. Ai cũng tưởng kinh đô phen này sẽ trải qua bão tố. Nhưng không, Diệu về lần này là để nhắc vua chính đốn kỷ cương, giữ yên triều chánh, chú không phải để gây thêm chia rẽ, làm náo loạn trào nghi.

Mãi một hồi lâu, ông mới tâm sự với bà Xuân:

- Hôm qua, Cảnh Thịnh cho vùi ta vào cung uống rượu để xoa dịu câu chuyện đáng tiếc. Ta thật lòng chẳng hứng thú gì với ly rượu nhạt được vua ban thí nơi vườn thượng uyển có mảnh trăng suông hoang lạnh, cô đơn. Cầm rượu trên tay mà miệng đắng lòng đau, không sao cạn nổi. Về đến dinh ngồi thần thờ bên án thư. Ta nhớ ngày xưa cũng có lần uống rượu cùng tiên đế ở nơi đó, nhưng sao thấy nồng ấm, nghĩa tình quá, khác xa một trời một vực với vua hôm nay. Ta nghĩ rồi thiếp ngũ đi lúc nào không hay. Phu nhân biết không, ta thấy tiên đế hiện về, ngai cười cười nói nói y như hồi còn sống. Tiên đế tâm sự với ta nhiều lắm. Cứ như điều gì ta nghĩ đến thì ngài đã biết trước. Có lẽ trong trời đất, hai chúng tôi như sinh ra là để hiểu nhau. Ngồi trong quân trường uống rượu mà ngài nghĩ đến chuyện xẻ dọc Trường sơn, mở ra con đường thượng đạo bí mật cho quân xuôi Bắc Hà được nhanh chóng, bất ngờ. Tiên đế như cánh chim bằng đã nuôi đủ sức gió để quạt cánh bay cao lên tí mãi chín tầng mây, hướng trọn vẹn về

tương lai Tổ quốc. Ngài giành lấy phần mình gánh nặng trên vai mọi nỗi lo toan của cả thiên hạ. Chủ đầu như vua Cảnh Thịnh, tài sơ trí thiếu, bụng dạ hẹp hòi, không nuôi nổi chí cha, để bên ngoài thì nhân tâm ly tán, bên trong thì kẻ siểm nịnh lộng quyền, giặc đến thì biết lấy ai mà chống đỡ ? Tiên đế cười cười nói nói với ta nhưng mắt ngài thì buồn lắm. Vui làm sao được khi phía Nam Nguyễn Ánh đang chờ gió nồm lên là xua quân lấn chiếm, còn phía Bắc thì nước lớn đang hăm he thôn tính mà triều đình thì loạn thần tặc tử đầy đầy như lang sói hùm beo, chúng xé nát triều nghi. Chắc tiên đế nằm không yên giấc. Phu nhân bảo ta phải làm sao đây để đừng phụ lòng ủy thác của Người ?

Trần quang Diệu nói mà ánh mắt rưng rưng ngấn lệ. Viên dũng tướng ngậm ngùi nhớ lại mấy dòng văn nôm của La xuân Kiều trong bài điệu tế Hoàng đế Quang Trung :

*Công điếu phạt, Nam rời lại Bắc, tiếng anh hùng vang dội sáu mươi phương.*

*Tích tình linh, ruột nối liền gan, đường u hiển rõ rời tơ chín khúc.*

*Trời Quy Nhơn ảm đạm màu thu.*

*Đất Thuận Hóa nào nùng tiếng quốc.*

.....

Người nữ tướng đứng đầu Ngũ Phụng Thư, từng vào sinh ra tử, xem cái chết như trò chơi cũng sứt sùi dầu mặt. Cùng là phận quân thoa như Ngọc Hân Công Chúa, tránh làm sao khỏi rơi lệ khóc thương Tiên đế. Nỗi đớn đau của người vợ trong cơn tử biệt chồng, Công chúa đã thay nước mắt bằng những vần thơ chung thủy truyền đời :

*"Than rằng :*

*Chín từng ngọn sáng bóng Trung trinh, ngoài muôn dặm cùng trông về Thụy.*

*Một phút mây che vùng Thái Bạch, trong sáu cung thoát nhạt mùi hương.*

*Tơ đứt tác lòng ly biệt,*

*Châu sa giọt lệ cương thường.*

.....

*Buồn thay nhẽ sương rơi gió lọt,*

*Cảnh đìu hiu thánh thốt châu sa.*

*Tưởng lời di chúc thiết tha,*

*Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê !*

*Buồn thay nhẽ, xuân về hoa ở,*

*Mối sầu riêng, ai gỡ cho xong ?*

*Quyết liều cho vẹn chữ tông*

*Trên rừng nào ngại, dưới dòng nào e.*

*Còn trúng nước thương vì đôi chút,*

*Chữ tình thâm chưa thoát được đi.*

*Vậy nên nân ná đòi khi,*

*Hình tuy còn ở, phách thì đã theo.*

*Theo buổi trước ngự đèo bông đảo,*

*Theo buổi sau ngự néo sông Ngân*

*Theo xa thôi lại theo gần.*

*Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa.*

.....

Đêm thình lạng và lắng sâu hun hút. Trần quang Diệu vẫn chìm ngập trong dòng nhớ nhưng hồi tưởng miên man bất tận. Bùi thị Xuân âu yếm áp bàn tay chồng trong tay mình để truyền hơi ấm tình yêu và nghị lực. Bàn tay đầy vết chai sạn của vị anh hùng đứng đầu Thất Hồ Tướng, đã bao lần mở ra những con đường hạnh phúc, an lạc cho dân tộc, thanh bình cho tổ quốc. Những con đường đầy áp bao khúc khải hoàn ca bất tận của non sông. Những con đường nhuộm đầy mồ hôi, máu và linh tuệ của muôn người, trong đó có cả phần bạch hổ. Những con đường gập ghềnh đầy thương nhớ vẫy gọi và cả những con đường bi ai, phần hận của phân ly tử biệt.\*

(Trích truyện "Thần Tướng")

Atlanta, đông 2002.

**LÊ LUYẾN**

# ĐỨNG DẬY THÊM LẦN NỮA: GET UP ONE MORE TIME

NGUYỄN CAO QUYỀN

“Đứng dậy thêm lần nữa”(Get up one more time) là tên một cuốn sách vừa xuất bản mà tác giả là ông Nguyễn Đăng Hải, một cuốn hồi ký về cuộc đời và những bước gian truân của một gia đình người Việt tị nạn cộng sản.

Đây là một tác phẩm viết chính xác như một lệnh hành quân và phong phú như một pho tiểu thuyết. Tác phẩm viết bằng tiếng Anh với dụng ý truyền lại cho những thế hệ về sau biết về cội nguồn và công lao của thế hệ tiên phong ra lập nghiệp ở nước ngoài vì phải trốn bỏ cường quyền.

“Đứng dậy thêm lần nữa” không phải là tiếng thờ dài của một người quá mệt mỏi vì cuộc hành trình gian khổ mà là một hiệu lệnh nghiêm khắc cho chính bản thân tác giả, nhắc nhở phải quyết tâm đấu tranh đến thắng lợi cho những mầm mống của tương lai dân tộc.

“Đứng dậy thêm lần nữa” là một tài liệu quý báu làm giàu cho viện bảo tàng lịch sử về “tội ác của cộng sản Việt Nam”, rất cần thiết để cho dân tộc sau này tránh được những vết xe đổ loang đỏ máu người vô tội.

“Đứng dậy thêm lần nữa” đồng thời cũng là tiếng hô “kiên trì”, nhắc nhở tất cả những ai còn nghĩ tới quê hương, đừng nản chí, hãy tiếp tục đấu tranh bằng mọi cách để mang lại tự do, dân chủ thật sự cho đất nước và hạnh phúc, ấm no thật sự cho toàn dân.

Qua gần 300 trang sách, rất nhiều chi tiết liên quan đến cá nhân, đến gia đình tác

giả, và đến 3 cuộc di tản từ nhỏ đến lớn của người Việt, đã được tác giả ghi lại với một mức độ chính xác không thua gì kỹ thuật thu hình. Giọng văn chất phác, giản dị, toả ra những nét tươi mát của thời thơ ấu, tinh thần trách nhiệm của tuổi trưởng thành, mùi thơm lãng mạn của tình yêu đầu đời. Cả đến hơi ấm của gia đình với đứa con đầu lòng, tia sáng hạnh phúc của một tương lai đầy hứa hẹn, cũng được mô tả lại với chan chứa tình người.

Tất cả những thứ đó, tưởng đâu như sẽ được trôi theo dòng đời bình thản. Nhưng không. Định mệnh cay nghiệt của dân tộc đã lôi lên chìm xuống trong thác lũ, trong phong ba của chiến tranh và cách mạng.

Bắt đầu từ thập kỷ 1940 Việt Nam bị lôi cuốn vào những biến động chính trị của thế giới. Năm 1943, có một cuộc đảo chính giữa hai nhóm thực dân da vàng và da trắng. Họ thay nhau nắm quyền cai trị, nhưng chẳng bao lâu thì cuộc cách mạng dân tộc nổ ra. Cách mạng dân tộc do những cán bộ đầu mặt của Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản lãnh đạo thành công dễ dàng nhờ khoảng trống chính trị do quân đội Nhật để lại.

Một nền cộng hoà với những nét dân chủ mơ hồ được thiết lập. Một chính quyền không trình độ, không một chút kinh nghiệm, bắt đầu làm việc. Với hai đặc tính này, toàn dân đi vào kháng chiến trường kỳ khi thực dân Pháp trở lại. Ai cũng chấp nhận hy sinh tính mạng và của cải để theo

cách mạng nhưng cách mạng không có khả năng bảo vệ và nuôi dưỡng. Nhất là khi chính quyền Hồ Chí Minh đã lộ rõ bộ mặt thật cộng sản! Nên dân chúng đành phải quay lại vùng địch chiếm đóng với hai bàn tay trắng để xây dựng lại cuộc đời trong lo sợ và thất vọng. Đây là cuộc “đứng dậy” của toàn dân lần thứ nhất để tiếp tục sinh tồn. Cá nhân và gia đình tác giả ở trong trường hợp này.

Cuộc sống lây lất không kéo dài được bao lâu thì đất nước lại bị chia đôi vào năm 1954. Những người có kinh nghiệm với cộng sản lại bỏ quê cha đất tổ ở miền Bắc, chạy vào Nam. Lẽ cố nhiên, lại cũng với hai bàn tay trắng. Nhưng lần này thì họ đỡ vất vả vì miền Nam là một chế độ dân chủ, tuy chưa hoàn chỉnh nhưng dù sao thì cũng dễ thở, và có những điều kiện về tài nguyên dồi dào phong phú. Đây là cuộc “đứng dậy” lần thứ hai của những người tị nạn cộng sản để tiếp tục sinh tồn. Và một lần nữa, cá nhân và gia đình tác giả cũng ở trong trường hợp đó.

Cuộc sống ở trong Nam cứ thế trôi đi được gần một phần tư thế kỷ. Người dân lấy chiến tranh làm hòa bình vì họ đã quen tiếng súng. Nhanh vuốt của con quái vật cộng sản như những chiếc kim bầu chặt lấy cơ thể của dân tộc để hút máu và nhất định không chịu buông tha.

Quá quen thuộc với không khí chiến tranh người ta không để ý đến những đám mây đen đang ùn ùn kéo tới, làm vẩn đục bầu trời chính trị của tổ quốc: thông cáo chung Thượng Hải, hiệp định Paris, đồng

minh Mỹ rút quân, quyết định của quốc hội Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ quân sự... Tất cả những đám mây đen đó báo hiệu một cơn giông bão đang di chuyển tới gần.

Và giông bão đó đã đổ sập xuống vào ngày 30-4-1975. Giặc cộng tràn vào như nước lũ, phá nhà, chiếm đất, cướp của, bắt người. Cảnh tượng như ngày tận thế. Người ta đua nhau lao ra biển chạy trốn bằng bất cứ phương tiện nào có trong tay. Ai cũng sẵn sàng đem sinh mạng ra đổi lấy tự do. Hàng triệu người ra đi, nhưng nửa triệu người nằm trong bụng cá.

Gia đình tác giả cũng thoát chết sau một cuộc hải hành 34 ngày trên biển cả đầy nguy hiểm và sợ hãi. Cũng như những quân nhân khác của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Trung Tá Nguyễn Đăng Hải đã bị đồng minh Mỹ bỏ rơi trong trận chiến, nhưng lại được nhân dân Hoa Kỳ hân hoan đón nhận khi tới bến tự do.

Lần này ra đi cũng lại hai bàn tay trắng và với tuổi đời nặng trĩu trên vai, nhưng với một nghị lực phi thường, ông Hải lại “đứng dậy lần thứ ba” để cùng với gia đình tiếp tục sinh tồn nơi xứ lạ. Và ông đã thành công.

## NGUYỄN CAO QUYÊN

(Virginia)

**Tiểu sử của Ông Nguyễn Đăng Hải,**  
Tác giả cuốn sách “Get Up One More Time” (Đứng dậy thêm lần nữa).

Ông Nguyễn Đăng Hải sinh ngày 6-6-1929 tại Hải Phòng, Bắc Việt. Tốt nghiệp



Khoá I Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định, Khoá Quân Chánh EMA, Montpellier, Pháp, Cử Nhân Luật Khoa, Đại Học Saigon, Khoá Tham Chánh Quân Nhu ESI Paris, Pháp, và Khoá Đại Học Quân Sự Dalat.

Trước tháng 4 1975, ông là Phụ Tá Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng, Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa và đã từng giữ những chức vụ quan trọng khác như: Hội Viên Hội Đồng Dân Quân, Phó Đồng Lý Văn Phòng Phủ Thủ Tướng, Tổng Thư Ký Ủy Ban Kinh Tế Tài Chánh, và Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp.

Trong lãnh vực văn hoá, ông là dịch giả các cuốn sách The Mayor of Casterbridge (Ông Thị Trưởng Casterbridge) của Thomas Hardy, và The Black Arrow (Mũi Tên Đen) của Robert Louis Stevenson, do Trung Tâm Học Liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục ấn hành năm 1961 và 1962.

Ông là một trong số những người được nêu danh trong cuốn “ NHÂN VẬT VIỆT NAM” do Việt Nam Thông Tấn Xã ấn hành năm 1972.

Ông Hải rời Việt Nam vào phút chót, sang tỵ nạn tại Hoa Kỳ từ tháng 6 năm 1975 sau khi lênh đênh trên biển cả suốt 34 ngày mới tới Guam. Ông có vợ, 6 con, 13 cháu và hiện cư ngụ tại Maryland.

#### **Ghi chú:**

Muốn có cuốn sách “ Get Up One More Time “ với chữ ký của tác giả, bạn đọc có thể gửi thư kèm theo chi-phiếu \$18.10 cho:

**Nguyen Dang Hai**  
**P.O Box 6362**  
**Ellicott City, MD 21042**



**XÓM NHÀ ANNANDALE MÙA ĐÔNG:**

Tranh sơn dầu của Đinh Cường

# PHÂN ƯU

Được tin Hiền Mẫu của Họa Sĩ Đinh Cường

Cụ Quả Phụ **ĐINH VĂN DŨNG**

khuê danh **NGUYỄN THỊ BÉ**

vừa tạ thế 9 giờ sáng ngày 22 tháng 10 năm 2008 tại Salt Lake City, OK - USA  
hưởng thọ 91 tuổi.

Xin thành kính chia buồn cùng Họa Sĩ Đinh Cường và toàn thể tang quyến.

Nguyện cầu hương linh người quá cố sớm phiêu diêu Miền Cực Lạc.

## **BAN TRỊ SỰ và BAN BIÊN TẬP TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM**

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Trần Bích San, Ngô Tăng Giao,  
Bình Huyền, Phạm Văn Tuấn, Phan Anh Dũng, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh,  
Hồ Trường An, Dương Huệ Anh, Kiều Anh, Nguyễn Văn Bá, Hải Bằng HDB,  
Việt Bằng, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Thị Ánh Bích, Hoàng Dung,  
Hoàng Cung Fa, Tâm Hảo, Lý Hiểu, Vũ Thái Hòa, Vũ Hối, Vi Khuê,  
Huy Lãm, Nguyễn Lâm, Hoàng Song Liêm, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Phú Long,  
Tiên Sha Lê Luyến, Hoàng Bạch Mai, Vũ Nam, Đăng Nguyên,  
Cao My Nhân, Nghiêm Thái Phượng, Diệu Tần, Nguyễn Văn Thành, Tiểu Thu,  
Hong Thủy, Trương Anh Thụy, Lê Thương, Bùi Thanh Tiên, Thanh Trang,  
Hà Bình Trung, Tạ Quang Trung, Nguyễn Đăng Tuấn,  
Nguyễn Tường Vân, Yên Vi, Kim Vũ.



# TRÔNG VỚI CỎ QUỐC

## NGUYỄN LÂN

Nicole vươn vai thức giấc, nàng tung chăn ngồi dậy, đưa mắt nhìn những tia sáng mặt trời chờn vờn uốn éo nhịp nhàng trên màn cửa xanh nhạt. Trời hôm nay phải đẹp lắm, ánh nắng nhảy múa trên khung cửa kêu gọi Nicole bừng tỉnh trong cái mùa đông lạnh lẽo vào cuối tháng Giêng, một tháng với nhiều ngày bầu trời xám xịt u ám. Nicole xỏ chân vào dép, khoác chiếc áo choàng rồi kéo vội màn cửa. Trời trong sáng, mây trắng từng cụm lững lờ bay cứ như đường tiết xuân nồng ấm. Sống xa nhà đã hơn hai năm trời, nàng thấy nhớ gia đình, nhớ những ngày giá lạnh đầy băng tuyết của thành phố Boston cổ kính. Nàng thèm được úp mặt vào ngực mẹ, bà Kara, người đàn bà dịu dàng duyên dáng; nàng ao ước được bế bồng như hồi còn bé dại, bố nàng, ông Kirk với bắp thịt cuộn cuộn mới dững mãnh làm sao; nàng thấy nhớ chị Michelle, người chị có mái tóc vàng óng ả quấn từng lọn rủ trên trán, lúc nào cũng nhường nhịn em. Ôi! Gia đình hạnh phúc! Nhưng từ ngày lớn lên, bắt đầu thích soi bóng trong gương, Nicole thấy mình chẳng giống ai, tại sao mình lại da vàng, tóc đen, mắt đen trong khi cả nhà da trắng hồng như trứng gà bóc, tóc tơ vàng ánh, mắt trong xanh veo như mắt mèo? Bé Nicole lúc ấy lên năm, ngồi trên lòng bố vặn hỏi, rồi khóc mùi trên vai mẹ vì bé không có nét nào giống cha mẹ và chị Michelle! Cả nhà phải dỗ mãi, bé mới nín. Vài năm sau, Nicole biết rõ mình chỉ là con nuôi trong gia đình ông bà Taylor, cô có buồn, nhưng bố mẹ vẫn thương yêu cô, chị Michelle vẫn chiều chuộng em... riết rồi Nicole cảm thấy vững tâm trở lại, sung sướng

hạnh phúc bên những người thân yêu không cùng màu da. Nhiều lần nhìn vào gương, Nicole bật khóc, cha mẹ Nicole là ai, nàng từ đâu đến, tại sao lại ở đây?

Năm Nicole hai mươi tuổi, ông Kirk cho Nicole biết nguồn cội của nàng dưới ánh mắt lo lắng nhưng đầy thương yêu của bà Kara. Rồi, bà Kara nói :”Mẹ thấy con rất đẹp và quyến rũ với mái tóc mây và cặp mắt bồ câu xanh xéch. Con không thấy thế sao?”. Nicole biết mẹ muốn làm vui lòng mình. Thật ra, nàng cũng đã biết nguồn gốc từ lâu rồi, từ ngày mới học lớp năm tại trường sơ học; nơi ấy cũng có nhiều đứa nhỏ da vàng như Nicole, nhưng đa số chúng có cha mẹ đẻ, những người Việt di cư. Ông Kirk cho con gái nuôi hay ông bà đã xin một đứa trẻ Việt mồ côi còn trứng nước từ trước ngày miền Nam lọt vào tay Cộng Sản. Nicole là con của một cặp vợ chồng trẻ người Bắc, chàng đã hi sinh cho tổ quốc đúng một năm trước biến cố tháng 4 năm 75. Người vợ cũng ra đi theo chồng sau khi hạ sanh bé Lưu Thúy Lệ hơn nửa năm sau. Bé Thúy Lệ được đưa tới một Cô Nhi Viện gần Thủ Đức trước khi ông bà Taylor nhận làm con nuôi. Sau biến cố tang thương của dân Việt, sau ngày mất nước năm 1975, những trẻ con cô được chính phủ Mỹ chuyên chở về nước theo diện nhân đạo. Một trong những chuyến máy bay cất cánh từ phi trường Tân Sơn Nhất mang theo hơn một trăm cô nhi đã bị nạn tại Gò Vấp. Hai phần ba trẻ em trong chuyến máy bay định mệnh tử nạn. Bé Thúy Lệ là một trong những trẻ may mắn sống sót, nhưng phần bụng dưới của bé bị chấn thương. Khi ông bà Taylor nhận bé, đưa bé đi chữa trị thì vết thương đã thành cố tật; lớn lên, Thúy Lệ không thể là



một người đàn bà bình thường, không thể mang thai được nữa! Ông bà Taylor thương cảm vô cùng, họ thành tâm yêu cô con nuôi không khác gì Michelle, con ruột. Bé bước vào gia đình Taylor từ đấy với cái tên Nicole.

Năm tháng trôi nhanh, Nicole trưởng thành trong êm đềm, yên ả. Tâm hồn, lối suy tư, lối sống của Nicole là một cô gái Mỹ ngoan ngoãn, lễ độ. Nicole lúc nào cũng làm vừa lòng cha mẹ nuôi, cô bé học giỏi, có khiếu về ngoại ngữ ngay từ bậc Trung Học, nhưng cô hoàn toàn không biết một chữ tiếng Việt nào; ngay cả những bạn Việt Nam của cô bé cùng trường cũng không một người nào thông thạo Việt ngữ! Tận đáy lòng, Nicole vẫn cảm thấy một điều gì thiếu thốn mà cô không thể thổ lộ cùng cha mẹ, không thể tâm sự cùng chị Michelle. Tốt nghiệp Trung Học xong, Nicole thề hứa sẽ đi tìm người đồng chủng để học tiếng mẹ đẻ. Đã nhiều lần cô thử, nhưng sao thấy bất tiện quá, chẳng có một sinh viên Việt Nam nào cùng chung tâm sự với cô, chẳng một người bạn trẻ nào chịu thực tập tiếng mẹ đẻ cùng cô, Nicole cảm thấy chán nản; vả lại đời sống còn bao chuyện phải giải quyết, bao toan tính dự trù cho tương lai, Nicole quên dần sự thôi thúc đi học tiếng Việt! Cô bắt đầu đam mê luyện ngón dương cầm những khi mệt mỏi, những khi buồn chán. Tiếng đàn của cô được nhiều người mến mộ, ai cũng bảo Nicole có khiếu về âm nhạc, nhưng cô chỉ coi đấy là một trò giải trí làm cho tâm hồn yên tĩnh những lúc bị xáo trộn, căng thẳng. Nicole ham học, ham đọc sách, thích thể thao, yêu âm nhạc. Đời sống cô lúc nào cũng bận rộn, cũng tràn đầy như bao cô gái Mỹ đa đoan, có khác chẳng trong tận đáy lòng, Nicole vẫn mang một nỗi khắc khoải về nguồn gốc, về cố quốc khôn nguôi! Năm hai mươi lăm tuổi, Nicole tốt nghiệp ngành Dược tại Đại Học Havard. Học Dược là cho vui lòng cha mẹ, đúng ra Nicole

chỉ thích môn Sinh Ngữ. Nàng lấy thêm những chứng chỉ về Sinh Ngữ, về tiếng Spanish và tiếng Pháp, nàng nói thông thạo cả hai ngoại ngữ này, nhưng nàng vẫn chưa nói được tiếng Việt! Cố quốc xa vời quá! Với mảnh bằng Dược Sĩ trong tay, Nicole thử thời vận tại Thủ Phủ nước Mỹ, vùng Hoa thịnh Đốn. Vùng này nổi tiếng nhiều người Việt Nam cư ngụ mà đa số là những người có học, có chức nghiệp, đó cũng là lý do Nicole xin phép cha mẹ nuôi lên làm việc cho công ty dược phẩm Rite Aids tại Falls Church thuộc tiểu bang Virginia, “xứ tình nhân”! Biết đâu nàng có cơ may gặp người đồng chủng chưa hoàn toàn Mỹ hóa? Ngày ngày làm việc, nàng đã gặp được nhiều đồng hương đến mua thuốc, nhiều người không biết nói tiếng Anh, nhất là mấy người già cả, Nicole cũng chẳng hiểu họ muốn gì nhưng âm ọ một hồi lâu rồi ra dấu, rồi viết trên giấy, rồi cũng cảm thông nhau. Chỉ có nàng mới mất công với người Việt không biết tiếng Mỹ chứ các cô dược sĩ khác là tìm cách lảng. Dù gì Nicole cũng là gốc Việt Nam, dù gì nàng cũng phải có bốn phận giúp đỡ người cùng xứ sở.

Sau hai năm trời sống tại Thủ Phủ Hoa Thịnh Đốn, Nicole gặp rất nhiều đồng hương, may cho nàng những người này không ít thì nhiều đã bập bẹ được tiếng Anh. Nàng bắt đầu làm quen những gia đình người Việt tại đây. Một cặp vợ chồng trẻ người Việt đã khuyên nàng nên theo học lớp Việt Ngữ cho thiếu niên vì ở đây không có lớp học cho người lớn! Đành chịu vậy nếu muốn tìm hiểu nguồn cội, muốn vọng về tổ quốc xa xưa. Ngày đầu tiên đến lớp, Nicole ngỡ ngàng lắm. Lớp vỡ lòng tiếng Việt có chừng hai chục học viên tuổi từ bảy tám đến mười một mười hai, riêng có Nicole đã hai mươi hai tuổi đầu. Cô giáo chỉ hơn nàng chừng dăm tuổi, vóc dáng nhỏ bé, lanh lẹn, dịu dàng có vẻ thông cảm với cô học viên “già” ngay từ phút đầu gặp gỡ. Cô giáo Hạnh thật ra

là một nurse, cô xung phong dạy trẻ con tiếng Việt để chúng không quên nguồn gốc tổ tiên. Thầy trò trạc tuổi nhau nên dễ thân thiện. Khởi đầu, cô Hạnh còn nói nhiều tiếng Mỹ với Nicole, hơn một tháng sau, trong giờ thực tập cũng như gặp nhau bên ngoài, Hạnh sử dụng toàn tiếng mẹ đẻ. Dù hiểu lôm bôm, Nicole bắt buộc phải nghe, bắt buộc phải trả lời bằng tiếng Việt. Nicole vẫn có năng khiếu về sinh ngữ, mới hơn nửa năm học với cô Hạnh, nàng đã nghe hiểu gần hết những câu chuyện thường ngày, nàng đã trả lời với những từ ngữ giản dị với giọng Việt, với lối dùng chữ rất ư người Việt. Cô Hạnh hài lòng, Nicole cảm thấy phấn khởi, đã có lúc nàng nghĩ đến ngày về... “tung cánh chim tìm về tổ ấm...” một bài hát nào đó nàng nghe rất thấm thía tại nhà cô Hạnh. Khách hàng Việt Nam giờ đây đến với Nicole rất nhiều, những người già thích thú khi nghe cô được sĩ bập bẹ tiếng mẹ đẻ, những người trẻ nhìn nàng với ánh mắt thán phục hồn nhiên.

Mỗi lần về thăm gia đình tại Boston, Nicole vẫn thật thà tâm sự cùng bố mẹ nuôi về “giấc mộng” của nàng. Nàng biết nàng có hai tổ quốc, một nơi nuôi dưỡng nàng đến lúc thành tài mà nàng có bốn phận trả ơn, một nơi chôn nhau cắt rốn mà nàng không bao giờ quên được. Nàng yêu cả hai nước, nàng thương cả hai giống người Mỹ-Việt! Ông bà Taylor vẫn khuyến khích con gái làm những công tác xã hội cho cộng đồng người Việt vì chính ông bà cũng yêu những người da vàng cần cù chịu đựng mà tiêu biểu là cô con gái nuôi! Michelle đã có người yêu, Nicole vẫn chẳng để ý tới một chàng trai nào. Ông bà Taylor biết rằng các cậu con trai Mỹ khó chiếm được cảm tình đặc biệt của Nicole vì nàng còn nhiều vọng tưởng về đất tổ. Ông bà cũng mong Nicole kiếm được một chàng trai Việt ý hợp tâm đầu. Ngày ấy, rồi cũng phải đến...

Chuyến máy bay Boeing 747 to lớn của hãng hàng không Pan American cất cánh một buổi chiều vào trung tuần tháng Tư năm 1975 từ Hongkong tới Tokyo đã phải ghé qua Saigon để đón hơn 400 trẻ Việt mồ côi tới Mỹ theo diện nhân đạo. Đó là những đứa trẻ cô cút, cha mẹ đã chết trong bom đạn hay là những trẻ vô thừa nhận trên hè phố được đưa tới những cô nhi viện và người Mỹ nhận bốc những đứa con hoang này. Phan Hải, lúc leo lên máy bay vừa đúng tám tuổi được bà ngoại đã tám mươi cho viện mồ côi hi vọng thẳng chấu tránh được hiểm họa Cộng sản, có một cuộc đời tươi sáng hơn tại Mỹ. Hải biết thân phận cô đơn cô cút nên rất dễ bảo. So với những đứa bé khác trên cùng chuyến Hải đã lớn, cậu tự kiếm một ghế sát với cửa sổ của máy bay để nhìn lại đất nước xa dần trong khói mù, tưởng nhớ tới ngoại với mái tóc bạc phơ mà không biết bao giờ cậu bé mới được gặp lại... nước mắt như màn sương mỏng phủ lấp tất cả những kỷ niệm thời ấu thơ tại quê hương đương nhạ nhòa dần... “Ngoại ơi!”... Văng vẳng bên tai như đáp lại tiếng ngoại nói vọng theo cái bóng nhỏ bé bước ra sân bay: “Nhớ đất nước Việt Nam, nhớ quê hương Gò Công, con nhé!”

Ra đón cậu bé Hải tại phi trường Dulles là những người cậu đã thấy ở tấm hình trong túi áo, gia đình Rabkin, bác sĩ Clark và vợ, bà Vivian cùng hai cậu con trai trạc tuổi Hải, Tom và Tyron. Bác sĩ Clark Rabkin là một y sĩ gia đình, bà Vivian Rabkin là một bà giáo Trung Học, Tom mười hai và Tyron lên mười. Đó là một gia đình học thức, một gia đình gương mẫu. Mặc dầu đã có hai trai nhưng vợ chồng bác sĩ Rabkin vẫn có ý kiếm tìm thêm những đứa con cô cút để chia sẻ những lo lắng vì hai ông bà đều có tinh thần xã hội cao. Bác sĩ Rabkin đã không ngần ngại xin Bộ Xã Hội một đứa con nuôi người Việt quăng bẫy,

tám tuổi xấp xỉ tuổi hai đứa con trai ông bà; ông cũng biết rằng ở tuổi đó nó còn nhớ nhiều đến dĩ vãng, nhưng ông hi vọng với tình thương yêu mà gia đình ông dành cho đứa con nuôi, nó sẽ quên dần nỗi sầu xa xứ, nó sẽ hội nhập dễ dàng với đời sống tại đây, nó sẽ kiến tạo một tương lai cho nó và nó sẽ hữu ích cho những người chung quanh...

Những ngày đầu trên xứ lạ, Hải sợ lắm; nhất là nó không hiểu cha mẹ nuôi nói gì, các anh muốn gì... Bà Vivian tận tình và nhỏ nhẹ chỉ dẫn từng đồ vật, từng chữ thông dụng trong nhà, trong trường học, trên hè phố; bà thường ôm Hải vào lòng và dạy cậu bé đánh vần tên cậu "Samuel Rabkin", cái tên mà cả nhà vẫn tất gọi cậu là bé Sam. Sam thông minh, sáng dạ và chịu khó nên chỉ trong vòng một tháng, cậu đã hiểu ý cha mẹ nuôi, và chỉ nửa năm sau, Sam nói tiếng Mỹ không thua gì Tom và Tyron. Ba anh em quấn quít bên nhau, chúng thương yêu nhau rất mực. Tom luôn luôn tỏ ra là một big brother, một ông anh lớn đứng mũi chịu sào, bênh vực các em, nhất là cậu em út Sam. Ngày qua ngày, Sam quen dần với đời sống mới, cậu tuyên bố với cả nhà giấc mơ của cậu là được trở nên một người Mỹ thực thụ. Khi còn học tại bậc tiểu học, Sam đã có những bạn Việt Nam, nhưng hầu như tất cả đám trẻ gốc Việt này đều chỉ nói tiếng Mỹ. Ngay Sam cũng không biết tụi bạn đồng chủng có hiểu và nói được tiếng mẹ đẻ hay không, và cậu cũng chẳng có cơ hội dùng tới tiếng mẹ đẻ nữa, cậu đã tự nguyện trở thành một công dân Mỹ thuần túy từ lúc lọt vào gia đình bác sĩ Rabkin; vả chăng chính đất nước này đã dung dưỡng cậu khi đứa con cô, bé Phan Hải bị đẩy vào Cô Nhi Viện do Hoa Kỳ bảo trợ. Mai sau, lớn lên, cậu sẽ trả ơn đất nước này, Sam chỉ đơn giản nghĩ vậy!

Cả nhà chỉ mỗi Sam là muốn nối nghiệp daddy. Ông Clark thú thích vô cùng, ông muốn

gửi con tới John Hopkins nhưng bà Vivian lại mong cậu út Sam kế cận bên cha mẹ vì cả hai cậu lớn đã đi học xa. Sam ghi tên học thuốc tại Georgetown ngay gần tỉnh nhà, một trường Đại Học Công Giáo nổi tiếng với những con ông cháu cha tại D.C. Cậu hi vọng sẽ trở thành một lương y giúp đỡ người nghèo khó. Thấm thoát Sam đã ra bác sĩ chuyên khoa thần kinh. Sam có đôi bàn tay vô cùng khéo léo trên bàn mổ. Nhiều nhà thương mời chàng cộng tác nhưng chàng chỉ chọn nơi nào gần cha mẹ nuôi; ông bà Rabkin đã lớn tuổi, trên dưới bảy mươi cả rồi, Tom và Tyron đã ra riêng, làm việc ở xa và đều có gia đình người thì ở Ohio, người thì ở Texas, chỉ còn mỗi mình Sam. Chàng phải lo lắng cho cha mẹ như lòng đã hứa nên dù lương không đúng như ý, Sam vẫn chọn làm việc tại bệnh viện Fairfax gần nhà. Vợ chồng bác sĩ Rabkin biết hảo tâm của con, ông bà vui mừng đã chọn được một nghĩa tử chí hiếu; ông bà chỉ mong Sam lập gia đình vì chàng đã hai mươi bảy tuổi, đã có một sự nghiệp vững chãi. Ông bà không biết ý chàng muốn chọn người vợ cùng giống hay một cô gái Mỹ, xem ra Sam rất Mỹ hóa, chàng không có bạn Việt Nam hay nếu có, ông bà Rabkin chưa bao giờ thấy con mình nói tiếng mẹ đẻ với một người đồng chủng, e rằng nó không còn nhớ một câu tiếng Việt nào! Bà Vivian thích ngắm cậu con trai út, nó không cao bằng hai anh nhưng thân hình Sam đều đặn, cân đối, trông còn mạnh khỏe hơn cả Tom lẫn Tyron vì Sam chơi quần vợt thường xuyên và tập thể thao đều đặn hàng ngày. Trông Sam rất vững mạnh và đầy tự tin, anh chàng có vóc dáng tầm thước so với các chàng trai Mỹ, lồng ngực căng nở, bắp thịt bụng dẫn chắc, tay chân cứng cỏi, da rám nắng nâu hồng, khuôn mặt vuông chữ điền khôi ngô sáng sủa, mái tóc rậm, cặp lông mày và đôi mắt màu nâu sẫm, mũi dọc dừa, miệng rộng lúc nào cũng tươi cười, nói

tóm lại Sam là một người đàn ông quyến rũ, đầy nam tính. Ông Clark thì thích trò chuyện với cậu út về những phát minh mới mẻ trong ngành Y mà thời ông chưa được nói đến. “Con hơn cha là nhà có phước”, nếu ông là người Việt Nam chắc ông sẽ hài lòng với câu ngạn ngữ này. Sam bận lắm, có nhiều đêm anh phải trực tới sáng mới ghé qua nhà ngủ vài độ vài ba tiếng, ăn qua loa, nhưng không bao giờ anh quên ôm cha, hôn mẹ trước khi rời nhà. Hơn ba năm làm việc tại Fairfax Hospital, Sam được mời vào một chức vụ quan trọng đi giảng dạy về khoa Thần Kinh tại những xứ Châu Mỹ La Tinh, cũng tại đây, Sam được mời về Việt Nam thuyết trình về chuyên khoa của chàng. Về Việt nam? Hơn hai mươi năm nay chàng chưa nghĩ tới! Về Việt Nam? Hơn hai mươi năm nay chàng xa cách bà ngoại! Ngày cậu bé Hải rời nước, ngoại đã tám mươi... Thôi rồi! Ngoại còn đâu nữa, về thăm quê hương, quê hương mà sao xa lạ quá với chàng! Bỗng nhiên, trong tận cùng đáy lòng Sam dấy lên một cái gì bứt rứt, một cái gì đau đớn... chàng đã quên cố quốc, chàng đã vùi mình trong công việc học hỏi hằng ngày, chàng đã là một người Mỹ thực sự, một tâm hồn Mỹ trong hình hài Á Đông này. Sam lặng người, chàng có điều gì thiếu sót trong cuộc sống mà bấy lâu nay chàng không để ý tới. Không, không thể quên được gốc gác! Chàng đã làm việc say mê để không có thời giờ ngắm mình trong gương! Không, không thể quên được cố quốc! Sam vẫn là một người Việt Nam, một người Việt có tâm hồn Mỹ đấy thôi! Sam cúi đầu suy tư, tại sao chàng cả quyết trở thành một người Mỹ, nhưng làm sao chàng có thể là một người Mỹ hoàn toàn? Khuôn mặt Việt Nam còn đó, hình hài Việt Nam còn đó! Có phải vì mặc cảm của một đứa trẻ mồ côi bị đẩy ra ngoài lề xã hội, bị đẩy ra khỏi lòng đất nước? Có phải vì lòng biết ơn

sâu sắc với gia đình cha mẹ nuôi nhân hậu, với xứ tạm dung đầy cơ hội này? Dù gì đi nữa, chàng vẫn là người Việt, chàng vẫn có một cội nguồn chàng không thể chối bỏ, chàng phải trở về, phải tìm lại những gì liên can tới cậu bé Phan Hải ngày xưa! Dù gì đi nữa, chàng vẫn là người Việt, chàng có bốn phận lo cho những người Việt khác như chàng đã từng lo cho những bệnh nhân ở Châu Mỹ La Tinh, ở xứ cờ hoa này. Sam Rabkin vẫn mãi mãi là Phan Hải. Ngắm mình trong gương, tự nhiên Sam thủ thỉ: “Ngoại ơi!” ... Tiếng nói xa lạ vọng nghịu mà sao vẫn quen thuộc như từ trong tiềm thức chờ dịp tuôn trào... “Ngoại ơi!”... Tiếng nói sao mà ấm áp thế, bà ngoại vẫn thích bé Hải âu yếm gọi để chạy tới ôm Hải vào lòng như ngày nao cậu bé sà vào lòng bà... “Ngoại ơi! Con sẽ về!” Sam cứ lẩm bẩm một mình... nhiều câu, nhiều câu làm nũng bà khi xưa... Không, không, không bao giờ chàng quên tiếng mẹ đẻ! Hơn hai mươi năm qua chỉ là chàng bận bịu kiến tạo tương lai sự nghiệp đấy thôi!

Buổi dạ vũ gây quỹ cho những người mắc căn bệnh trầm kha ung thư được tổ chức ngay tại khuôn viên Đại Học Georgetown, rất gần Lombardi Cancer Center, nơi đương có những cuộc thử nghiệm cho căn bệnh hiểm nghèo chưa có thuốc chữa trị. Bác sĩ Sam Rabkin hân hoan trở lại trường cũ, mong tìm gặp những bạn đồng học xưa. Hôm nay, Sam bận một bộ đồ tây xám đậm do chính thân mẫu chàng, bà Vivian chọn lựa. Bà không bao giờ bằng lòng cho cậu út ăn mặc xuềnh xoàng trong những tiệc tùng. Sam vẫn chọc mẹ rằng bà có máu Âu Châu, để ý nhiều tới bề ngoài, không giống đa số đàn bà Mỹ. Nhưng chính những cử chỉ săn sóc của bà Vivian làm ấm lòng Sam, chính những hành động thân thương của bà đối với chàng mà Sam chưa cảm thấy cần một phụ nữ nào khác bên cạnh. Cuộc sống hiện tại đối

với Sam quá đầy đủ chỉ đôi lúc một khắc khoảnh khắc quơ đũa lên trong tâm hồn đơn giản khiến Sam quận đau; đó là những lúc nhớ về cố quốc. Sam nhận lời về Việt Nam!

Trong ball room số hai tại Leavy Center đông nghẹt những người. Ngay từ hành lang trước ball room hai dãy bàn dài trên đầy những món ăn ngượng đặc thù của Mỹ làm Sam thốt nhiên nhớ tới món chả giò Việt mà đôi lần chàng theo một vài người bạn tới thưởng thức tại Trung Tâm Eden. Đường lựa chọn một vài món cho vào đĩa, bỗng một giọng trong trẻo ngay bên tai: “Are you Vietnamese?”. Sam quay lại chạm trán với một phụ nữ Á Đông xinh đẹp duyên dáng, chàng lúng túng: “Đúng, nhưng tôi nói tiếng Việt kém lắm!”. Cô con gái cười ròn rã: “Nghe anh nói, tôi biết chắc chắn khả năng Việt ngữ của anh hơn tôi nhiều. Tôi thấy buồn vì mình gốc Việt mà đặc giọng Mỹ!”. Sam nhìn người con gái, phải công nhận nàng đẹp và rất tự nhiên, cái tự nhiên của những người lớn lên tại xứ này, một tự nhiên phóng khoáng, cởi mở không e thẹn rụt rè như các cô gái Việt Nam khác. Sam thấy thích cặp môi mọng đỏ, cặp mắt lá dăm xanh xéch đa tình nhưng thẳng thắn, chàng lấy thức ăn cho nàng, mời nàng ngồi bên cạnh vì cả hai cùng đi một mình tới dự dạ vũ. Thiếu nữ dơ tay nắm chặt tay người bạn trai mới quen: “Tôi là Nicole hành nghề bán thuốc tại Falls Church!” Đôi bạn mới gặp nhưng dễ trò chuyện thân mật có phải vì cả hai cùng một nguồn, cùng một lòng mẹ Việt Nam mà ra? Nhạc slow trở lên dịu dặt. Sam mời Nicole ra sàn nhảy. Áo dạ vũ bằng tơ mỏng màu phấn hồng nồng ấm quyện lấy bộ đồ tây xám đậm nổi một cách dịu dàng quý phái. Nàng lướt rất nhẹ trong tay Sam như hai người đã quen bước nhau từ lâu. Hết điệu này qua điệu khác, hai người như quên thực tại, họ chỉ biết có nhau, họ chỉ nhìn nhau. Sam thầm nghĩ đến những hóa chất chuyển vận trong cơ thể phù

hợp hấp dẫn lẫn nhau. Nicole cảm thấy cùng nỗi giống, cùng lối suy tư để bề gần gũi.

Chuyện tình đôi lứa nhẹ nhàng và kết thúc rất đẹp. Hai bên họ hàng gặp gỡ nhau vui vẻ, đầy thông cảm. Vợ chồng bác sĩ Rabkin mời ông bà Taylor xuống chơi Thủ Phủ Hoa Thịnh Đốn nhân dịp đầu xuân hoa đào nở rộ. Cả hai gia đình đều dự tính cho đôi trẻ làm đám cưới vào cuối thu, trời chưa lạnh lắm mà phong cảnh “xứ tình nhân” khi rừng phong bắt đầu rụng lá ngoạn mục vô cùng. Nicole và Sam tranh thủ thời gian để có những ngày xả hơi thơ mộng vì cả hai đều phải tới Việt Nam làm việc sau khi cưới.

Đám cưới lạ nhưng vui. Hai bên nhà trai, nhà gái tham dự toàn người Mỹ, riêng cô dâu chú rể là người Việt Nam. Ngay trước ngày đính hôn, Nicole đã cho người yêu biết mình không thể có con, và buồn buồn, nàng hỏi chàng có muốn đổi ý vì chuyện hệ trọng này không. Sam ôm người yêu trong tay, nhìn sâu vào đôi mắt lá dăm đen láy, chân thành trả lời: “Điều quan trọng là chúng ta ý hợp tâm đầu, chúng ta lo lắng, thương yêu nhau. Chúng ta sẽ cùng về Việt Nam, cùng tìm kiếm một trẻ sơ sinh cô cút nhận làm con nuôi như chúng ta đã từng cô cút”.

- Từ khi lớn lên, em vẫn thèm tìm về nguồn cội, em vẫn ao ước được nói tiếng mẹ đẻ xa xôi, em vẫn muốn có được một đứa bé Việt Nam bông bế mặc dầu em yêu tất cả trẻ con dù chúng da đen, da trắng hay da vàng. Nếu em không gặp anh, nếu em lấy một thanh niên Hoa Kỳ, em khó nhận con nuôi người Việt và em khó có cơ hội tới Việt Nam. Cảm ơn anh!

- Cảm ơn em! Đúng ra chúng ta phải tạ ơn Thượng Đế đã cho chúng ta gặp gỡ nhau. Chúng ta sẽ giúp đỡ những người chung quanh dù họ là Việt hay Mỹ như cha mẹ nuôi đã từng cứu mang chúng ta.

## HỘI NGỘ CẨM TÁC

Xương

Đi qua chờ đợi bữa hôm nay  
Xuôi ngược rộn ràng tay bắt tay  
Ấy bởi bạn bè tâm ý tốt  
Cũng là bút mực nghiệp duyên may  
Nhớ khi nhắc mãi câu trần trọng  
Đến lượt mời hoài chén tỉnh say  
Sau trước gần xa đây với đó  
Tình người gửi gắm áng thơ bay

### NGUYỄN PHÚ LONG

(Virginia)

## TÂM-TU-TỬU

Họa

Thấp ngọn nến hồng hẹn tối nay  
Rót tâm-tu-tửu nối vòng tay  
Thả câu thơ... dưới giàn bông giấy  
Kéo đoạn đời... trên lối cỏ may  
Bến Cỏ Cây Đa lòng tỉnh thức  
Nam Tào Bắc Đẩu mắt chưa say  
Bốn phương duyên nợ từ đây tới  
Đêm nhớ Cổ Thành cánh vạc bay

### PHAN KHÂM

(Maryland)

Những lời nói đó chính là những lời giao ước cho cuộc chung sống của cặp vợ chồng trẻ với một tương lai rạng rỡ đang đợi chờ.

Giải đất hình chữ S mờ mờ hiện ra trên mặt biển Thái Bình Dương xanh xẫm, Việt Nam, quê hương yêu dấu! Cả Nicole và Sam đều nhòa người nhìn ra ngoài khung kính máy bay... Nước mắt Nicole tràn đầy làm nhạt nhòa hình ảnh nước Việt đang ẩn hiện dưới những tầng mây trắng lững lờ. Mặc dầu tim như bị ai bóp nghẹt, Sam vẫn cố làm bộ bình tĩnh: “Hai mươi lăm năm trước, anh rời tổ quốc trong đau đớn, kinh hoàng. Lúc ấy anh chỉ là một đứa trẻ tám tuổi, thấy gì cũng sợ, tương lai mịt mù, anh chỉ có hình ảnh bà ngoại an ủi thôi. Giờ đây, anh có em bên cạnh, có cả một cuộc đời tốt đẹp mà sao tim anh vẫn quặn đau?!”

Nicole cắn môi: “Vì giải đất hình chữ S kia đấy, anh ạ. Em vừa thấy nước nở trong tâm hồn vừa thấy buồn tủi vì ngày em rời đất nước em chẳng biết gì và chẳng có một bóng hình ai để nhớ, để thương!”

Sam quàng tay ôm vai vợ, âu yếm: “Anh hứa với em, ngày chúng ta rời cố quốc, em sẽ có thật nhiều kỷ niệm để em tha hồ chất chiu, gìn giữ”.

Thành phố Sài Gòn khi xưa hiện rõ dần... Ngày ra đi, cậu bé Hải thấy thành phố to lớn, tráng lệ là thế; mà sao ngày trở lại, Sam chỉ thấy một thành phố nhỏ bé, lúp xúp, nghèo nàn? Chân trời mới mở rộng làm con người có cái nhìn khác xưa, mọi quan niệm đều đảo lộn hết!

Ra khỏi cổng phi trường Tân Sơn Nhất, trời bắt đầu chạng vạng. Gió nóng vẫn còn hừng hực bốc lên từ mặt đường nhấp nhúa, từ những con hẻm dơ dáy, từ trên không trung đổ xuống... nồng nực thật! Ngồi trong xe hơi có máy lạnh mà vẫn còn cái cảm giác hơi nóng luồn vào khe cửa. “Tội nghiệp dân Sài Gòn quá, họ chịu nóng suốt đời như thế này sao, đâu phải nhà nào cũng có máy lạnh!” Nicole buột miệng.

Người cán bộ đi đón hai vợ chồng là một bác sĩ của Bộ Y tế cười nhỏ nhẹ: “Dân chúng

ở đây đã quen chịu nóng rồi, mùa này thấm thía gì!”

Nicole và Sam đều có chung ý nghĩ về người Việt có khả năng chịu đựng bền bỉ, họ khổ cực quen rồi. Nếu như cả hai vợ chồng không có duyên may đi ngoại quốc thì cũng giỏi chịu đựng như bất cứ ai. Mới trở về nước mà riêng cái khí hậu đã làm mình khó chịu là không được, chàng và nàng đều còn trẻ, đều khỏe mạnh, đều can trường, đều không nên ta thán, đều phải dấn thân, phải hòa nhập với mọi người.

Những ngày làm việc ở Việt Nam không có gì vất vả đối với cặp vợ chồng trẻ đã quen công việc cực khổ, quen thức khuya dậy sớm, quen huấn luyện nhọc nhằn ở Mỹ. Họ được trọng vọng tại cái xứ nghèo nàn lạc hậu này nhưng họ rất buồn khi nhập vào những cuộc ăn chơi sa hoa “nhất dạ đế vương” ở Sài Gòn mà những ông lớn trong ngành Y Tế mời mọc trong khi nhan nhản những người ăn xin đui què ghê lở ngoài đường phố! Một xã hội bát nháo, “phồn vinh giả tạo”. Một xã hội chỉ nghĩ đến đồng đô la, đến kim tiền. Một xã hội dối trá, lọc lừa. Một xã hội cá lớn nuốt cá bé. Một xã hội đầy dẫy bất công.

Sam dò hỏi chỗ ở của bà ngoại chàng khi xưa tại Ngã Năm Bình Hòa. Chàng trở về ngôi nhà nay tiêu điều cũ kỹ ngay tại đầu xóm. Cảnh còn đấy, nhưng bà ngoại chàng đã mất từ lâu. Còn vài người bà con cùng trong ngõ hẻm xưa biết bà ngoại Hải nay cũng đã già cả móm mém chỉ cho Hải một phần của ngoại vì ông nông một nắm ngay sau vườn nhà. Sam xin phép chính quyền sở tại cho người tới bốc mộ và đưa cốt tới chôn ở tận quê ngoại Gò Công thờ phụng. Sam cảm thấy an lòng đã làm được những gì mà một hiếu tử người Việt nên làm.

Nicole và chồng được đưa đến Cô Nhi Viện Thủ Đức, nơi bé Lưu Thúy Lệ khi xưa được nhận để đưa sang Mỹ làm con nuôi ông bà Taylor. Mây mờ giã tử, tra tìm manh mối mới biết em bé Thúy Lệ gốc Bắc Kỳ, người

huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông. Hai vợ chồng nhất định làm một chuyến du lịch miền Bắc tới quê hương của bé Thúy Lệ. Ra tới phi trường Nội Bài, cặp uyên ương được đón tiếp nồng hậu, hai người được đưa thẳng về viện Đại Học Hà Nội. Những thủ tục rườm rà được rút gọn tới mức tối đa vì đây gần “mặt trời”, và chính phủ Việt Cộng vừa lo o bế ngoại kiều vừa muốn lấy lòng những chuyên viên cao cấp từ Hoa Kỳ tới giúp đỡ. Ở Hà Nội hai hôm, Sam và Nicole lên đường về Hà Đông, tìm tới Chương Mỹ. Nicole bật khóc nức nở trên đường cái quan về huyện lỵ. Nàng không ngờ nơi chôn nhau cắt rốn của mình nghèo nàn xơ xác đến thế. Đường đất đỏ quanh gồ ghề, khúc khuỷu; những rặng tre vàng cằn cỗi, te tua; những tầu cau lưa thưa, im vắng; những mái nhà tranh rải rác tiêu điều; những đứa trẻ bụng ỏng, xanh xao vàng vọt ánh mặt đầy sợ hãi, ngơ ngác nhìn những người khách lạ. Một phần tư thế kỷ trước nếu mình lớn lên ở đây thì mình cũng như những đứa bé còm cõi kia thôi, Nicole đau đớn nhìn thấy như vậy. Ôi, kiếp người sao quá đọa đày ở mảnh đất quê hương xa lạ này! Nàng chỉ muốn một ngày gần đây trở về mảnh đất này lo cho người dân quê chất phác, thiếu thốn, cơ cực.

Nicole và Sam được đưa đến một chỗ vừa được gọi là nhà bảo sanh, vừa được gọi là cô nhi viện. Nicole muốn tìm một đứa trẻ côi cút như nàng khi xưa. Gần chục đứa bé sơ sinh đa số đều có cha mẹ, chỉ có một bé gái vô thừa nhận. Người mẹ sau khi sanh, trốn biệt. Bồng đứa nhỏ chưa đầy tháng trên tay, Nicole ghen ngào với chồng: “Em muốn nuôi đứa bé này. Mình sẽ cố gắng lo cho nó nên người, anh nhé”. Nicole chạnh lòng nghĩ tới một phần tư thế kỷ trước nàng cũng là một đứa trẻ côi cút trong cái nhà bảo sanh bé nhỏ này. Ngày ấy, Nicole đã được chuyển tay qua những ai, để rồi may mắn được gia đình Taylor tiếp nhận? Ôi! Những ngày mới mở mắt chào đời nàng đã không có

cha, rồi mẹ cũng chết đi giống như đứa nhỏ này cũng không cha không mẹ, có khác chăng là mẹ nó đã nhẫn tâm từ bỏ nó; nó còn đáng thương hơn bé Thúy Lệ thuở xưa. Ôm đứa nhỏ đỏ hồng trong lòng, Nicole bật khóc, khóc cho nàng, khóc cho nó và khóc cho tất cả những đứa trẻ bất hạnh. Sam chiều theo ý vợ ngay vì chính chàng cũng thích những tiếng bi bô của trẻ thơ trong nhà.

Cô Nhi Viện bằng lòng khi có người xin đứa trẻ bị bỏ rơi này. Nhưng điều khó khăn là không có giấy tờ minh chứng sự ưng thuận của mẹ đứa nhỏ. Nhỡ mai này, y thị trở về đòi con thì viện bảo sanh biết trả lời ra sao. Vả nữa, Việt Nam chưa có đạo luật nào về sự chuyển nhượng con nít cho một cặp vợ chồng ngoại quốc dù họ gốc Việt, khó khăn hơn nữa là đứa bé bị bỏ rơi ra đời tại một nơi “khỉ ho, cò gáy”, chỉ có luật rừng và nó do một cô mụ vườn đờ; chính vì không có bác sĩ làm chứng mà Nicole không được quyền mang đứa bé sơ sinh tục gọi là cái Tũn ra khỏi nước. Những viên chức trong huyện thấy cặp vợ chồng trẻ tha thiết với đứa bé càng tìm cách làm khó để dễ bòn tiền. Sam và Nicole không ngại tốn kém, nhưng thời giờ của họ chỉ có hạn tại Việt Nam. Khi cả hai trở về Hà Nội lo giấy tờ theo thủ tục của chính quyền Cộng Sản thì thời gian công du tại Việt Nam cũng vừa hết. Những chương trình du lịch đi vịnh Hạ Long, ra bãi biển Sầm Sơn, lên động Hương Tích đành phải hủy bỏ. Cả hai phải trở lại Mỹ chờ một dịp khác.

Sáu tháng sau, sáu tháng đối với Nicole dài như bất tận, nàng chỉ lo cái Tũn ở huyện Chương Mỹ bị mẹ nó ẵm đi hay ốm đau không đủ thuốc men khi con bé còn trứng nước. Sam và Nicole lại quyết định xin nghỉ việc một thời gian để sang Việt Nam lần nữa. Trở về quê hương lần này chỉ một mục đích mang được cái Tũn về tổ ấm của hai vợ chồng. Họ báo trước cho sứ quán và nhờ tòa lãnh sự can thiệp ngay khi vừa đặt chân đến phi trường Nội Bài. Có tiếng nói của chính

quyền, có tiền đổ vào cho “quan trên”, cho “bản nha” nên vừa đặt chân tới Chương Mỹ mọi việc được giải quyết nhanh chóng, trôi chảy. Xa bé Tũn đã được hơn nửa năm, Nicole vừa sung sướng vừa lo lắng. Bây giờ nó là của nàng mà sao con bé gầy yếu quá; so với những đứa trẻ cùng tháng con bé chỉ nhỏ bằng nửa. Từ ngày nó ra đời, mẹ nó chưa bao giờ xuất hiện, không ai tận tâm lo lắng mà con bé còn sống đến ngày Nicole trở lại đã là một sự nhiệm mầu, vợ chồng nàng thật có duyên với cái Tũn!

Trở lại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, Nicole và Sam được cha mẹ nuôi và gia đình hai bên cùng bạn bè nồng nhiệt đón tiếp nhất là thêm một nhân vật bé nhỏ, ai trông thấy bé Tũn cũng tưởng là con ruột của hai người. Ông bà Taylor, vợ chồng bác sĩ Rabkin đều mừng cho Sam và Nicole. Ông bà Taylor biết cô con gái nuôi không thể có con được và tâm hồn lúc nào cũng vọng về quê cũ, Nicole là một cô gái Mỹ mang dòng máu Việt và ngay khi khôn lớn đã nhiều lần Nicole tâm sự với bà Taylor tình cảm bất diệt của nàng đối với quê hương. Bây giờ Nicole đã có được một đứa con nuôi, một bé gái Việt như lòng nàng ao ước! Vợ chồng bác sĩ Rabkin cũng tin chắc cậu con trai yêu quý tràn đầy hạnh phúc vì dù không bao giờ Sam thổ lộ lòng nhớ cố hương nhưng ông bà biết chàng chẳng bao giờ quên được giải đất hình chữ S bên kia bờ đại dương vì khi rời Việt Nam cậu bé Hải đã tám tuổi; với cái tuổi đó những ân tình thuở nhỏ đã hằn sâu trong tâm khảm, những dấu ấn tuổi thơ còn mãi mãi trong đầu óc!

Đôi vợ chồng trẻ đều hăng say công việc, nhưng nay có thêm một đứa trẻ trong nhà, cả hai vất vả hơn, phải cắt phiên để lo săn sóc Tina, bé Tũn khi xưa. Chỉ mấy tháng sau về với Nicole và Sam, Tina xỏ sữa trông thấy, con bé ngoan vô cùng, không ai nghe thấy tiếng khóc của nó, chỉ thấy con bé toét miệng cười mỗi khi mẹ nó dạo dương cầm, và đặc biệt nó lắng nghe



một cách say sưa chăm chú khi mẹ nó chơi bản “ngày về” của Hoàng Giác. Ngày Tina đầy tuổi tôi, Nicole bàn cùng chồng tổ chức một bữa ăn mừng sinh nhật giản dị tại nhà. Bữa đó, giữa đồng hồ chơi, bé Tina đã chọn một cuốn sách và một cây viết. Hai vợ chồng tin chắc con bé sẽ ham học sau này. Khách khứa lại tròn mắt ngạc nhiên nhìn Tina giở sách bằng hai ngón tay cái và trỏ, bật bật một cách thành thạo như người lớn để tìm đến trang sách có những hình bé ưa thích. Vài người cắc cớ đảo lộn những mẫu tự trong ô chữ, Tina ngắm nghía kỹ lưỡng rồi lắc đầu ra cái điều không đúng, chăm chú bày lại những chữ theo đúng thứ tự mới ngắt đầu lên cười khanh khách một cách hồn nhiên. Mới mười lăm tháng, Tina đã biết ra tận cửa “ạ” mỗi khi có khách đến chơi, biết đưa khách tới cổng chào “good bye” khi về. Đến khi được mười tám tháng, Tina đã làm ngạc nhiên cả hai bên ông bà nội ngoại, con bé đã hát được mấy câu trong bài quốc ca Mỹ và câu đầu tiên trong bài quốc ca Việt. Mỗi khi Nicole thì thâm vào tai điều gì, Tina lắng nghe; bà Taylor sung sướng đến ứa nước mắt khi con bé lon ton chạy tới hôn tay bà theo lời mẹ Nicole nói nhỏ; vợ chồng bác sĩ Rabkin ngăn người vì không ngờ bé Tina đến cầm tay ông đặt lên tay bà một cách âu yếm khi hai ông bà ngồi kề bên nhau. Mặc dầu túi bụi với công việc, Nicole đã dạy con biết đủ những chữ cái, biết ghép vài âm giản dị. So với những đứa bé cùng trang lứa, Tina thông minh vượt bậc và ngoan vô cùng. Đi đến nhà ông bà nội ngoại không bao giờ Tina đòi hỏi, không bao giờ Tina nằm ăn vạ hay khóc nhè âm ỹ như những đứa trẻ khác. Ai cũng muốn trông bé, ai cũng muốn chỉ dạy bé. Vợ chồng Sam vui sướng, nhất là Nicole; nàng đã thấy kết quả tốt đẹp sau những ngày chịu cực để xin bé Tũn được trả đúng giá. Có những lúc con ngủ, hai vợ chồng nắm tay kê bên giường con, Nicole nũng nịu với chồng:

SỐ 45

- Em mong mình có thêm một đứa bé trai nữa. Nhưng em chỉ sợ nó không được như Tina thôi!”.

Sam nhìn vợ âu yếm :

- Anh nghĩ đứa bé nào sống với chúng mình cũng sẽ như bé Tina. Chúng mình hằng hái tìm cách lo cho trẻ được phát triển toàn diện, cả thể chất lẫn tinh thần là điều đáng làm, đáng hi sinh. Anh nghĩ đứa trẻ nào bộ não cũng có thể phát triển tới mức tối đa khi thân xác đang đà nảy nở, chỉ có điều người lớn có biết nuôi dưỡng và dạy dỗ đúng cách hay không? Mình là người gốc Việt, mình vẫn nên giữ cái đẹp tao nhã, lễ độ của người Á Đông nhưng mình cũng nên tập bỏ mặc cảm nhược tiểu, yếu đuối, nhát nhúa, sợ sệt của người dân mình.

Nicole nhìn chồng thông cảm:

- Có phải anh đương nghĩ về quá khứ, thời gian mới tới đây không?

- Đúng, hồi ấy anh mới tám tuổi, một thằng con nít Việt Nam thấy cái gì cũng sợ, sợ nhất là không biết làm sao để vừa lòng người khác; có biết đâu ở đây người ta không đòi hỏi mình như vậy, người ta chỉ muốn mình hiểu và mình phát huy khả năng của mình. Những ngày ấy, anh hãi lắm, anh chỉ ao ước mạnh dạn, tự nhiên như một đứa trẻ Mỹ và anh đã cố học tập lối sống xứ người để được như ngày nay. Nhưng, thành thật mà nói trong tâm tư, anh vẫn thương yêu những người trẻ Việt Nam sống ở xứ này mà tâm hồn còn để nơi quê cha đất tổ. Em ơi! Điều anh muốn hỏi em là có bao giờ em nghĩ tới một ngày về lại quê hương nghèo khổ không?

Nicole trả lời ngay, không đắn đo: “Đó là ước vọng của em. Em mong anh đồng ý với em trong tương lai chúng ta sẽ trở về đất nước lo cho những người khốn khổ”.

Hai vợ chồng nhìn nhau trân trọng, cảm thông.

**NGUYỄN LÂN**  
(Virginia)

65

# ĐỔI TRẮNG THAY ĐEN

(Hình ảnh pháp luật trong văn học dân gian)

## Tâm Minh NGÔ TẶNG GIAO

**Ở** nước ta trước khi có văn chương bác học với những bài văn theo khuôn phép nghiêm chỉnh thì người bình dân trong nước đã biết biểu lộ tư tưởng của mình bằng những câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao, phong dao v.v... được gọi chung là văn chương bình dân hay văn học dân gian. Văn học dân gian do ở sự truyền khẩu từ đời này qua đời khác mà còn lưu lại đến nay. Nó rất phong phú và đa dạng. Nó đề cập đến đủ mọi lãnh vực: từ luân lý đến đạo lý làm người, từ tâm lý người đời, tình ý trong lòng người đến phong tục tập quán. Lại có những câu về thường thức như thời tiết, thiên văn, canh nông, tướng người và các trạng thái khác nhau trong xã hội.

Pháp luật cũng là một trong những hình ảnh xuất hiện trong văn học dân gian của nước ta: từ luật tố tụng đến luật hình sự, từ luật kinh doanh đến luật gia đình. Bài này nói chung về một vài mối tương quan giữa người dân và quan lại mà thôi.

\*

Dân tộc Việt Nam ta vốn là một dân tộc hiếu hòa. Từ ngàn xưa người dân Việt đã biết bảo nhau bỏ qua những thiệt hại nhỏ nhặt, nếu có, để giữ hòa khí giữa bà con làng xóm với nhau:

*“Chín bỏ làm mười”*

Hoặc nhin nhượng nhau để tránh điều dữ, tạo điều lành:

*“Một câu nhin chín câu lành”*

Hoặc: *“Chín nhin, mười lành”*

Hoặc: *“Bớt giận làm lành”*

Người dân còn luôn luôn tâm niệm là đừng nên làm việc ác, việc sai trái vì *“gieo gió sẽ gặt bão”* và đối với pháp luật thì nếu ai vi phạm sẽ bị hình phạt:

*“Ác giả, ác báo”*

Người dân không thích đưa nhau ra kiện tụng trước *“cửa công”*. Họ chê cười những kẻ thích kiếm chuyện một cách vô lý, họ gọi những người đó là những kẻ:

*“Bán ruộng, kiện bờ”*

Hoặc: *“Bán ruộng nhà, kiện ruộng chùa”*

Họ chê cười những kẻ gặp việc nhỏ bé không đáng gì mà lại cứ thích làm to chuyện ra:

*“Việc bé xé ra to”*

Họ lên án những kẻ ưa xúi bẩy người khác kiện tụng để *“đục nước béo cò”*, lợi dụng cơ hội thủ lợi. Họ gọi hạng người đó là:

*“Đâm bị thóc, chọc bị gạo”*

Hành vi xúi bẩy người này, khích động người kia *“đổ thêm dầu vào lửa”*, làm cho hai bên vốn đã mâu thuẫn lại càng mâu thuẫn thêm, thường bị chê là:

*“Xui nguyên, đục bị”*

Những vụ kiện tụng vợ vắn thường bị chế giễu là:

*“Con kiến mày kiện củ khoai”*

*Mày chê tao khó lấy ai làm giàu?”*

*Nhà tao chín đụn mười trâu  
Lại thêm ao cá có cầu rửa chân*

\*

Dân gian biết rằng kiện tụng sẽ hao tài tổn của. Dù thắng kiện hay thua kiện thời cả đôi bên, kẻ đi kiện lẫn người bị kiện, đều thiệt hại:

*“Một đời kiện, chín đời thù”*

Việc đưa nhau ra để nhờ quan lại phân xử quả là một điều vô phúc:

*“Vô phúc đáo tụng đình  
Tụng đình rình vô phúc”*

Hoặc:

*“Cái đáo tụng đình, nó rình nhà vô phúc”*

*“Đáo tụng đình”* là đến cửa quan kiện tụng. Người ta vác đơn đi kiện là sự xích mích giữa hai bên nguyên bị không tự giải xếp nổi. Hay bên này cố tình ức chế bên kia, vì oan ức nên mới đi thưa. Trong thời gian thưa kiện, bên nguyên đơn cũng như bên bị đơn đều phải lên xuống hầu quan nhiều lần. Mỗi lần như vậy lại phải bỏ việc nhà năm ba ngày, có khi hàng tháng, vì đường sá ngày xưa đi lại khó khăn. Đã thế lại tốn hao không biết bao nhiêu là tiền của, nào xe pháo, nào chi tiêu dọc đường, tiền ngủ trọ, và... đút lót cho các sai nha... Để cuối cùng bên nào cũng sạch túi cả:

*“Được kiện mười bốn quan năm,  
thua kiện mười lăm quan chẵn”*

Hoặc: *“Vô phúc bước cửa quan”*

Nhiều khi mất thêm thời giờ vì:

*“Chờ được vạ, má đã xưng”*

Chờ được vạ là chờ được bồi thường khi xét xử. Vạ từ cổ có nghĩa là phạt như bắt vạ, ngã vạ. Dân gian hiểu “được vạ” có nghĩa là “được cuộc”, “được kiện”.

\*

Cuộc sống chung nhiều khi không đơn giản. Có những kẻ thấy người khác nhụt nhục lại cứ “*được đằng chân, lân đằng đầu*” cứ tiếp tục hiếp đáp, lấn át bà con. Trong trường hợp này thì “*con giun xéo mãi cũng quăn*” và vì “*tức nước vỡ bờ*” bà con ta đành phải đưa nhau ra tòa án để nhờ phân xử, nhờ ánh sáng công lý phán xét:

*“Đèn trời soi xét”*

Trước tòa án mọi người đều bình đẳng, không có cảnh “*mạnh được yếu thua*” hay nể nang quen biết:

*“Pháp bất vị thân”*

Hay: *“Quan pháp vô thân”*

Pháp luật phải được áp dụng một cách nghiêm chỉnh và vô tư dù ai đó có bị thiệt hại:

*“Thẳng mực tàu, đau lòng gỗ”*

Pháp luật không nương tay cho ai cả dù đó là thành phần nào trong xã hội:

*“Con chim ăn quả bò nu*

*Ai làm nên nổi, thầy tu đeo xiềng?*

*- Thầy tu ăn nói cà riêng*

*Em thưa quan cả đóng xiềng thầy tu”*

Pháp luật phải luôn luôn được phổ biến cho mọi người dân biết vì dân có biết pháp luật, biết điều bị cấm đoán, mới có thể tôn trọng pháp luật, tránh làm điều sai trái:

*“Tri pháp, úy pháp”*

Tại nước ta, đi vào bất cứ vùng quê nào, người ta cũng nên quan tâm tới tập tục, phép tắc ở nơi đó. Hiểu biết, tôn trọng luật lệ của từng nơi, từng chốn là một yêu cầu văn hóa trong thế ứng xử của người dân đối với quan hệ xã hội. Bởi thế dân gian thường khuyên bảo nhắc nhở nhau trọng quy tắc của làng xã Việt Nam:

*“Đất có lề, quê có thói”*

Hay: *“Đất lề, quê thói”*

Lề luật của làng nhiều khi còn có giá trị vượt trội hơn cả phép tắc của nhà vua nữa:

*“Phép Vua thua lệ làng”*

Người dân sống ngay trong làng xã nên thấy điều thiết thân trước mắt là phải coi phép tắc của làng xã hơn các thứ khác:

*“Thà thiếu thuế Vua hơn thua lệ làng”*

Nhưng nói chung khi phép tắc của Vua mà không trái với lề luật của làng thì người dân Việt vẫn một mực tôn trọng, tuy đôi khi họ phản kháng một cách tế nhị và hài hước như việc cấm mặc “quần không đáy” tức cái “váy”:

*“Tháng tám có chiếu Vua ra*

*Cấm quần không đáy người ta hỡi hùng!*

*Không đi thì chợ không đông*

*Đi thì phải lột quần chồng sao đang!”*

\*

Trong đời sống hàng ngày người ta thường dùng cân để đo khối lượng các vật cho chính xác. Những người thợ như thợ mộc, thợ cưa xẻ phải dùng dây thắm mực nẩy trên gỗ để đánh dấu làm chuẩn cho đường cưa. Sự ngang bằng của cán cân cũng như đường mực thẳng tắp của dây nẩy trên gỗ là biểu tượng của sự ngay thẳng, đứng đắn và công bằng. Dân gian đã gộp hai hành động này lại với nhau thành một thành ngữ để nói đến người nắm trong tay quyền xét xử; họ gọi quan tòa là những người:

*“Cầm cân, nẩy mực”*

Hoặc: *“Chí công vô tư”*

Rất công bình, không tư vị. Đó là tôn chỉ của các quan thanh liêm ngày xưa Các

quan giải quyết việc công bao giờ cũng lấy sự công bình làm mực thước, và dứt khoát không tư vị một ai, dù đó là người thân của chính mình cũng vậy. Không thiếu những vị quan thanh liêm, công minh, theo đúng chuẩn mực đạo lý và giữ đúng kỷ cương xã hội. Người dân ca tụng những vị này như những bậc “phụ mẫu”, “cha mẹ dân”, như những Bao Công thời Tống. Nhưng trong thực tế nhiều khi tiền bạc đã lung lạc lương tâm con người khiến một số quan chức tòa án làm sai pháp luật. Từ xưa tới nay chuyện này không phải là hiếm. Dân gian đã mạnh dạn tố cáo những bản án bị mãnh lực kim tiền lung lạc:

*“Nén bạc đâm toạc tờ giấy”*

Tố cáo những luật lệ bị tiền bạc phá bỏ:

*“Kim ngân phá luật lệ”*

Tố cáo vì những kẻ có nhiều tiền lắm bạc mà chiếm yêu thế:

*“Tiền bạc đi trước, mực thước đi sau”*

Túi tham của quan nhiều khi không đáy khiến người dân phải kêu lên:

*“Cửa vào quan như than vào lò”*

Mỗi lần có chuyện kiện tụng giữa dân chúng với nhau là quan lại “mở cờ trong bụng” vì sắp được hưởng lợi:

*“Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ”*

Khi có tiền hối lộ thì thường quan xử kiện không còn công minh nữa. Hoặc là quan bỏ qua tội phạm không thêm xét đến:

*“Mèo tha miếng thịt xông xao*

*Kẻnh tha con lợn thì nào thấy chi!*

*Mèo tha miếng thịt thì đòi*

*Kẻnh tha con lợn mắt coi tròng tròng”*

Hoặc quan thay đổi lý luận của mình để mang phần lợi về cho người đút lót:

“*Kiền gian bàn ngay*”

Hay: “*Lý gian bàn ngay*”

Người dân gọi chung những kẻ tham nhũng này là bọn người:

“*Đổi trắng thay đen*”

Hoặc: “*Cãi chày cãi cối*”

Cối và chày là những thứ bị ma sát hằng ngày nên... lì mặt! Mà đã lì mặt thì làm sao phân biệt được chuyện phải trái! Cứ cãi bừa, cãi cho bằng được mới nghe.

Người có quyền lực như quan thì nói như thế nào, phán như thế nào cũng được, chẳng ai cấm đoán và dám cãi lại. Chẳng thế mà dân gian có câu:

“*Muốn nói oan làm quan mà nói*”

Hay: “*Muốn nói gian làm quan mà nói*”

Dân gian mai mỉa cái khôn ngoan quý quyết của quan:

“*Khôn nên quan, gan nên giàu*”

Chê bai cái thiên vị của quan:

“*Muốn làm lớn thì làm lão*”

Thậm chí đến cả những người chưa chính thức làm quan cũng bị dân gian ghét lây:

“*Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng Tổng*”

Dân gian có kinh nghiệm là quyền hành đi đôi với bổng lộc:

“*Quan cả, vạ to*”

Người dân xếp loại quan theo ngạch trật, theo quyền hạn, theo chức vị, có thể kiếm chác được nhiều hay ít:

“*Nhất thì bộ Lại, bộ Binh*

*Nhì thì bộ Hộ, bộ Hình cũng xong*

*Thứ ba thì đến bộ Công*

*Nhược bằng bộ Lễ, lạy ông xin về*”

Xếp hạng theo địa thế nơi béo bở dễ kiếm chác:

“*Quan thời xa, bản nha thời gần*”

Hoặc: “*Quan trong hơn quan ngoài*”

Ngoài việc tham ô, đòi hối lộ, một số quan khác còn dâm ô, hà hiếp dân lành:

“*Em là con gái đồng trinh*

*Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè*

*Ông Nghè sai lính ra ve...*

- *Trăm lạy ông Nghè tôi đã có con*

- *Có con thì mặc có con*

*Thắt lưng cho giòn, theo võng cho mau*”

Dân gian lên án hành vi dâm ô có tính cách liên kết giữa các quan lại, thật ra là lên án chung hành vi coi thường luật pháp có tính cách bao che lẫn nhau của nhóm quan lại:

“*Bộ Binh, bộ Hộ, bộ Hình*

*Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi*”

Dưới quan là một số các chức quyền khác cũng thừa cơ hội “*mượn gió bẻ măng*” ăn theo:

“*Quan hai, lại một*”

Bởi thế dân gian mới khuyên nhau một cách xỏ xiên là:

“*Khôn làm Lại, đại ở nhà*”

Dân gian than thở là vừa thoát ách này lại gặp nạn khác, đúng là cảnh “*quỷ tha ma bắt*”, vừa thoát cơ quan này lại kẹt với cơ quan khác:

“*Quan tha, Nha bắt*”

Quan này đi quan kia thay thế, cũng “*cá mè một lứa*” bòn rút nhân dân:

“*Ông Huyện chữa đi, ông Tri đã lại*”

Hay: “*Quan Phủ đi, quan Tri nhậm*”

Bọn lính tráng dưới quyền quan nhiều khi cũng chẳng kém hống hách:

“*Cậu Cai buông áo em ra*

*Để em đi chợ kẻo mà chợ trưa*

*Chợ trưa rau nó héo đi*”

*Lấy gì nuôi mẹ, lấy gì nuôi con?”*  
Dân gian “*thấp cổ, bé miệng*” nhiều khi  
đành chỉ phản kháng một cách trào lộng:

*“Đẻ đũa con trai  
Chẳng biết nó giống ai  
Cái mặt thì giống ông Cai  
Cái đầu ông Xã, cái tai ông Trùm.”*

Dân gian cực lực lên án những hạng  
quan lại tham ô và dâm dăng:

*“Con ơi mẹ bảo con này  
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan”*  
Người dân ghét lây đến những tay chân  
dưới quyền quan:

*“Léo nhéo như Mõ réo quan viên”*

Người nào được cảm tình của quan  
chắc chắn sẽ được bà con lối xóm nhìn  
bằng con mắt thiếu thiện cảm:

*“Quan yêu, bạn ghét”*

Người dân một mặt đề cao những nghề  
tuy lao động nhưng lương thiện, một mặt  
đánh giá thấp các chức vụ dĩnh dăng tới  
quan quyền:

*“Có phúc thợ mộc, thợ nề  
Vô phúc thầy Đê, thầy Thông”*

Người dân vạch ra cái thói “*ăn trên  
ngồi chốc*” của quan:

*“Thừa quan rồi mới đến dân  
Thừa nha môn tuần đến sãi đò đưa”*

Vạch ra cái thiếu tình cảm đến lạnh  
lùng kiêu “*mặt sắt đen xì*” của quan:

*“Quan cứ lệnh, lính cứ truyền”*

Để chỉ tính tùy tiện, đúng sai bất chấp,  
tiền hậu bất nhất trong lời nói của lớp  
người quyền cao chức trọng trong xã hội,  
dân gian nói:

*“Miệng quan, tròn trề”*

Quan là người thay mặt Vua để trị vì  
thiên hạ. Mỗi lời nói của miệng như vàng  
như ngọc, ấy thế mà bị so sánh với tròn trề,  
tức là cái bộ phận bài tiết của con người,  
mà hoạt động của nó ở con trẻ rất tùy tiện,  
vô chừng, loẹt xoẹt suốt ngày, chẳng có lẽ  
luật gì cả. Đôi khi dân gian đem quan ra so  
sánh với những vật tầm thường:

*“Thứ nhất Quận Công, thứ nhì không khố”*

Hoặc so sánh với những hoạt động hàng  
ngày không được sạch sẽ chi mấy:

*“Thứ nhất Quận Công, thứ nhì ỉa đồng”*

Hay: “*Ỉa đồng một bãi bằng vạn đại  
Quận Công*”

Cái miệng đầy quyền hạn của quan từng  
“*hét ra lửa, mưa ra khói*” ấy vậy mà khi  
làm bậy vẫn bị so sánh với bộ phận thường  
được coi là tục trên thân thể người dân đen:

*“Miệng kẻ sang có gang có thép*

*Đồ kẻ khó vừa nhọ vừa thâm”*

Khi gặp quan lại không được công minh  
người dân nói chung dùng văn chương  
truyền khẩu để tố cáo và phản kháng, khi  
thấy khó có kết quả dân gian thường than:

*“Ngắn cổ bé miệng, kêu không thấu trời”*

Và khuyên nhau có thái độ hòa hoãn  
để được tạm sống an thân:

*“Nợ van, quan khát”*

Nhiều hình ảnh pháp luật khác được  
phản ánh trong nền văn học dân gian mà  
bà con bình dân ta còn nhiều dịp đề cập tới  
dài dài...

## **TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO**

(Virginia)

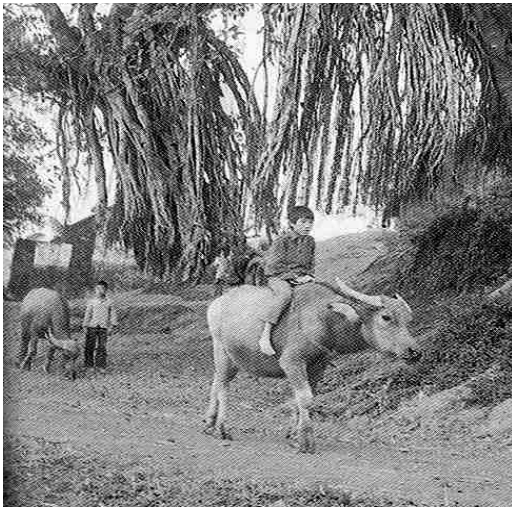
## NĂM TRÂU VỮNG MẠNH

(Kỷ-Sửu 2009 = Tích lịch Hoả)

Chuột sấp qua rồi tiếp có Trâu;  
Con Hồng, Cháu Lạc : nhất tâm cầu  
Chúa ban ân phúc nhiều thành-đạt;  
Phật độ chúng-sinh khắp rộng sâu.  
Bốn Biển Việt nòi năng giữ gốc;  
Năm Châu Nam giống xiển dương lâu.  
Cộng-Đồng muôn thuở hằng bồi đức ;  
Hạnh-phúc ấm-no Dân-Chủ ngầu. . .

## GIA-TRẠNG LNQ

Paris



*Nhớ ngày xưa còn thơ  
Trên lưng trâu thổi sáo  
Trong gió chiều vi vu  
Đường về thôn yêu dấu.*

**NTND**

## MÙA ĐÔNG TUYẾT ĐỔ

Bác Hoàng ơi, Bác Hoàng ơi,  
Nghe tin tuyết đổ toi bờ ngoài hiên!  
Hỏi rằng Bác vẫn bình yên?  
Lời thơ vẫn đẹp vẫn hiền như xưa?  
Cho dù Trời Nắng, Trời Mưa  
Trời Cao Cảnh Vạc vẫn chưa mỗi nào.  
Cho dù Trời có làm sao,  
Tình Thơ vẫn nở như sao trên trời!  
Ý tình nhờ gió ngàn khơi,  
Dệt thơ đem gửi cho người bốn phương.

## Yên Vi

- Thăm Hoàng Trùng Dương trong trận Tuyết mùa đông 01.2006

## THỬ NGÓ MÌNH

Thử ngó mình coi, biết dở hay,  
Già (gân), không mập cũng không gầy!  
Bạc trơ mái tóc, răng còn, mất?  
Cay đắng buồn gan, bụng cứng đầy!  
Suy tính, may chưa cùn trí óc,  
Đứng đi, mừng vẫn khỏe chân tay!  
Bấy ngày bệnh nhẹ, đều ba bữa,  
Kiếm múa, thơ vui với tháng ngày!!

## DƯƠNG HUỆ ANH

California, 14/01/08

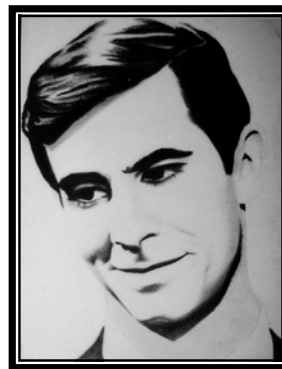
# THẦN TƯỢNG XI-NÊ

## NGUYỄN THỊ SONG HÀ



Elizabeth Taylor

Ai bảo con gái Trưng Vương, thời cấp sách đến trường, ngoài chuyện chịu khó học hành mà không biết đến phim ảnh nữa. Ngoài giờ gạo bài, cũng lén lút cha mẹ hẹn hò với bạn cùng lớp hoặc với kếp để chui vào rạp hát thưởng thức những phim hay, ngắm nhìn những nam nữ tài tử mà mình say mê. Thời thập niên 60,



Anthony Perkins

khoảng thời gian tôi trải qua bảy năm học, chẳng có một phim nào hay, mà tôi không có mặt. Đã mê xem phim rồi lại còn mê cả các nam nữ tài tử đóng trong phim nhiều hơn. Chẳng thế nhiều phim có hay lắm đâu, nhưng tại có thần tượng của mình thích mà chịu khó chen chúc để xem cho bằng được. Nào là nữ diễn viên đẹp nào nùng, đẹp ngấn người như: Elizabeth Taylor trong *Cleopatra*, nào



Natalie Wood

là Vivien Leigh trong *Autant en emporte le vent*, *L'Arbre Vie*, Sandra Dee trong *A Summer Place*, *Gidget*, *Mirage de la Vie*, Millie Perkins trong *Le Journal d'Anne Frank*, Natalie Wood trong *Gypsy*, Audrey Hepburn với *Vacances Romances*, *Guere et Paix*, *La Rumeur*, *Breakfast at Tiffany's...* Nào là các nam tài tử bô trai, gạo



James Dean

cội như: James Dean trong *À l'Est d'Eden* mặt đen như củ sừng, sững điên cuồng khi đào trúng mỏ dầu trong *Giant*. Anthony Perkins trong phim *Aimez-Vous Brahms?* Trong *Psycho*, hàng loạt phim kinh dị của Alfred Hitchcock đã làm cho nhiều vị trong đêm tối sợ rúm người, nhất là vào nhà tắm, thì ôi thôi hình như có kẻ nào sau lưng





Sandra Dee



Brigitte Bardot



Millie Perkins

sắp đâm cho một nhát. Tôi có bà chị cũng học Trưng Vương, chị mê xem phim thì ít nhưng mê thần tượng của mình thì nhiều. Chị lại có chút hoa tay nên có bức hình tài tử nào đẹp là chị vẽ lại. Tôi cũng cố bắt chước nhưng than ôi vẽ xong thì vừa tốn giấy vừa tốn bút chì mà chẳng giống ai.

Cũng như bây giờ thằng cháu ngoại tôi, cứ bắt bà phải vẽ Spiderman. Bà đâu có khiếu về hội

hoạ, nhưng thôi chiều cháu thì cũng gồng mình múa bút. Hôm thì giống con thần lặn đang bò trên tường, lúc thì giống con chuột, khá nhất là giống con ếch.

Trở lại vẽ hình tài tử thì cũng vậy, may mà chỉ chưa giống tài tử chứ chưa đến nỗi biến tài tử thành con vượn.

Cách đây ít lâu về Los Angeles

thăm chị, bước vào một phòng: chà... toàn là những bức hình ngày xưa được đóng khung treo trên tường mà chị đã vẽ khoảng năm chị 16, 17 tuổi. Căn phòng được biến thành Gallery of Art của Nguyễn Thị Tường Vân. Tôi xin chụp lại để đăng vào đặc san. Chẳng phải khoe hoa tay bà chị nhưng mà muốn cùng quý vị nhớ lại những thần tượng một thời Trưng Vương của mình, một thời đã làm chúng ta rùng rợn lên mây trước cửa các rạp hát như Rex chẳng hạn.

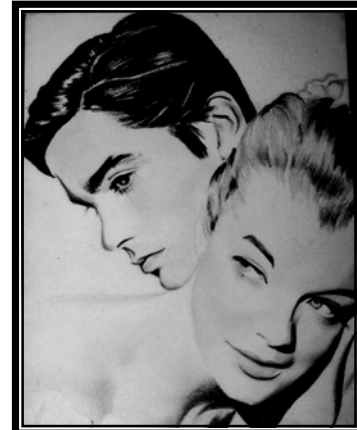
Trích Đặc San Trưng Vương San Jose (09/2008)

**NGUYỄN THỊ SONG HÀ**

TV 59-66



Alain Delon



Alain Delon & Rommy Schneider